



NEUROTONIC

CÔNG HIỆU NHƯ THÂN

★ BỒI BỒ ỨC

★ TĂNG CƯỜNG TRÍ NHỚ

★ BẢO VỆ SINH LỰC

PHỔ THÔNG

Giám-đọc, Chủ-bút : Nguyễn-Vũ

Năm thứ XII

15-9-1969

230

● Vụ án con nuôi của Tá-quân Lê-văn-Duyệt.

Có LƯU-HÀ

● Công-Chúa Huyền-Trần qua Hời.

Trung-Tá PHẠM-VĂN-SON

● Thi-sĩ Nguyễn-Khuyến làm văn-tế Đại-
Ủy F.Garnier và Toàn-quyền P.Bert

ĐÔNG-TÙNG

● Thơ Lên Ruột : Xá tội vong-nhân

DIỆU-HUYỀN

● Hoạt-động văn-nghệ Trẻ :
Quán Thăng Bờm.

THỤ-MAI

● Thư số 3, gửi các vị Lãnh-đạo Phật-
giáo Việt-nam

NGUYỄN-VỸ

● Minh ơ : Để sanh đôi

DIỆU-HUYỀN

tạp-chí văn-hóa việt-nam và quốc-t

PHỔ THÔNG

TẠP - CHÍ

GOP PHÂN XÂY DỰNG VĂN HÓA VIỆT NAM
PHỤC BIÊN VĂN HÓA ĐÔNG TÂY KIM CÔ

Giám-đốc, Chủ bút ; Nguyễn-Vũ

Tòa-soạn : 231 đường Phạm-ngũ-Lão — Saigòn — ĐT 25861

Năm thứ XII — số 230 — 15-9 1969

- | | | |
|---|------------------|---------|
| 1 — Bức tâm thư số 3 (t.theo) | N.V. | 7 — 10 |
| 2 — Thành Phiên-An (t.theo) | Lưu Hà | 11 — 15 |
| 3 — Ai là tác giả bài thơ nói ngược «Ông Trọng — Trọng Ông» | Huỳnh-thương-Chí | 16 — 19 |
| 4 — Thánh Gandhi học dệt | Mai-dăng-An | 20 — 22 |
| 5 — Vì sao Công-chúa Huyền-Trần qua Hời | Phạm-văn-Son | 23 — 28 |
| 6 — Buồn mồ côi (thơ) | Trần-thanh-Thu | 29 |
| 7 — Midway thế cờ lật ngược | Cao-ng-Lang | 30 — 36 |
| 8 — Saigon lai rai | Hoàng-Thắng | 37 — 40 |
| 9 — Non nước miền Nam | Lê-Hương | 41 — 48 |
| 10 — Nhật ký chiến sĩ | Ngọc-Tuyền | 49 — 56 |
| 11 — Một chiều thương nhớ (thơ) | Ng-mậu-Lâm | 57 |
| 12 — Nguyễn-Khuyến | Đông-Tùng | 58 — 63 |
| 13 — Paris dưới mắt một du khách V.N | Trương-thế Phiền | 64 — 69 |
| 14 — Chiếc «tàu lướt» | Chu-minh-Thuy | 70 — 73 |
| 15 — Sinh khí văn nghệ | Thân-tri-Thiện | 74 — 79 |

16 — Hồ Xuân Hương	N.V.	80 — 84
17 — Như dợt sóng ngầm	Thu-Mai	85 — 90
18 — Thơ lên ruột	Diệu-Huyền	91 — 96
19 — Tiếng nói của thể hệ		97 — 105
20 — Sinh Hoạt Trẻ	Thu-Mai	106 — 113
21 — Về thăm xứ Trúc (thơ)	Đoàn-thị-Mai	114
22 — Minh ơi	Diệu-Huyền	115 — 121
23 — Một ngày trở lại (thơ) Nhậ'-Huyền-Thanh		122
24 — Bức Tâm-Thư số 3 (l.theo)		123
25 — Thư bạn đọc		124
26 — Sách báo mới		125 — 126



- Chúng tôi hoàn-toàn không chịu trách-nhiệm về những bài lai cáo của bạn đọc, (theo thể-lệ chung của các tạp-chí quốc-tế).
- ★ Bài lai cáo không đăng, không trả lại.
- Các Sách Báo Việt-ngữ ở trong nước được tự tiện trích đăng những bài trong tạp-chí **PHỔ-THÔNG**, nhưng yêu cầu đề rõ xuất-xứ: «Trích tạp-chí **PHỔ-THÔNG**» và đừng viết tắt,
- ★ Cấm trích, dịch, phỏng đăng vào sách báo Ngoại-quốc mà không xin phép.
- Tous droits de traduction, d'adaptation, et de reproduction même partielle, réservés pour tous pays.
- ★ Copyright by **PHỔ-THÔNG**, printed in Việt Nam.



PHỔ-THÔNG tăng cường



Năm thứ XII



Bạn đọc thân mến.

Đề kỷ niệm năm thứ 12 của Phổ-Thông Tạp-chí và đề đáp-ứng xứng-dáng với cảm-tình rất nồng-nhiệt của bạn đọc trung-thành với Phổ-Thông từ 12 năm nay, chúng tôi sẽ phát-hành những số Đặc-Biệt Liên-Tiếp, tăng cường :

từ số tới, 231, rangày 1-10-69

Phổ-Thông tăng-cường sẽ thêm 32 trang, và nhiều trang in màu, thêm nhiều bài sáng-tác có giá-trị đặc-biệt, thêm sự hợp-tác của nhiều nhà Văn nhà Thơ nổi-danh trong Nước và ở Ngoại quốc, nhiều tài liệu học hỏi mới về Văn-Hóa Việt-Nam và Quốc-tế. Một số anh chị em sinh-viên Việt-Nam ở trong Nước và Hải-ngoại, đã đỗ cấp-bằng Đại-học, Cao học, tiếp-tục gởi bài đăng nhiều hơn t rong Tạp-chí Phổ-Thông.

Bạn Đặng-văn-Chà, Giám đốc nhà Tổng phát-hành Nam-Cường, đã sốt sắng từ lâu năm trong việc phát-hành Tạp-chí Phổ-Thông, sẽ tiếp tay với

chúng tôi và gia-tăng hợp-tác để thêm khởi-sắc
quyền Tạp-chí Văn-hóa hiện-đại trong Văn-học-sử Việt
Nam.

✧ Bắt đầu từ số này, tất cả thư-từ liên-hệ đến
tiền bạc, ngân phiếu, bưu phiếu, đại-lý bán báo,
phát hành v.v... xin gửi về, hoặc trực-tiếp liên-lạc
với : Ông **DẶNG-VĂN-CHÀ**,

Tổng Phát Hành Phở-Thông Tạp-chí
185, Đại-lộ Nguyễn-thái-Học, Saigon.
Điện-thoại : 23.867

✧ Tất cả những bài Văn, thơ, lai-cảo, thư-tín về
Bộ Biên-tập, xin đề gởi như thường lệ : ông Nguyễn.
Vỹ.

Giám-đốc, Chủ-bút tạp-chí Phở-Thông
Tòa-soạn : 231, Phạm-ngũ-Lão, Saigon
Điện-thoại : 25.861



Phở-Thông 231 (1-10-69)
thêm 32 trang bài, ruột in
màu, bìa offset.

quyền, chống bắt công, chống độc-tài, nếu ở tù vì
có hoạt-dộng chính trị để cứu Tổ Quốc và Nhân-
Dân, thì ở tù là một hy-sinh tuyệt-vời đáng
thán-phục biết bao ! Nếu ở tù như quý Thầy đã ở
tù vì bảo-vệ Đạo-Pháp dưới chế-độ Ngô-dinh-Diệm,
thì đáng tôn kính biết bao ! Ở tù vì chính-nghĩa
cao quý của Đạo-Pháp và Quốc-gia Dân-tộc như thế
thì không cần xin ân-xá, thì quý Thầy không phải
tự hạ mình để cầu-cứu bất-cứ ai. Cũng tôi đã có
làm cách mạng, chúng tôi đã đi ở tù dưới thời
Thực-dân Pháp, chúng tôi chẳng bao giờ thêm mở
miệng xin ai bố-thi một ân-huệ giải-phóng. Xin-xỏ
như thế là hèn, là không xứng-dáng với tinh-thần
cách-mạng.

Hoặc nếu ở tù vì nhẹ dạ, nghe lời xui-dục
của bọn đua-nhình kiếm ăn mà phạm vào Luật-pháp,
thì cũng rán chịu Ha tất phải kêu gao «ân-xá», để
mất phẩm-giá của con người ?

Nhưng đó là một bài học cay đắng, nhục-nhã,
cho Phật-giáo Việt-Nam, mà quý Thầy không nên
bỏ qua mà không suy-gẫm.

Chúng tôi đau-dồn viết bức thư công khai này
để xin quý Thầy đừng theo bọn ma-quỷ xảo-tra bắt
cứ ở phe đảng nào, để khiếm-tồn trở về với Phật,
trở về từ bi niệm Phật. Đó là quý Thầy cứu nguy
Đạo-Pháp được phần nào vậy.

Còn Dân-tộc Việt-Nam, xin quý Thầy đừng lo.
Đã có 17 triệu Nhân-dân Miền Nam, trong đó có
đại đa-số Phật-tử chân-chính, yêu chuộng Tự-Do,
Hòa-bình, Dân-chủ, luôn luôn sẵn sàng quật cường
để bảo vệ Tự-do Tin-Ngưỡng, Tự-do Độc-lập của
Quốc-gia. Chủ-quyền của Dân-tộc, và vận-mệnh
của Tổ-quốc Việt-Nam.

Xin quý Thầy thành-tâm cầu nguyện
Phật thương xót và phù-hộ cho chiến tranh mau
chấm dứt, cho Đồng-Bao hết bị tang-tóc, cho Nhân-

Dân hết đau khổ, cho Tổ-Quốc chóng hồi phục Hòa-Bình.

Được thế, tức là lời cầu-nguyện của quý Thầy đã cứu nguy cho Dân Tộc Việt Nam vậy.

Đề hoằng-dương Phật-pháp trên phương diện xã-hội, chúng tôi cũng thiết-tha thành kính khấn nguyện Quý Thầy hãy thiết lập một hệ-thống Cứu Khổ sâu rộng trong quăng-dại quần-chúng Nhân-Dân, không phân biệt tôn-giáo, giai-cấp, đảng phái, lập-trường tư-tưởng.

Chiến tranh, bệnh tật, nghèo đói, dốt nát, cò-nhi, quả-phu, đã tạo cho xã-hội Việt-Nam ngay nay một tình trạng vô cùng bi-đát. Toàn thể tín-đồ Phật-giáo ở toàn quốc và Hải-ngoại có thể sẵn sàng và hăng-hái đóng góp bạc tiền, vật-liệu, để ủng-hộ Quý Thầy thực hiện trăm ngàn công-tác từ-bi bác-ái cứu khổ cứu nạn đồng bào.

Chúng tôi thành-kính đề-nghị cùng Quý Thầy tổ-chức, không phải vài ba cò-nhi-viện riêng rẽ, để nuôi một vài trăm đứa trẻ mồ côi, mà cả một hệ-thống Từ-Bi Bác-ái sâu rộng trong toàn-quốc, và cả ở ngoại-quốc, của Phật-giáo Việt Nam.

Hệ-thống Trung-Ương có thể đặt ở Sài-gòn, thành lập một **Trung-Ương Quán-Thế-Âm Việt-Nam**, đặt chi-nhánh khắp mỗi tỉnh, mỗi Quận, và nếu được, mỗi Xã ở nước Việt-Nam. Có thể thiết lập chi-nhánh tại các Thủ-đô ngoại-quốc, ở Cao Miên, Lào, Thái Lan. Nam Dương, Nhật, Tàu, Ấn Độ, Phi Luật Tân, Mỹ, Anh, Pháp, Úc, Ý, Đức, Phi-Châu, Nam mỹ, v.v. Có thể gọi các chi-nhánh này là Centre de Charité Bouddhique du Việt Nam, hay là Việt Nam's Buddhist Charity office. **Trung-Ương Quán-Thế-Âm Việt nam** sẽ lập một *Ni-Cô Quán Thế Âm học đường* để đào tạo mỗi năm vài ngàn Ni-cô y-tá chuyên-môn điều khiển các Chi-nhánh Quán-Thế-Âm toàn quốc và Hải-ngoại.

(Xem tiếp trang 123)

Bức Tâm-Thư

số 3

gởi các vị

«**Lãnh-Đạo**» **Phật-Giáo**
Việt - Nam

của **Nguyễn-Vỹ**, và nhóm
Phật tử V.N. và Hải ngoại



(Tiếp theo số 229)

● **Phương diện thứ hai : Đời.**

Chúng tôi tha thiết khấn-nguyện quý Thầy đừng thềm dinh-dáng đến việc tranh-dấu chính-trị. Làm chính-trị ở thời-đại này, nhất là ở xứ này, cần phải có mưu-mô, xảo-quyệt, dối-trá, tàn-ác, ích-kỷ, thù-hằn, sân-si và n ững xấu-xa bần-thiêu mà quý Thầy, là con của Phật, là tượng-trưng Phật, không thể làm được.

Bất cứ loại chính-trị nào, thân Mỹ, thân Cộng, đều không thích-hợp với tinh-thần Phật-giáo. Hoặc không thân Mỹ, thân Cộng, thì chống Mỹ, chống Cộng, cũng là loại chính-trị lườn-lẹo của Machiavel, không còn giữ được thuần-túy lương-thiện trong khuôn-khổ giáo-điều của Đấng Vạn-Đại Từ-Bi. Những loại chính-trị đó, công-dân ở bất-cứ tôn-giáo

nào, đều làm được. Chúng tôi làm được. Nhân-dân làm được, tất cả Nhân-dân đều có quyền làm, có hôn phân làm, nhưng quý Thầy Tu-hành, không nên làm. Nếu quý Thầy làm chính-trị, bất cứ loại chính-trị nào, thì quý Thầy không thể tu-hành được. Quý Thầy không còn là quý Thầy, là các bậc Tỷ-Kheo đã thoát tục, có trách-nhiệm thiêng-liêng duy nhất là phụng-sự Ngôi Tam-Bảo.

Hướng chi, kinh-nghiệm tranh đấu chính trị của 1 nhóm Thượng-Tọa Đại-Đức từ 1965 đến nay, đã chứng tỏ cho mọi người, ở trong nước và ngoài nước, thấy rõ rằng quý vị «lãnh-đạo» Phật-giáo kia đã bị một bọn con buôn chính trị dẫu-cơ, bốc thơm để lợi-dụng, dùa nịnh để lôi cuốn, kha - hác mâu thuẫn nội-bộ để xúi-dục, để quý thầy phục-vụ tham-vọng cá-nhân hay bè-dã của chúng mà thôi.

Rốt cuộc, một thầy Thích Thiện-Minh nhẹ-dạ, ngây thơ, chẳng hiểu nhiều về chính-trị, lại quá tin nơi bọn xiêm-nịnh hằng ngày ve-vãn thầy để trục lợi, — đã bị đi ở tù, một bản án nặng-nề nhục-nhã, trong lúc bọn kia vẫn sống phây phây ngoài đời, lên xe xuống ngựa. Những kẻ từng vô-ngực làm hậu thuẫn mạnh mẽ cho quý thầy, nào luật-sư, bác sĩ, nào dân-biểu, nghị-sĩ, giáo-sư, «chánh khách» đủ loại, có một kẻ nao trong đám xói-thịt bỉ-đời đó đã dăm hy-sinh một chút gì của chúng, vận dụng một thế-lực gì của chúng để cứu Thầy Thiện Minh khỏi bị lao-tù không? Hay chúng chỉ ủng-hộ tính-toán, giả-đối, trơ-trẽn đang khinh-bĩ, bằng chút bọt mép thôi?

Đến đời có luật-sư không bào chữa được gì cho Thầy Thiện-Minh để Thầy bị 15 năm tù rồi hẳn không làm gì được khác hơn là ngơ-ngẩn xui-dục quý Thầy đòi hủy-bỏ bản-án của Tòa, trái hẳn với quy-chế luật-pháp của Tòa-án bất cứ ở xứ nào.

Nếu ở tù vì có làm cách mạng chống cường

THÀNH PHIÊN AN

lệ là mỗi 2 người đỡ 1 tên đứng thẳng lên và thét:

— «Lạy Ngài Ngự đi!»
Nhưng họ lại vật ngã xuống. Lính đỡ dậy rồi một chú ôm giữ ngay hông cho khỏi quỵ xuống, còn một chú thì nắm hai tay tù nhơn chụm lại, đưa lên đưa xuống vái năm vái.

Họ trơ như khúc gỗ, mặc cho lính làm gì thì làm, không cưỡng lại mà cũng không nhìn lên trên lầu Ngọ môn.

Lễ kiến phù xong, quan Đề-đốc Hộ Thành dẫn 150 tên lính, nhận tù đem thẳng ra pháp trường.

Trời tháng 11, tháng chạp, vừa mưa vừa lạnh, mỗi tù nhơn chỉ đóng 1 cái khổ mỏng. Mình mấy trần trụi nên ai cũng rét run cầm cập, da tái xanh hoặc xám xịch, tím bầm. Đội lính dẫn tù đi hành hình có cả chiêng trống gươm đao, voi ngựa. Quan Hình bộ giám sát mặc đồ đại trào, cưỡi ngựa. Bọn tù ngồi trong cũi có người khiêng.

Từ cửa Ngọ môn ra hình trường là tại chợ Đông Ba, chỉ

có mấy bước đường, nhưng người ta được lệnh phải đi quanh co qua nhiều phố phường đông đúc dân cư, để cho thiên hạ xem làm gương. Chốc chốc, loa lại thét vang, nói cho dân chúng biết rằng đây là 6 tên đầu đảng quân Phiên an đã đi Trừu đình đánh tan, bắt sống, bây giờ đưa đi xử lăng trì.

Lúc đi ngang phố Thượng Tứ, có mấy nhà từ tâm thương cho bọn tù bị rét mướt run rẩy nên lên quãng vào cúi những tấm áo rách để họ khoác đỡ lên mình.

Sáu cái cũi được khiêng đi với 6 tù nhơn ở trong, hình thù người chẳng ra người, thú không phải thú ấy đã biểu diễn khắp các đường phố rồi mới tới hình trường.

Giữa bãi đất, mỗi tù nhơn bị thụ hình bắt buộc phải quỵ xuống, ngả mặt về phía Hoàng cung, hai tay cột treo ra sau lưng và cột chặt cả hai tay chân vào 1 cây cọc, người nọ cách người kia độ 5 thước ta.

Mười hai đao phủ quân tuốt mã tấu sáng ngời, hơi sắt làm

lạnh cả tóc gáy thiên hạ đứng coi đông đảo. Họ cần thận, đem theo cả đá mài, để ngay trước mặt tội nơn và quần chúng mà liếc mài soàn soạt những ngọn mã tấu, trong lúc toán lính khác cột tù vào các cọc.

Ba hồi trống giục..

Vừa dứt tiếng trống thì quan Hình bộ đứng ra ngân giọng đọc lời tuyên bố tờ chiếu rồi đến bản án kết tội lạng trì.

Thiên hạ lặng lẽ lắng tai nghe, nhưng họ chỉ nghe lảng vảng những chữ «loạn Thân tặc tử» và «quốc pháp» thể thôi, vì họ đã hồi hộp, cảm thương, bắt nhãn trước sự chết sắp đến nhứt là đứa bé con lên 7, cũng chịu một tử hình ghê gớm như bao nhiêu người khác.

Cuộc hành hình bắt đầu.

Đao phủ quân cầm dao sẵn sàng, cứ nghe hiệu trống đánh 1 tiếng từng thì tốp nào tù nấy đưa dao xéo của tội nơn một miếng thịt, bất cứ ở vai, ở đùi, ở lưng, ở bụng, con dao múa một vòng, tiện đâu hạ xuống cắt đứt.

Người đứng xem đen nghệt, những người yếu bóng vía, hễ nghe trống điểm cái tùng thì họ nhắm mắt lại, một lát mờ ra thì thấy máu đỏ lòm tuôn chảy dọc theo mình nạn nơn rùng rùng, chỗ thịt bị cắt, khoét sâu, đỏ loe lói nhể nhại những máu. Khắp thân trần trụi run lên và giựt lia cả đường gân bắp thịt. Nhiều người trông thấy sợ quá đến ngất xỉu, người ta phải khiêng ra ngoài và có kẻ la lên, khóc òa lên, rồi bụm mặt chạy, không dám ở đó nữa.

Tội nơn có sức chịu đựng khác nhau : Bé Lê văn Cừ, bị lóc một miếng thịt đùi đã chết ngất, và lịm luôn. Đặng Vĩnh Ưng là nho sĩ, da thịt mềm mọng, cần răng chịu được ba dao. Còn mấy viên võ tướng là bền gan khỏe sức chịu đựng hơn cả, họ xem cắt đi năm bảy miếng thịt chẳng có nghĩa gì cả, phải chặt đứt cò thì mới chết được thôi.

Đặc biệt là Võ vĩnh Lộc, bị xẻo lỡi 12, 13 miếng thịt nát khắp mình, máu nhuộm đỏ người mà trái tim vẫn đập như thường,

Thành Phiên An (Sài Gòn ngày nay) thật thù.

Dư đảng «ngụy Khôi» bị xử giáo.

Tám cái đầu lâu biêu diễn từ Bắc chí Nam.

★ sưu tầm của cô LƯU-HÀ

(Tiếp theo P.T. số 229)

CÒN bé Cừ, 7 tuổi, các quan cũng đem lấv cung. Nhưng bé ngây thơ có biết gì. Ra đứng trước tòa, nó xuôi tay, ngơ ngác nhìn hết bộ râu bạc này đến cái đầu đội mao khác. Người ta hỏi câu nào nó trả lời đóng một, hay làm thinh lặc đầu lia lia.

Người ta hỏi lúc nó còn ở trong thành Phiên an, ai nuôi nấng săn sóc cho nó, nó trả lời là vú nuôi của nó, tức chị Tàn, còn ba nó lúc còn sống thì hay hội họp bạn bè và có đeo gươm. Một ông quan hỏi nó :

— Ngày sau lớn lên mi định

làm gì ?

— Tôi muốn học võ giỏi để báo thù cho cha tôi !

— Vì sao mi trả thù ?

— Vì quân giặc nó vây thành, làm cha tôi mang bệnh mà chết.

Đáng lẽ đứa bé con kia không phải bị cầm tù, không phải bị ra tòa hỏi cung, và bị kết tội, nhưng luật pháp của phong kiến thì kẻ chống lại nhà vua phải bị tru di tam tộc. Cho nên đứa bé con lên 7 tuổi cũng không khỏi chịu trọng hình.

Và đáng lẽ việc xét xử vài

THÀNH PHIÊN AN

hôm là xong, nhưng người ta cố kéo dài nhiều ngày hồi cung để tỏ ra là một cái án quan trọng, quốc pháp uy nghi, triều đình công chính, lập thành tòa án đình thâm, kéo dài 1 tháng rưỡi mới xong.

Kết quả mà ai cũng biết trước và các quan đã định án trước khi xử là tất cả sáu người bị kết án lăng trì, một thứ hình phạt nặng nhất.

Sáu người bị lăng trì.

Một hôm, vào đầu tháng 11, người ta thấy đội ngũ chỉnh tề, cờ xí rực rỡ, ngay hàng thẳng lối trước cửa Ngọ môn, đối diện với cơ ngũ trên, mấy đội cấm binh mặc nhung trang đồ chói và tàng quạt voi ngựa dàn bầu cực kỳ uy nghiêm lộng lẫy. Vua Minh-Mạng ngự ở giữa, trên lầu cao, sau lưng Ngài là các vị Hoàng thân quốc thích và đại thần văn võ văn triều phục.

Chiêng trống nổi lên. Sau khi dứt hồi bát âm, quan Lễ bộ

xướng lễ, các tướng sĩ khai hoán ở Gia-Định từ Nguyễn-Xuân trở xuống bước ra, bái mệnh hiến phù, dâng lên quyền sổ kê biên các khoảng khi giới, lương thực, vật dụng cho đến số quân ngựa đã bắt được ở thành Phiên An.

Kể đó, người ta đem bon tù nhon trong cũi ra, bắt họ làm lễ ngũ bái, tỏ ý đầu phục nhà vua, trước khi chịu thọ hình.

Vì ở trong cũi lâu ngày, người nào người nấy chân tay đã bị tê liệt, không còn cử động, co duỗi được, lính phải đỡ từ người ra xếp hàng chữ nhứt trước Ngọ môn để họ hành lễ. Nhưng khi lách khiêng họ ra bảo lạy thì họ ngã quỵ một lượt 6 người chẳng lạy được.

Người đứng xem bên ngoài, thì thào với nhau. — Họ cố tình làm cho liệt thêm ra để khỏi phải lạy ấy mà! Thật thế, mấy anh lính đứng gần Đàng vĩnh Ưng, liếc thấy Ưng đưa mắt ra hiệu ngầm cho đồng bọn không lạy.

Tuy thế, lính cũng phải chiếu

AI LÀ TÁC GIẢ

tôi đọc một tờ nhật báo Hoa ngữ (Thành Công xuất bản Saigon) ngày 1-8-69, có nhan đề «Ông Trọng Trọng Ông dữ Thông Phán Phán Thông» đã trích dẫn 3 thuyết như sau :

1) Theo Bác Thông Tỏa Ngũ, bảo chuyện này xảy ra đời Minh, nguyên do là quan Thông phán xứ Tô Châu đã bảo Ông Trọng là Trọng Ông, cho nên người đời làm bài sau này để mua vui.

*Ông Trọng như hà tác
Trọng Ông
Độc thư toàn vị hữu phu
công
Tương lai nan nhập Hán
Lâm Viện
Chỉ hảo Châu Tô tác Phan
Thông*

Nghĩa là : Ông Trọng sao lại làm Trọng Ông. Hay là chưa có công phu đọc sách hoàn toàn. Tưởng đến sự học vấn như vậy thì kho mà vào Hàn Lâm Viện. Chỉ có thể làm Thông phán xứ Tô Châu là tốt.

2) Thuyết này cho vào thời vua Càn Long nhà Thanh, có

viên quan Hàn Lâm Mỗ được vua vời để bìa cho Lý Ông Trọng. Viên Hàn Lâm lại ghi là Lý Trọng Ông, vì vậy mà nhà vua ban cho bài thơ như sau :

*Ông Trọng như hà thuyết
Trọng Ông
Thập niên song hạ khiếm
phu công
Tùng thư bất hứa cư Lâm
Hân
Biếm Truất Giang Nam tác
Phán Thông*

Nghĩa là : Ông Trọng sao lại nói Trọng Ông. Thật là thiếu công phu trong 10 năm đọc sách dưới cửa sổ. Căn cứ vào đó thì không thể cho ở Viện Hàn Lâm được. Nên biếm truất ra Giang Nam làm thông phán mà thôi.

3. — Theo thuyết này thì căn cứ vào sách Lao Khiêm Tề Công Dư Tùy Bút quyển 3 chép rằng «Đời Thanh Cao Tông có viên quan Hàn Lâm Mỗ đề bìa lý Ông Trọng. Viên Hàn Lâm nọ lại đề Trọng Ông. Nhà vua lấy làm bất phục. Hôm sau gọi quan Hàn đến và đọc cho bài thơ sau :

Ông Trọng như hà thuyết

Trọng Ông
Chỉ nhân song hạ thiều phu
công
Như kim bất hứa cư Lâm
hãn
Thích biếm Triều châu tặc
phán thông

Nghĩa là : Ông Trọng sao lại nói là Trọng Ông, chỉ vì thiều công phu học văn dưới song cửa. Như nay vậy không thể cho vào Viện Hàn Lâm. Nên truất biếm ra Triều châu làm thông phán.

Đại để các thuyết của bài báo Hoa ngữ này nêu lên đều chú ý giải thích 2 chữ thông phán nhiều hơn là chữ Ông Trọng. Có đoạn cho thông phán là một chức vụ của Triều đình đặt ra cho các quan ngoài tỉnh, có chỗ phủ nhận không có chức thông phán, mà cho lời nói ngược có ý trào lộng châm biếm người nói sai diễn tích danh nhân.

Chỉ vì Lý Ông Trọng lại báo Lý Trọng Ông mà cả ta lẫn Tàu đều phát xuất ra những giai thoại gần như hàm hồ. Người sau tất không biết ai chính là tác giả bài thơ ấy.

Ở đây tôi xin mạo muội dẫn lại sự tích Lý Ông Trọng để quý vị cao minh nhận xét chung.

Cứ như Sử Việt Nam ta thì Lý Ông Trọng tên thật là Lý Thân, người huyện Từ Liêm, Quận Giao Chỉ đời vua Hùng Vương thứ 18. Tương truyền Lý Ông Trọng người to lớn dềnh dàng, cao 2 trượng 3 thước có sức mạnh hơn người. Có thuyết bảo Ông Trọng vì can án giết người nên trốn tránh sang Tần Thủy Hoàng được vua Tần Thủy Hoàng trọng dụng. Có thuyết bảo Lý Thân (tức Ông Trọng) can án giết người, nhưng nhà vua thấy Lý Thân người vóc vạc to lớn, dũng mãnh phi thường đem lòng mến không giết.

Đến đời Thục An Dương Vương, Tần Thủy Hoàng đem quân xâm chiếm nước ta, Thục An Dương Vương đem Lý Thân ra làm cống lễ cho Tần Thủy Hoàng. Tần Thủy Hoàng thấy Lý Thân dũng mãnh thì vui lòng và quý lắm, bèn cho làm chức Tư Lệ Hiệu Ủy mang quân ra trấn giữ biên thùy ngăn chặn rợ Hung

còn miệng thì cười khanh khách và mắng chửi không ngớt :

— Chúng bây hèn lắm ! Muốn giết người ta thì chém phứt một đao cho xong, đừng cắt từ miếng, chả ngứa được tao đâu !..

— Chặt đầu nó đi ! Quan giám sát truyền lệnh.

Trong đám khán giả thì thầm bảo nhau :

— Cái mặt của tên đó dễ thường to bằng cái mặt của Khương Duy !

Một chập sau, 6 tội phạm chỉ còn lại 6 chiếc thủ cấp, bêu lên cao cho dân chúng thấy, còn thì thề đã cắt xéo tứ tung, những miếng thịt vụn, người ta nhặt nhanh đem đi một nơi đốt thành tro rồi đổ xuống bể.

Tám cái đầu lâu đi du lịch từ Nam đến Bắc.

Vâng lệnh nhà vua, người ta bỏ sáu cái đầu lâu còn mất mũi đó vào củi, thêm 2 cái sọ của Lê Văn Khôi và Nguyễn văn Trăn là tám cái để vào 1 cái củi, trên cắm cây phướn dài bằng vài hồng điều, viết mấy chữ to : «Đầu lâu bọn phản nghịch đã chịu quốc

pháp», rồi khiêng đi các tỉnh, bêu cho dân thấy.

Khởi đầu, từ kinh đô Huế ra Bắc hà, rồi từ Bắc hà vào Nam Trung, và trở về kinh đô để được hỏa thiêu cho thành tro, đem trộn với phân trâu phân ngựa rồi đổ xuống bể có ý làm thế là cho tiêu diệt giống phản nghịch triều đình, không thể sinh hóa được nữa.

Tám thủ cấp đi chu du Nam Bắc hơn ba tháng, lúc trở về kinh còn tro xương hôi thúi ghê tởm. Ngay từ kinh đô ra Bắc hà, đầu tháng giêng đến Thăng long, mất mũi ở tám cái đầu lâu đã tiêu dần hết chỉ còn lại thấy cái lỗ sâu trống, nhiều người vừa sợ vừa gớm không dám nhìn. Ruồi nhặng bu đến, chu dục vào đó rồi bay ra một loạt như đàn ong động đậy, ai cũng sợ ruồi đầu vào mình hay bay vào thức ăn uống.

● Người ta có tội thì chém giết cũng đủ rồi, làm chi hành hạ đến nhặng đầu lâu xương sọ, tàn nhẫn quá lắm thế ? Lúc nọ quân nguy bắt được binh triều, tướng triều, có xử nhốt tâm đến nước ấy đâu ? Dân chúng phê bình, bào tán với nhau thế. □ ●

AI là tác giả bài thơ nói ngược «Ông Trọng - Trọng Ông»?

● HUỖNH-THƯƠNG-CHÍ

TRONG «Văn Đàn Bảo Giám» (không nhớ tập nào) do Trần Trung Viên sao lục, nhà Nam Ký Hà Nội xuất bản năm 1932, phần giai thoại có chép bài thơ nói ngược như sau :

*Ông Trọng như hà hoàn
Trọng Ông
Chỉ nhân học vấn thiếu phu
công
Tư nhân an đắc cư Lâm Lâm
Nghị truất Nội Hà tác Phán
Thống.*

Nghĩa là : Ông Trọng tại sao đổi làm Trọng Ông. Chỉ vì ít công phu học vấn chăng. Như người này sao lại được vào Hàn Lâm Viện. Nên truất ra Hanoi làm thông phán mà thôi.

Nguyên do : Một hôm, Vua Tự Đức vời quan Hàm Lâm Mỗ

đến hỏi về các nhân vật lịch sử. Khi hỏi đến truyện Lý Ông Trọng, Quan Hàn ta không biết vô tình hay cố ý nói ngược lại là Lý Trọng Ông. Vua Tự Đức lấy làm ngạc nhiên, thoáng Ngài mỉm cười thầm bảo «À đã thế thì ta cho thế». Ngài bèn viết một bài thơ tứ tuyệt trên đưa cho quan Hàn Mỗ. Dụng ý của Ngài là dùng những chữ ngược lại với thành ngữ như Ông Trọng thành Trọng Ông. Công phu thành phu công, Hàn Lâm thành Lâm Hàn, Hà Nội thành Nội Hà, và Thông phán thành Phán thông. Ngài nhân sự nói ngược của quan Hàn nọ mà làm th. nh bài thơ nói ngược để làm vui mà cũng là bản án đuổi quan Hàn ta không cho ở Hàn Lâm V. n nữa.

Đó là một giai thoại của nước Việt ta. Nhưng vừa rồi, tình cờ

AI LÀ TÁC GIẢ

Nô. Lý Thân nhờ tướng mạo to lớn, oai vệ và có sức mạnh muôn người không địch, quân Hung Nô sợ sệt không dám quấy nhiễu bờ cõi Trung Quốc nữa. Sau Ông được sung chức Vạn Tín Hầu và vua Tần Thủy Hoàng cho phép về Nam thăm quê cha đất tổ.

Lý Thân về nước, vài ba năm sau Hung Nô dò biết tình thế mới đem quân sang quấy nhiễu biên thủy. Tần Thủy Hoàng cho sứ sang ta vời Lý Thân sang bình giặc Hung Nô. Nhưng Lý Thân không chịu sang viện lễ không muốn làm tôi xứ người và trốn vào rừng ẩn cư. An Dương Vương phải nói dối với sứ Tàu là Lý Thân đã chết rồi. Tần Thủy Hoàng không chịu, sai sứ sang bảo nếu Lý Thân chết cho đem xác qua cũng được. Bị bức quá Lý Thân phải tự tử để An Dương Vương ướp xác gởi cho Tần Thủy Hoàng. Nhận được xác, Tần Thủy Hoàng vô cùng thương tiếc và cho xây tượng đặt ở cửa thành Tư Mã thuộc đất Hàm Dương và cho gọi là Lý Ông Trọng. Giặc

Hung Nô thấy tượng, ngoài xa nhìn vào ngỡ là Lý Thân vẫn còn sống, sợ sệt rút quân về không dám bén mảng nữa.

Vào đời Đường, Triệu Xương đem quân đô hộ Giao Chỉ, nghe tiếng Lý Thân, sai lập đền thờ tại làng Thị Hiện, Quận Từ Liêm, ngang bên bờ sông Cái, cách phía tây thành Đại La (Hanoi).

Sau Cao Biền sang Việt Nam đánh quân Nam Chiếu, cho thợ sửa chữa tượng ấy để thờ cúng và gọi là đền Lý Hiệu Uy.

Như thế Lý Ông Trọng là nhân vật lịch sử của Việt Nam ta, và lại Vua Tự Đức lại là người thường nghiên cứu Sử Việt, có nhiều thơ vịnh sử, cho nên mới có việc hỏi sự tích Ông Trọng nơi quan Hàm Lâm Mỗ. Các giai thoại trong bài báo Hoa ngữ nói trên cũng có trích dẫn nguyên văn, ở các sách như Bắc Thông Tả Ngự, Lao Khiêm Tề Công Dư Tùy Bút đề minh xác rằng bài thơ nói ngược này xuất xứ từ Trung Hoa.

Đứng trước mỗi hoài nghi này tôi không phân biệt được ai là tác giả chính cống của bài thơ ấy, vội ghi chép lại mấy dòng mong Quý vị cao minh chấp chính cho.



Thánh GANDHI học dẹt.

● MAI-ĐĂNG-AN

TRƯỚC khi vào bài, xin phép quý bạn cho tôi sơ lược lịch sử đấu tranh của Thánh Gandhi để tưởng niệm vị lãnh tụ mô phạm nhất trong các lãnh tụ cổ kim Quốc tế.

Gandhi sanh năm 1869 ở Pord bandra, thuộc giai cấp thượng lưu, đồ luật khoa Tấn sĩ, làm luật sư ở Nam phi, chuyên bênh vực quyền lợi cho người da đen. Ông là một triết gia lỗi lạc đạo đức, sống một cuộc đời kham khổ như vị tu hành. Lúc bấy giờ đại diện Anh Hoàng cai tù Ấn độ là một vị Phó vương áp dụng chánh sách «Dùng người Ấn, trị người Ấn, Họ gây mâu thuẫn giữa hai tôn giáo Ấn Hồi, Họ duy trì hồ sơ chia rẽ các đảng cấp của xã hội Ấn, kể trong lịch sử, thực dân chính sách thống trị của Anh là quỷ quyết và hiểm độc nhất. Nhiều cuộc vận động giành độc lập khởi lên đều bị thực dân Anh đàn áp một cách tàn nhẫn.

Thánh Gandhi khởi xướng đường lối đấu tranh mới : «Bất hợp tác», «Bất bạo động». Ông khuyên nhủ dân Ấn : không nhận huy chương, văn bằng, không học trường Anh, không đi lính cho Anh, không dùng hàng hóa Anh, không đóng thuế cho Anh, không gửi tiền vào các ngân hàng của Anh v.v... Các cuộc đấu tranh bất bạo động tiếp tục : đình công bãi khóa, bãi thị... Gandhi bị cầm tù nhiều lần. Nhưng phong trào tranh đấu giành độc lập theo đường lối của Gandhi càng ngày phát triển mạnh, chính phủ Anh phải nhượng bộ từ từ. Nhưng Anh cố bám Ấn như đĩa dơi, mà Thánh Gandhi là chướng ngại nguy hiểm, nên ngày 31-1-1948 Thánh bị ám sát chết. Máu hy sinh của Gandhi đã dập tắt dần dần ngọn lửa cuồng nhiệt của dân chúng Ấn, Hồi. Và xây dựng nền độc lập vững chắc, trường cửu cho Ấn độ.

Dưới đây là một giai thoại điển

THÁNH GANDHI

hình của Thánh : Học dẹt ở Anh.

Ấn độ có binh nguyên Ấn hàng và cao nguyên Décan bao a bát ngát. Nơi đây hàng năm sản xuất bông vải nhất nhì thế giới. Thế mà nghề dẹt ở Ấn bị Anh kềm hãm chừng như không có chi hết. Sở bông vải Anh độc quyền mua rẻ chỗ về Anh, kỹ nghệ dẹt ở Anh dẹt ra vải, đem bán lại cho Ấn giá rất đắt. Thánh Gandhi thấy xa hiểu rộng nên nhất định đi học dẹt, với triển vọng sẽ phát triển kỹ nghệ dẹt ngay tại Ấn trên tương lai. Bông sẵn dẹt ngay, khởi xuất nhập cảng, chuyên chở tất nhiên giá vải phải thật rẻ cho dân Ấn dùng.

Ông đáp tàu sang Anh để học dẹt. Tự nhiên các hãng dẹt ở Anh rung động trước tin bất lợi cho chúng, vì mỗi năm mới lợi về vải có đến nhiều tỷ bạc, rồi đây sẽ bị Gandhi phá vỡ. Chúng không ngăn ngại gấp rút: quý tự cả bọn có trên vài trăm, định kế hoạch đối phó. Chúng thực sẵn rất đông nơi bến tàu, trên tay nào cà chua, hột gà thúi, hăm hở chờ

Gandhi đến sẽ ném vào, cốt làm nhục Thánh, Thánh sẽ thất bại, tay không trở ngay về Ấn.

Chuyến tàu chở Gandhi vừa ló dạng, bọn chúng chực sẵn. Giờ sau tàu bỏ neo cặp bến, hành khách lũ lượt xuống bờ. Chúng trở mắt nhìn lên boong tàu tìm Gandhi. Kia ông kia, che dù đó, một đứa trong bọn nói. Gandhi vô tình nào hay biết chúng phục kích mình. Tay che dù, tay xách valy từ từ đi đến. Đoàn người hăm hở, vật thú cầm tay, chỉ chỗ nhau lằng xằng luôn miệng. Còn 50 thước, rồi 30 thước, rồi 15 thước, Thánh từ từ tiến đến chúng với gương mặt hiền lành phúc hậu. Đoàn người ấy im lặng, Thánh đi ngang bọn họ, họ trở mắt nhìn Thánh từ đầu đến chân. Rồi thỉnh lình không ai bảo ai, bèn lên cúi đầu ù té chạy mất. Chỉ còn lại Ban Giám đốc, nhóm lãnh đạo, thay vì theo kế hoạch bə nhục Thánh, ngược lại chúng tiến đến trước mặt Thánh, cúi đầu chào Thánh một cách cung kính rồi xin phép công kênh hoan hô Thánh trên các nẻo đường. Bọn chúng đưa

Thánh đến nhà hàng thắt đai Thánh, tậu phòng cho Thánh ở, hàng ngày thay phiên nhau săn sóc Thánh, đưa Thánh viếng các hằng xưởng của chúng. Chúng dạy Thánh tỉ mỉ về nghề dệt, máy dệt. Sau mấy tháng ở Anh học dệt, Thánh nhận thấy tạm xong, cần hồi hương để lo nhiều việc quan trọng khác.

Trước ngày Thánh lên đường về nước, chúng thắt Thánh một tiệp chia tay rất hậu và thú nhận : «Nghe tin Ngài sang Anh học dệt, để về nước khước trương nghề dệt ở Ấn, nếu ngày nào phát triển ngày ấy quyền lợi chúng tôi sẽ mất đi, vì tìm đâu ra bông mà dệt, nên chúng tôi chuẩn bị làm nhục Ngài hôm tàu vừa cập bến, để Ngài thất bại trở về. Chúng tôi hăm hở bao nhiêu, đến khi thấy Ngài chúng tôi lại tủi thẹn, tủi nhục bấy nhiêu. Chúng tôi rất hối hận vì đối với một bậc đáng tôn, đáng kính như Ngài mà lại đi nhục mạ. Chúng tôi lầm tưởng Ngài như lãnh tụ khác. Ra khỏi nước họ tưởng giả phong lưu, ông nào cũng đầy đủ to béo. Miệng bỏ lộ tuyên bố

thương dân yêu nước, nhưng kỳ thật vinh thân phì da, phong tha ẩm tử, là mục đích cuối cùng. Ngài hoàn toàn khác họ. Chiếc dù dầm nhấm, valy chuột khoét, áo vá, giày hở miệng. Chúng tôi cảm động nhất, thân Ngài tiêu tụy như bộ xương khô. Giữa kinh đô Anh quốc rộn rịp lại qua các lãnh tụ quốc tế, lần thứ nhất chúng tôi thấy được một Thánh nhân, một ân nhân dân tộc, một lãnh tụ gương mẫu, hy sinh cho quốc gia dân tộc. Ngài chịu khổ cho dân tộc Ngài hạnh phúc, còn họ sống trên xương máu, nước mắt của dân. Ngài đi thui thui một mình, họ tiền hô, hậu ủng. Mong Ngài nhận nơi đây tấm lòng thành thật quý mến của chúng tôi. Chúng tôi đã chuẩn bị tặng ngài một số máy dệt tối tân, mong Ngài chớ phụ lòng chúng tôi.

Gandhi không dùng một lời nói mà cảm hóa được một số người nóng nảy, ích kỷ, hung hăng. Ông thành công mỹ mãn nhờ đâu ?

Chúng tôi kính nhường quý bạn suy gẫm. □●

Vì sao Công Chúa HUYỀN TRẦN qua Hời ?

★ ★ PHẠM-VĂN-SƠN

NHIỀU bạn đọc lịch sử nước nhà đã coi chuyện công chúa Huyền Trân dưới đời Trần sang Chiêm-thành gả nghĩa cùng quốc vương Chế Mân là một giai thoại. Quả vậy, chuyện này rất đáng kể là một giai thoại, nhưng hiểu giai thoại này trên những khía cạnh đặc biệt của nó, số người đó chắc không nhiều lắm ngoại trừ các nhà chính trị và sử học đời xưa và đời nay.

Trước giai thoại này về cận đại Hoàng Thái Xuyên tức quận công Hoàng Cao Khải có bài thơ Đường luật bày tỏ nhiều

cảm tưởng sâu sắc như sau :

«Đôi chốc xưa nay khéo nực
cười,
vốn đã không mất lại
thêm lời.
Hai châu Ô-lái vương ngàn
dặm,
Một gái thuyền duyên đáng
mấy mươi ?
Lòng đỏ khen ai lo việc
nước,
Mỏi son phải giống mãi trên
trên đời.
Châu đi rồi lại châu về đó,
Ngơ ngẩn nhìn nhau một
lũ Hời»

Vậy tự sự của giai thoại Huyền Trân ra sao mà có bài thơ này ? Các sử chữ Nho của ta đều chép chuyện này và cũng coi nó là một sự kiện lịch sử quan trọng. Vào đầu thế kỷ 14 sau nhiều va chạm giữa ta và Chiêm-thành đôi bên đã có một thời gian sống chung hòa bình và cả hai nước đều đang thụ hưởng một nền thái bình thịnh trị. Năm Tân Sửu (1301) vua Nhân Tôn đi đánh Ai Lao trở về thì đi tu tại An-Tử-Sơn (huyện Yên Hưng, tỉnh Quảng Yên) và cũng năm đó

CÔNG CHÙA HUYỀN TRẦN

Thượng Hoàng khoác áo cà sa sang Chiêm Thành du ngoạn. Ngài thấy quốc thế Chiêm Thành hùng mạnh, quốc vương là kẻ có tài có đức, dân chúng sinh hoạt vui vẻ liền nảy ra sáng kiến kết thân gia với người Chiêm, tức là gả công chúa Huyền Trân cho Chế Mân.

Xét nguyên ủy thì ý gả một nàng công chúa Việt Nam qua Chiêm không đơn giản như chúng ta tưởng. Nó là sự suy tính hay là một ý niệm đã có từ lâu đời trong đầu óc các nhà chính trị Việt Nam không riêng dưới đời Trần. Xin nhớ rằng dưới đời Lý (1010-1225) các vua chúa nhà Lý đã đặt ra vấn đề gả các công chúa cho các tù trưởng (các chúa) các dân thiểu số Mường, Thổ, Thái v. v. . Dân thiểu số như ta thấy là những sắc tộc bao quanh các vùng thượng du, tức là các vùng biên thùy. Họ có một ảnh hưởng khá lớn về vấn đề an ninh của quốc gia Việt Nam nghĩa là họ giữ các địa điểm then chốt, công ngõ và vị trí chiến lược của chúng ta.

Ngoài ra, họ có thể là màng lưới tình báo cho chính quyền ta nữa. Nếu các dân này (ngày nay ta gọi là đồng bào Thượng), làm nội tuyến cho giặc thì các đồn ải của ta ở biên cương, không thể không tai hại và địch có thể nhờ họ mà có tin tức về chính tình của chúng ta.

Ngược lại, nếu từ tư tưởng đến dân chúng Thượng theo về ta, họ sẽ giúp ta nhiều việc quan trọng: họ sẽ là tay, là chân, là tai, là mắt và là đám quan tiền phong chống giặc ngoài biên giới. Nói cụ thể hơn, miền Thượng và dân Thượng, là phen dậu của nước ta từ miền cực Bắc đến miền cực Nam.

Luôn từ Lý qua Trần, họ đã chứng minh sự lợi hại của họ: Nùng tôn Đản đã lãnh ấn Đại tướng cùng với Lý Thường Kiệt dẫn đầu 10 vạn quân vượt qua đất Tàu đánh vào các vị trí chiến lược lớn nhất của nhà Tống (Khâm châu, Liêm châu), đó là điều hiển nhiên không ai chối cãi được. Một vài tướng lãnh khác,

CÔNG CHÙA HUYỀN TRẦN

tái lại khi Tống mang quân sang ta để phục thù, viên tướng vùng Thượng du của ta là Lưu Kỳ bị kế phản gián của Tống ra hàng, nhiều kẻ động ở đây thay thầy đổi chủ ngay tức khắc: bọn Sầm Khánh Tân, Nùng Quan Lâm Hoàng Kim Mân cũng dự hàng cử soái vùng Cao Bằng, Lạng Sơn bị giặc dụ dỗ được cũng làm ta mất hết luôn ảnh hưởng ở các miền cao nguyên Đông Bắc.

Sự lợi hại về Chiêm Thành cũng vậy. Năm 1283 quân Mông Cổ xâm lăng nước ta, tướng Toa Đô đánh vào Chiêm Thành tính dùng đất Chiêm làm bàn đạp, tiến vào nội địa của ta sau đó sẽ liên lạc với đạo quân từ miền Bắc Việt Nam kéo xuống, nhưng bị Chiêm Thành ngăn lại nên hậu phương của ta không bị sút mẻ. Như vậy ta thấy rõ Chiêm đã đương nhiên thành một cửa ải cho Việt Nam chúng ta, vô tình hay hữu ý và nếu hữu ý là bởi họ ý thức được giặc Nguyên cũng có thể trở thành mối nguy cho họ, nếu Việt Nam bị thôn tính.

Ngoài ra trên phương diện cừu địch, Chiêm Thành, ông láng giềng phương Nam từ đầu Công nguyên đến cuối thế kỷ 17 đã tỏ ra đáng e ngại cho ta hết sức, nghĩa là khi ta thuộc Hán mặc dầu có quân trú phòng Trung Hoa đóng ở quận Nhật Nam (Thanh Nghệ ngày nay) Chiêm Thành cũng không ngăn chuyện vượt rào hùm trước binh đội của vua Hòa Đế nhà Hán (102) trước CN) và sự ngang ngạnh của Chiêm cứ tiếp tục liên miên từ đời này qua đời khác cho tới đời các chúa Nguyễn là thời Nam tiến mạnh nhất sau này trước khi họ bị tiêu diệt.

Tóm lại thượng hoàng Nhân-Tôn đã nghĩ rất xa xôi theo chiều diễn tiến của lịch sử, theo kinh nghiệm về các cuộc hôn nhân chính trị đời Lý mà áp dụng cũng một kế sách, nghĩa là về miền Bắc biên thùy mượn các ông phò mã người Thái, Nùng, Thổ bảo vệ đất nước, tại miền Nam giao hoà với dân Hời cho được «vui về cả làng» lại biến họ thành phen dậu cùng bằng phương

thuốc kẻ trên...

Còn việc hứa gả Huyền Trân đã được Thượng hoàng tuyên bố nhưng khi Chế-Mân dẫn lễ cưới (bằng vàng bạc và các quý vật) sang Việt Nam, triều đình nhà Trần đã có nhiều sự bất đồng nên sứ bộ Chiêm suýt phải về không. Cuối cùng Việt Nam đòi Chiêm nộp sính lễ bằng hai châu Ô, Ri (hay là Ô Lái) gồm phần đất từ Quảng Bình xuống đến sát Quảng Nam. Chiêm đành phải nhận lời. Sứ ta chép rằng Chế-Mân «xin nộp» hai châu này làm lễ cưới, điều này đáng nghi lắm. Theo thiên ý sự việc này có lẽ không đúng, bởi Chiêm đại gì mà muốn mất đất tức là cái khôn ngoan này phát xuất ở triều đình nhà Trần thì phải hơn. Vì sao? Vì từ Đinh, Lê, Lý, Trần song hành với vấn đề chống Bắc, phạt Nam luôn luôn còn vấn đề nhân mãn ở đồng bằng Bắc Việt được đặt ra và vấn đề này cần phải giải quyết với Chiêm Thành bởi chỉ ở trên phạm vi lãnh thổ của Chiêm là còn đất ruộng bỏ hoang để khai khẩn, để trú ngụ và di

dân.

Giành đất sống với Hán tộc ở phương Bắc, rõ rệt ta không đủ sức, chỉ còn đường duy nhất là con đường Nam tiến. Về phía Tây, núi rừng Ai Lao cản cỗi, ít phi nhiều thì kiếm chác gì ở đây? Về phía Đông là biển cả, cũng hết vẫy vùng!

Vua Trần nhân Tôn và các bề tôi trong khi đổi hai hai châu Ô, Lái quả là khéo tính và đã nắm được đủ các thứ lợi cho quốc gia Việt Nam thuở ấy:

Hoàng Thái Xuyên viết:

*Lòng đồ khen ai lo việc nước
Môi son phải giống mãi trên đời.*

là đúng lắm. Chúng ta nói khéo tính còn đề nhấn mạnh rằng phải nghĩ nhiều lắm mới thành «khéo» bởi câu chuyện hôn nhân này khởi từ 1301 là năm tân sửu tới năm 1307 mới có việc người đẹp Việt Nam qua Hời. Người ta đã tính quá kỹ luôn 6 năm ròng, các bạn thấy không? Nhưng rồi

trở trêu thay hương lửa giữa Chiêm vương và nàng công chúa Việt Nam nồng đượm chưa quá 1 năm thì Chế-Mân tạ thế. Đáng lẽ theo tục Chiêm thành, vua qua đời, các hậu phải hỏa thiêu để chết theo thì Trần triều đã bày kế sai Trần khắc Chung kịp thời vô Chiêm giả làm lễ phúng Chiêm vương rồi lập đàn chay ngoài bãi biển để Huyền Trân ra cầu nguyện cho vong hồn nhà vua sau đó đánh tháo cho nàng xuống thuyền bay ra ngoài biển cả. Đến khi người Chiêm biết ra thì bóng hồng của Huyền Trân đã không còn vết tích ở ngoài khơi. Họ chỉ nhìn nhau mà ảm ức. Mỗi thù Việt Chiêm từ đó lại tái diễn và ngày càng thêm sâu đậm...

Ngày nay chúng ta còn được nghe một bài ca nào nùng nói lên nỗi lòng của Huyền Trân công chúa xót xa một cuộc tình duyên không vừa ý nguyện nhưng trực tiếp tỏ rằng nàng sẵn sàng hy sinh cho đại nghĩa dân tộc. Đó là bài ca Nam Bình soạn theo điệu Chiêm Thành đến nay còn lắm ly, ai oán bên bờ sông Hương

giữa cung đàn, nhịp phách của các kỹ nữ xinh như mộng của đất Thần Kinh. Nguyên văn bài ca xin chép ra như sau:

*Nước non ngàn dặm ra đi,
mối tình chi?*

*Mượn mẫu son phấn, đèn
nợ Ô Ly.*

*Đặng cay vi, đương độ
xuân thì.*

*Số lao đao hay là nợ duyên
gì?*

*Má hồng da tuyết, quyết
liều như hoa tàn trăng
khuyết,*

Vàng lộn với chì,

*Khúc ly ca có sao mà
mường tượng nghệ thuật?*

*Thấy chim hồng nhạn bay
đi, tình tha thiết.*

Bóng dương hoa quỳ.

*Nhấn một lời Mân quân,
nay chuyện mà như nguyện,
Đặng vài phân, vì lợi cho
dân,*

Tình đem lại mà cần,

Đặng cay trăm phần...

Chúng tôi ngừng bút ở đây để kết luận rằng ông cha người

CÔNG CHÚA HUYỀN TRẦN

Việt Nam chúng ta rất khôn ngoan trong cuộc tranh sống với lân quốc hùng mạnh, khi thì lấy binh đội là những thanh niên cường tráng phá ải, đánh đồn để bình Nam phạt Bắc, khi thì dùng mọi chước ngoại giao mềm dẻo để bảo vệ biên thù, lấy tình cảm thay giáo mộc, biến thù thành bạn, cương nhu thay đổi bất thường khiến kẻ địch không sao lường được.

Xưa nay chỉ có việc đắp lũy xây thành để gìn giữ quốc gia chứ có đâu lấy má phấn thay cho trường thành như các cụ đã làm ngót ngàn năm trước. Cái khôn ngoan ấy thật là đáng phục vô cùng. Phải chăng vì thế dân tộc ta mới còn tồn tại đến hôm nay và lịch sử đáng là những bài học khôn cho hậu thế? □●

PHẠM VĂN SƠN

Chú thích : Đề có sự liên hệ tình cảm mật thiết Kinh Thượng vua Lý Thái Tông gả công chúa Kim Thành cho Châu mục Phong Châu thuộc tỉnh Sơn Tây. Phú-

Thọ bây giờ tên là Lê Thuận Tông và công chúa Trường Ninh cho Châu mục Thượng Oai (vùng Hòa Bình) là Hà thiện Lâm.

Chính nhà vua còn tuyển con gái Đào Đại Di ở châu Chân-Đẳng (Hưng Hóa) về cung làm hoàng phi, như vậy việc lấy má phấn thay trường thành quá rõ rệt là một chính sách và các cuộc hôn nhân kẻ trên đã nặng màu sắc chính trị. Các vua chúa kim, cò, Đông, Tây đã áp dụng chánh sách này đối với các lân quốc hùng mạnh, lịch sử từng ghi chép sự việc này kẻ ra không lạ, những ông cha người Việt Nam ta 10 thế kỷ trước đã sớm có ý niệm này thật là đáng khen vô cùng.

PENI-V 200.000 đv
400.000 đv
500.000 đv

Thuốc viên trụ sinh loại mới PENICILLINE-V uống dễ dàng mà công hiệu như chích PENICILLINE - G



BUỒN MỜ CỎI

Buồn mờ cỏi, lẻ loi thân cây cỏ
Mà đầm hơi sương, gió nhuộm bụi đường
Chiều ai, ai ngồi đó
Tôi vẫn một mình chọn nét yêu thương
Ráng nắng buồn lênh
Ấm thanh gục ngã
Tâm hồn lạc bệnh
Thề xác lạc giữa trùng dương
Chơi vui hai tiếng chơi vui
Trong niềm lạnh ngắt
Bâng giá tâm hồn
Có đơn tôi vẫn có đơn
Ai đi muôn ngả, riêng sầu có liêu
Một buổi chiều lại một buổi chiều
Gió cây không rụng,
Sương trời không rơi
Đề buồn với chữ mờ cỏi

TRẦN THANH THU

MIDWAY

THỂ CỜ LẬT NGƯỢC

hay lối rẽ của một trận chiến tranh
tàn khốc và dai dẳng

● Tại sao lại Midway ?... **CAO NGUYỄN LANG**
đường!...

KHI Midway được chọn làm địa điểm gặp gỡ giữa hai nhà lãnh đạo Việt-Mỹ để hoạch định thể cờ chung, giải quyết chiến cuộc Việt Nam. Cả thế giới hướng về Midway, chờ đợi những biến chuyển mới lạ, và coi đây như một lối rẽ quan trọng, quyết định vận mạng, và tương lai miền Nam, trong công cuộc chiến thắng Cộng Sản, tiến tới Hòa Bình.

— Nhưng, tại sao lại Midway?

— Vì Midway là «nửa

Câu hỏi của nhà báo. Và lời giải đáp của Tham vụ báo chí Tòa Bạch Ốc không làm thỏa mãn những khối óc tò mò. Bởi vì Midway không thể là «nửa đường». Nếu so sánh, chặng đường của Tổng Thống Nixon, và Tổng Thống Thiệu, thì Tổng Thống Nixon phải đi xa hơn Tổng Thống Thiệu cả trăm cây số.

Đúng ra, khi nêu lên câu hỏi này, dụng ý của nhà báo, muốn nhắc đến ý nghĩa lịch sử của hòn đảo nhỏ, đã từng đem lại chiến thắng vẻ vang cho Mỹ

MIDWAY

trong kỳ đệ nhị Thế Chiến.

Chính ở Midway, trong hoàn cảnh cực kỳ cam go, Mỹ đã tận dụng sức mình, đè bẹp con khủng long Nhật Bản, ý thể thừa thắng tung hoành trên mặt biển Thái Bình Dương.

Hồi đó Midway cũng từng được mệnh danh là «lối rẽ của cuộc chiến tranh Mỹ - Nhật trên mặt biển Thái Bình Dương». Nói đúng hơn thì Midway đã tạo cho Mỹ một «thể cờ lật ngược» sau giai đoạn suy sèo, tưởng như tuyệt vọng.



● Sau Pearl-Harbour

Trong số những trận quần thảo giữa Mỹ và Nhật trên mặt biển Thái Bình Dương, con khủng long Nhật Bản hầu như luôn luôn dành ưu thế. Nhất là, sau khi Pearl-Harbour bị tàn phá, Hải quân Mỹ lâm vào tình trạng kiệt quệ, không đủ sức tập trung,

đương đầu với sự tung hoành của Hạm Đội Nhật.

Thừa thắng, Hải quân Nhật quyết định chiếm Midway, mở rộng tuyến phòng thủ trên mặt biển. Đồng thời, có thể dùng hòn đảo nhỏ bé này, làm mồi nhử Hải quân Mỹ, tận diệt những lực lượng còn lại.

Ngày 4-6-1942, hạm đội Nhật dưới quyền chỉ huy của Đề Đốc Nagumo, nhận lệnh Bộ Tham Mưu, trực chỉ Midway, thực hiện kế hoạch chỉ định.

Trước tình thế quyết liệt, Mỹ không thể để Midway lọt vào tay quân Nhật. Và lại, mỗi hạm Pearl Harbour bị tàn phá, cách đó sáu tháng, buộc Mỹ phải trả đũa, dù phải lao vào một cuộc «sinh tử», một ăn, một thua, một còn, một mất.

Chỉ mấy tiếng đồng hồ sau, ba hàng không mẫu hạm Yorktown, Enterprise và Hornet, dưới quyền chỉ huy của Đề Đốc Fletcher, và Spruance đã có mặt ở Hải phận Midway. Bốn mươi một phóng pháo cơ ừ các hàng không mẫu

hạm được phóng đi đợt đầu, không đem về một mảy may thành công, mà hầu như bị hạ gần trọn vẹn trong trận không chiến với phi công Nhật.

Cũng do chiến thất bại này, sự kiên nhẫn của Mỹ đã phát giác được mục tiêu của các hàng không mẫu hạm Nhật, mở đầu trận bão lửa khủng khiếp.



● Những giờ phút nghẹt thở !

Lúc ấy là 9 giờ 2 phút. Trung úy Leslie, chỉ huy một phi đội gồm 17 phóng pháo cơ cất cánh từ hàng không mẫu hạm Yorktown, hướng về tọa độ 2250-2300. Ở khu vực này, họ hy vọng có thể phát giác thấy Hạm Đội Nhật, dưới quyền chỉ huy của Đề Đốc Nagumo.

Những phi cơ được trang bị bằng giàn phóng bom điện tử. Theo nguyên tắc, khi phi cơ lên tới cao độ 300 thước, các phi công có thể tự điều khiển tổng

bom vào giàn phóng.

Nhưng, một sự cố đã xảy ra, khi Leslie dấn cần tự động. Anh bỗng thấy phi cơ nhẹ bỗng hẫng đi. Leslie vẫn chưa hiểu gì. Anh quay sang Holmberg, viên sĩ quan hoa tiêu điều khiển chiếc phi cơ bay ngang bên cánh trái, hất đầu ra dấu hỏi. Holmberg phác tay làm hiệu cho Leslie biết việc gì đã xảy ra vừa rồi: Thì ra trái bom 100 cân Anh, thay vì nhảy vào giàn phóng, đã nhảy tọt xuống biển.

Ngay lúc ấy, chiếc phi cơ của Paul - Schlegel, bay bên phải Leslie, cũng gặp tình trạng tương tự.

Chỉ trong vòng mấy phút đồng hồ, ngoài phi cơ của Leslie, đã có thêm 3 chiếc nữa bị trục trặc giàn phóng. Như thế là, trong số 17 phóng pháo cơ, chỉ còn lại được 13 chiếc gắn bom, và có thể phóng được.

Mặc dù vậy, Leslie cũng quyết định sẽ cho phi cơ nhào xuống mục tiêu, yểm trợ cho đồng đội bằng hỏa lực trọng liên.

Khi đoàn phi cơ vượt lên tới cao độ 6000 thước, Leslie bỗng nhận thấy một vật khối đen kéo ngang phía chân trời. Nhìn chiều hướng của vật khối, Leslie có thể xác định: đó là những hàng không mẫu hạm, thuộc hạm đội Nagumo, đang tiến về phía Bắc, xích lại gần vùng hoạt động của các hàng không mẫu hạm Mỹ.

Lập tức, Leslie ra lệnh cho phi đội quay mũi về cánh phải, xiên theo hướng Tây Bắc.

Đúng 10 giờ 20 thì những hàng không mẫu hạm Nhật bắt đầu hiện rõ, chỉ cách ba phi đội Leslie chừng mấy hải lý.

Trong khi ấy, một phi đội khác cất cánh từ hàng không mẫu hạm Enterprise, dưới quyền Mc Clusky, trung úy chỉ huy phi đội, lại bị đánh lạc hướng. Đoàn phi cơ này bay quần về phía Nam. Cho tới 9 giờ 30 không phát giác được gì họ vẫn luân-quần ở trong vùng.

Cũng may! Trước đó hơn một tiếng, tiềm thủy đình Nautilus đã phát giác được hướng đi

chuyển của Hạm đội Nagumo. Sau một loạt thủy lôi phóng ra, nhưng không có hiệu quả, Nautilus phải chịu đựng những trái thủy pháo từ tàu Nhật phóng ra, đành rút lui êm. Nagumo ra lệnh cho khu trục hạm Arashi dưới quyền chỉ huy của Đại Úy Hạm-Trưởng Watanabé, quay hướng truy lùng tiềm thủy đình Nautilus.

Sau một hồi sục sạo trong một vùng khá rộng trên mặt biển, không dò ra tung tích Nautilus. Watanabé cho chiến hạm mở hết tốc độ để bắt kịp đoàn chiến hạm của hạm đội.

Chính nhờ chiếc Arashi, của Watanabé, mà phi đội của Mc Clusky đã phát giác được mục tiêu kịp thời, lúc ấy là 9 giờ 55 phút.

Hai phi đội của Leslie và Mc Clusky từ hai bên đoàn tàu Nhật tiến lại gần hơn. Họ nhận rõ chiếc Arashi chuyển động với tốc lực khá nhanh về hướng Tây và bây giờ thì nó đang ở đằng sau chiếc Soryu. Chiếc Hyriu ở lút thật xa về phía Bắc. Chiếc Kaga gần hơn, cũng về

hướng Bắc nhưng vừa tầm với chiếc Soryu.

● Kaga nuốt lửa.

Mặc dù, ở trên một độ khá cao trên không trung, Leslie cũng phân biệt được hình thù bề thế của chiếc Kaga với sức nặng 26.900 tấn, so với chiếc Soryu chỉ 10.000 tấn. Lễ tự nhiên, mục tiêu ưu tiên của Leslie phải là Kaga.

Leslie cho phi cơ nhào xuống. Vài giây sau thì, Holmberg với trái bom 1000 cân Anh dưới bụng lao theo. Tiếp tục các phi cơ khác.

Chiếc hàng không mẫu hạm đồ sộ in hằn lên thật rõ trên mặt nước kính. Viên phi công còn nhận ra, khoảng 12 chiếc khu trục đậu sẵn trên cầu phi đạo. Một khoảng nắng vàng trải trên sàn tàu.

Leslie nhắm thật chính xác. Từ 3000 thước, hỏa lực trọng liên bắt đầu dội xuống. Cách 1200 thước thì các ô súng ngừng. Anh

cho phi cơ xiên ngang và bốc lên.

Từ đằng sau Holmberg nhìn rõ tia lửa của những lần đạn 50 từ phi cơ của Leslie bắn xuống thành những vệt dài trên cầu phi đạo. Holmberg nhào xuống đúng lúc, và cũng không kém phần chính xác. Sau khi trái bom phóng ra, một khối lửa đỏ rực bùng lên khoảng cầu phi đạo. Phi cơ của Holmberg rùng thật mạnh vì sức dội của trái bom nổ.

Những phi cơ khác tiếp tục nhào xuống. Ba tiếng nổ kế tiếp rung chuyển. Những mảnh sắt, kính, trên hàng không mẫu hạm tung lên, xoay tròn trên không gian.

Essence từ những bồn chứa bị bể tung, chảy xối xả. Những phi công trên các phi cơ trên tàu không nẩy ra kịp đều trở thành mồi lửa ngay trên ghế bay.

Bọn binh sĩ và sĩ quan — Những tên nào còn sống sót nhẩy ào ào xuống biển Okada viên chỉ huy tàu bị chết thiêu trên đài chỉ huy.

Chỉ không đầy hai phút sau

cuộc oanh kích của phi đội Leslie, hàng không mẫu hạm Kaga chỉ còn là một khối lửa trôi lênh bênh trên mặt biển.

Trong khi đó thì phi đội của Mc Clusky gồm 37 phóng pháo cơ — *nhều hơn Leslie* — chia làm hai toán, thanh toán hai mục tiêu : mẫu hạm Akagi và Soryu. Lúc ấy vào 10 giờ 26 phút.

● Nagumo thảm bại — Thêm hai chiến hạm bị tàn phá.

Trong số hai hàng không mẫu hạm Akagi và Soryu do phi đội của Mc. Clusky chia làm hai cánh tấn công, chiếc Akagi lãnh phần đầu tiên.

Những trái bom 1000 và 500 cân Anh trút xuống. Một trái trúng mạn cầu tàu phía dưới. Một trái rớt ngay bong vào hầm chứa, một số lớn phi cơ sửa soạn lên cầu phi đạo.

Những tiếng nổ rung chuyển. Trên một chục khối lửa đỏ rực

từ những bồn chứa dầu lan tràn. Những toán cứu hỏa cầm tử xông vào, nhưng những cột khói đen bốc lên phủ kín. Một số bị chết ngộp giữa đám lửa. Một số khác chới vói rớt xuống biển.

Một trái bom khác nổ tung giữa cầu phi đạo. Những chiếc phi cơ cùng với bọn hoa tiêu trên tàu biến thành những mảnh thịt và sắt vụn lẫn lộn tung lên không trung.

Mẫu hạm Akagi — Tàu chỉ huy của đề đốc Nagumo sau những giây phút tuyệt vọng, đã trở thành mồi lửa giữa Đại Dương.

Đại Úy Doki, chỉ huy tàu, và Phó Đề Đốc Kusaka bó tay trước cảnh tàn phá. Doki báo cáo lên Nagumo tình trạng cấp bách, và đề nghị Nagumo rời tàu. Nagumo găm lên trong máy, và ra lệnh tìm mọi biện pháp cứu chữa. Nhất định không rời tàu.

Kusaka phải lớn tiếng giải thích trước cơn thịnh nộ của Nagumo :

— Máy vô tuyến trên tàu đã

hư, không thể liên lạc với các tàu khác được nữa. Xin Đề Đốc hãy rời khỏi tàu bằng xuồng cấp cứu sang một tàu khác, nếu chúng ta còn muốn tiếp tục chiến đấu.

Nagumo như một kẻ điên dại, nhất định không chấp nhận. Cuối cùng phó Đề Đốc Kusaka phải ra lệnh cho một số sĩ quan giữ chặt Nagumo, và lôi ông ta xuống xuồng cấp cứu.

Trong khi Akagi bị oanh tạc, thì mẫu hạm Soryu cũng không thoát số phận. Có điều, số phận của Soryu ngắn ngủi hơn hai chiếc tàu bạn. Ngay từ phút đầu những trái bom đã làm bùng máy tề liệt hẳn. Một lỗ thủng khoét sâu bên hông tàu, nước tràn vào xối xả. Trên boong những đám lửa ngút cháy.

Yanigimoto, viên Đại úy chỉ huy đứng ngay trên cầu tàu, quần áo, mặt mũi nám khói đen, những đám thủy thủ bị chết cháy, hoặc ngói ngóp trên mặt biển, giữa những lớp dầu đặc quánh như bùn. Một khu trục hạm rẽ sóng ghé đến gần Soryu, cứu cấp các

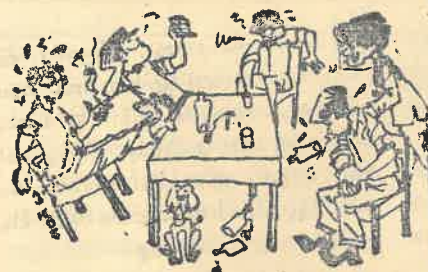
thủy thủ sống sót, và yêu cầu Yanigimoto xuống khu trục hạm. Viên sĩ quan từ chối. Đến phút chót người ta thấy Yanigimoto chìm giữa đám khói lửa, và ông ta đã ca bản quốc thiều Nhật Bản trước khi gục xuống.



Sau trận oanh tạc, ba hàng không mẫu hạm Nhật Bản như ba hòn đảo lửa di động giữa biển trong nhiều giờ kế tiếp.

Tính ra, cuộc oanh tạc của hai phi đội Leslie Mc. Clusky chỉ chênh nhau trong vòng hai phút. Từ 10 giờ 24 đến 10 giờ 26 phút. Và cũng chỉ hai phút sau đó lực lượng của hạm đội Nagumo bị tiêu diệt tới 65%, gồm toàn hàng không mẫu hạm.

Khỏi sự từ tham vọng chiếm Midway — trận đánh lịch sử này được kể như mở đầu một thể *cờ lật ngược* «giữa lực lượng Hải quân Mỹ» và Nhật Bản.



SAIGON
LAI RAI

Lên Ruột !

● HOÀNG-THẮNG

TRONG khoảng một tháng nay, dân Saigon «được» lên ruột lu bù. Đầu tiên, các công chức và quân nhân «bị» gán cho cái «mác» sẽ lên lương vào đầu tháng 7-69. Ấy mới là sẽ, mà giá cả trên thị trường đã leo thang vùn vụt. Thật là khổ! Mùi thơm phức phức của giấy mới toanh chưa thấy đâu, mà tai được nghe bà xã than thở, nào là: đường khan, sữa hiếm, gạo mắc. Ồ là là, thôi thì đủ thứ. Thế là có chuyện cơm ăn

ba chén chỉ còn hai. Hột vịt hai còn có... một rưỡi.

Đầu đã hết!

Đùng một cái, chả biết là do tin ở nơi đâu tung ra, bột, gạo và đường dất rây nhau giăng dung giẻ lên đường... lằng giá.

Kẻ này là đàn ông nên cũng ít đề ý đến giá cả cho lắm. Tuy nhiên, ở nhà cũng có sẵn... nôi niêu, soong chảo, dề lơ ra có hết tiền, thì nhà có sẵn 2 lít gạo «đầu cơ tích trữ» đem ra mà ăn trừ... cơm hàng.

Đến khi ngó xem hàng tồn kho có còn không thì... hết. đành phải ra tiệm mua 2 lít gạo khác và kẻ này rất lấy làm... sung sướng mà được trả tiền 38 đồng 1 lít gạo — cái thứ gạo mà lần trước kẻ này mua có 25 đồng 1 lít.

Thế là thế nào ?

Thảo nào, hàng ngày, khi đi làm, tôi có đi qua cửa một tiệm bán gạo (đại lý gạo của TCTT), lúc nào tôi cũng thấy gạo, than đầy ắp, nhưng đột nhiên tôi thấy chỗ chứa những bao gạo trắng trống trơn, chỉ có than đen là còn đầy. Thì ra gạo trắng lên giá chợ đen, nên người dân — lẽ dĩ nhiên là anh dân nghèo — mỗi lần mua, nhiều lắm cũng chỉ tới 5 lít gạo là cùng — đã bắt buộc phải mua nhiều hơn để tránh cảnh tuyệt thực bất đắc dĩ.

Riêng cái món than đen bị ế xung ế xả là vì người ta ớn nó rồi, ớn từ thời than được, than Cà Mau bị tắc tị nên người ta quay sang dùng bếp

dầu hôi, thêm nữa, nhiều nhà giàu, theo «thời trang» đã dùng bếp gaz, vừa sạch sẽ, vừa gọn ghẽ, vừa mát mắt tuy có lắm khi cũng nguy hiểm không vừa... Mở hơi gaz mạnh quá, lại kèm thêm bên cạnh bếp gaz có một bếp dầu hôi sơ cua đang hoạt động, thế là có một chuyện khiêng người bị phồng dzô nhà thương cái rụp.

Cho tới bây giờ, mọi người mới rõ tại sao gạo lại khan hiếm và leo thang giá cả. Theo dân biểu Võ văn Phát, chủ tịch ủy Ban Kinh Tế Hạ Viện — trong một cuộc tiếp xúc với báo chí ngày 10-8 đã tiết lộ lý do giá gạo tăng. Vì có tin của Hoa Kỳ cho hay trong tháng 7-69 sẽ có một cuộc tấn công mạnh của VC, do đó, chánh phủ đã phải giữ lại số gạo tồn kho để phòng khi có biến mà tiếp tế cho dân chúng nên vì vậy mà có nạn khan hiếm và gia tăng giá gạo mấy ngày nay. Nay nguồn tin trên xem như không còn gì xác thực nữa (nghĩa là tin vịt) nên

chánh phủ cũng đã cho giải tỏa số gạo tồn kho để cung cấp cho dân chúng.

Tuy gạo đã được tung ra nhưng giá cả vẫn chưa chịu xuống. Mấy thuở được lên, đại gì mà xuống ngay, như thế đâu có... khoái.

Nhưng đối với dân ăn cơm là chính — còn mặt quá mới phải ăn «cơm tay cầm» — đã bị lên ruột thì lại mong xuống. Xuống ngay, xuống gấp !

Hết gạo tới đường, như chàng với nàng. Chàng đi cho thiếp theo cùng. Đi đâu ? Đi chơi ư đi tìm. Kẻ nấy thì nấp kỹ trong... Chợ đen, kẻ đi tìm thì vác thêm tiền để đi «chiêu hồi». Vậy mà có người còn bị... lừa nữa. Đã phải mua mắc, lại bị pha cám vô. Đường chộn lẩn với cám chắc cái tên chủ tiệm chạp phô nào đó, vì nó có sẵn «lòng thương người theo thời cuộc» nên nó mới cho người ăn đường ăn ... cám !

Ăn cho no, uống cho ngọt giọng, rồi còn phom phom lên đường mà thi hành... nghĩa vụ

dạ dày chứ ! Ấy nhưng mà, thằng dân lại vấp phải có dụ của bộ Kinh Tế cấm nhập cảng loại xé 2 bánh, 3 bánh và cả 4 bánh nữa.

Xế đang mớ meo, nằm ườn đầy tiệm, đầy kho, vớ được món bở «Phân xuất quân bình» đã reo hò xuất đầu lộ diện. Nhưng chúng lại reo hò đến... diếc con ráy, khi chúng biết anh em, họ hàng, làng nước nhà chúng không được nhập địa Việt Nam nữa, nên tha hồ tác oai tác quái. Chúng leo thang lẹ như A Pồ Lồ dzậy ! Làm sao lôi chúng trở về khỏi diêm ? Chắc phải nhờ các Khoa Học gia tại Houston Mỹ quốc ra lệnh cho chúng quay về ? Liệu có được chăng ?

Còn một vụ Lên Ruột nữa cũng không kém kinh khủng. Đó là vụ ông Mèo lại đi một đường đời đô la dò lần thứ hai.

Lần thứ nhất, ngày 21-10-1968, đã có nhiều ông. nhiều bà bỏ mạng cùi vì dư giả

đô la đồ. Mới hôm trước còn giá trị ra rít, vậy mà sau ngày 21, chỉ còn cách đem dán lên tường coi cho vui mắt. Nhưng sức mầy mà vui. Rầu thấy mồ! Đang giầu thấy mồ, chỉ đời một cái thành ra rầu thấy mồ. Thật là đau hơn hoạn. Rồi bây giờ lại... sao y bản chính! Lại lắm anh, lắm chị chết... ngắc. Chết mà không dám kêu ca không dám phản đối. Nhưng khổ nỗi kêu ca với ai, phản đối ai? Chẳng lẽ kêu ca với nhà báo? Kêu ca, kè khờ với nhà báo ư

ăn cái giải gì?

Mèo đã chẳng tuyên bố thẳng thừng là đô la đồ chỉ có giá trị với quân đội Mỹ và nhân viên dân sự Mỹ thôi cơ mà! Ai bảo các «người» tham?

Nhưng dù sao, riêng cá nhân tôi cũng có đôi lời chia buồn với những người đã có quyền giữ đô la đồ mà không có quyền đòi nó, nhất là người đó lại là phái... đẹp!



THƯ LÂM ẤN THƯ QUÁN

231 - 233, Phạm-Ngũ-Lão — SAIGON

Điện-thoại : 25861

NHÀ IN — XUẤT BẢN — CUNG CẤP VẬT DỤNG VĂN PHÒNG
CÓ XƯỞNG MÁY CUNG CẤP PHỤ HIỆU, CỜ HIỆU ĐOÀN.
NHÂN CỜ ÁO (ÉTIQUETTES) MÀU ĐẸP, BỀN, KHÔNG PHAI
Gởi tiền thanh toán xin chuyển vào Trương-mục Bưu-diện

Saigon T/M 2.701 THƯ LÂM ẤN THƯ QUÁN

TỈNH KIÊN - GIANG

LÊ-HƯƠNG

KIÊN Giang, địa danh mới của Rạch Giá nằm trên bờ vịnh Thái Lan, giáp ranh với Cao Miên, xưa kia là vùng đất hoang nhờ phù sa sông Cửu Long bồi đắp, ước lượng chung mỗi năm hơn một ngàn triệu thước khối.

Năm 1944, sau khi nhà khảo cổ Pháp Louis Malleret tìm được di tích hải cảng Óc-Éo ở xã Mỹ Lâm, quận Kiên Thành, người ta cho rằng vào thế kỷ thứ 1 Dương lịch, lãnh thổ này thuộc vương quốc Phù Nam, và Óc Éo là một thị trấn ở sát bờ biển, lúc bấy giờ vịnh Thái Lan còn ăn sâu vào lục địa đến 25 cây số.

Cuối thế kỷ 17, lúc người Việt tiếp tục vào miền Nam định cư,

tỉnh Kiên Giang vẫn chưa được khai thác, nhiều nơi còn sinh lầy, đầy đặc những rừng tràm, cây bần, rừng dừa nước, rừng choai, đưng, sậy, đẽ. Khi thủy triều lên, các loại ghe nhỏ, xuồng, bơi trên lạch nước vào đồng ruộng, hai bên đầy lau và cỏ. Khi thủy triều xuống, lòng rạch cạn, trơ ra toàn bùn!

Năm Giáp Dần 1674, Mạc Cửu người ở huyện Lôi châu, tỉnh Quảng Đông, bên Trung Hoa, không thần phục vua Khang Hi nhà Thanh, cùng bộ hạ lưu vong sang Việt Nam. Chúa Nguyễn-phúc-Tần cho vào khai thác vùng Hà Tiên, lúc ấy còn gọi là Mang Khảm, nghĩa là Thành Thơm. Mạc Cửu mở sông đánh bạc, lập phòng thu thuế

lấy tiền chiêu mộ những lưu dân lập ra 7 xã : Phú Quốc, Long cơ, Cần bột, Vũng Thơm, Rạch Giá và Mang Khảm. Năm Mậu Tý (1708), Mạc Cửu thân đến Phú Xuân dâng biểu xin đem đất bảy xã của mình khai phá qui phục Nam Triều. Chúa Nguyễn ưng cho và đổi tên đất Mang Khảm lại là Hà Tiên trấn, phong cho Mạc Cửu chức Tổng Binh về giữ trấn Hà Tiên. Mạc Cửu lo xây đắp thành quách và đặt quan cai trị các quận huyện, mở thêm đất đai, nhân dân ngày thêm trù mật. Trấn Hà Tiên dần dần mở mang, thanh thế lấy lòng hơn trước.

Nhưng theo ông Đông Hồ viết theo gia phả họ Mạc trong tập *Hà Tiên Mạc Thị Sử*, thì Mạc Cửu là quê hương năm 1671, Tân Hợi niên, hiệu Vĩnh Lịch thứ 25, sang nước Cao Miên, bấy giờ còn gọi là Chân Lạp. Người Tàu sang buôn bán ở Chân Lạp rất nhiều, họ Mạc cũng theo trong các người ấy rồi dần dần cầu thân với các quan

Cao Miên và nhờ đưa vào yết kiến vua Nặc Ông Nộn (Angnon). Mạc Cửu là người thông minh, linh hoạt nên được vị Quốc vương yêu dùng ngay. Ít lâu sau, Mạc Cửu xin khai khẩn đất Mang Khảm để mở mang bờ cõi và thu giữ thuế vụ cho nhà Vua. Nặc Ông Nộn ưng cho và phong làm chức «Ốc nha» bằng chức Tri phủ. Năm Giáp Dần 1674, nước Chân Lạp có kẻ bày tội tên Nặc Ông Đài làm phản, trốn sang cầu viện binh Xiêm la về đánh vua Nặc Ông Nộn. Quân Xiêm la xua binh vào đánh Mang Khảm, Mạc Cửu chống cự không nổi, đưa thơ cầu cứu với vua Chân Lạp, chưa được bình tiếp thì đất Mang Khảm đã mất. cả gia quyến Mạc Cửu đều bị quân Xiêm la bắt giữ. Vua Xiêm biết Mạc Cửu là người có tài, muốn giữ lại giúp việc mới dùng lời ủy dụ và trọng đãi. Khi ông thề làm gì khác hơn, Mạc Cửu đành phải ở lại nước Xiêm la, tìm chức đút lót các quan, xin Vua cho ra ở đất Vọng An. một hải đảo ở cách xa kinh đô, để buôn bán. Vài năm sau, nhân nước

Xiêm la có nội loạn, anh em Hoàng tử tranh nhau kế vị, không ai lưu tâm đến mình, Mạc Cửu bèn đem gia quyến và kẻ từng dân cùng bị bắt khi thất Mang Khảm trước kia chạy về Trùng Kê, nay gọi là Rém ở đất Miên, phía Tây Bắc Mang Khảm. Đất Trùng Kê hẹp, nhân dân theo đông, không thể ở lâu được, nên ít lâu Mạc Cửu về Mang Khảm đề lo toan sự khôi phục. Lúc ấy, có kẻ mưu sĩ là Tô Quân bàn rằng :

— Người Chân Lạp tâm tánh hèn nhát, nhu nhược, lại đất Mang Khảm là đất hải tần, tất có ngày đối lỵ với Xiêm la, ngộ có khuynh nguy, họ không thể bảo trợ được, chỉ bằng thân phục về với Nam Triều để cho có chỗ ở lại vững vàng là hay hơn.

Mạc Cửu nghe lời. Mùa thu tháng tám năm Giáp Ngọ (1714), dời vua Lê Hiến Tông, Hiếu minh Hoàng đế năm thứ 24, đương thời là Tô quốc Công Nguyễn phúc Chu, Mạc Cửu thân đến Phú Xuân dâng biểu xin đem đất 7 xã của mình khai phá

qui phục Nam Triều. Chúa Nguyễn ưng cho và đổi tên đất Mang Khảm lại là Hà tiên trấn, phong cho Mạc Cửu chức Tổng Binh về giữ trấn Hà Tiên lại ban ấn triện, mạo mào và cho người đưa về trọng hậu.

«Hà Tiên», hai chữ tên trấn của chúa Nguyễn cải đặt đất Mang Khảm, không biết nguyên thủy nghĩa như thế nào, chứ theo lời truyền khẩu thì vào những đêm thanh vắng trên sông ở đây (tức là Đông Hồ và cửa thông ra biển Kim Dữ bây giờ) có các vị tiên nữ hiện xuống chơi, bày ra cuộc du hồ ; cả một vùng ai cũng nghe có tiếng tiêu địch, sinh ca. Vì thế mới đặt là Hà Tiên, lấy nghĩa chốn có tiên nữ đến chơi trên sông.

Ngày 27 tháng 5 năm Ất Mão (1735), dời vua Lê Túc Tông, Hiếu minh Hoàng đế năm thứ 11, đương thời Nguyễn phúc Trú, Mạc Cửu từ trấn hưởng thọ 81 tuổi. Chúa Nguyễn truy phong tước khai trấn Thượng trụ quốc Đại tướng quân Cửu lộ hầu, và phong cho con trai

là Mạc Thiên Tích làm chức Tổng binh Đại đô đốc giữ trấn Hà Tiên thay cha.

Bấy giờ những quận huyện giáp với đất Chân Lạp thường bị thổ dân đánh phá luôn vì oán giận họ Mạc đã cướp lấy đất cát của họ. Năm 1739, tên giặc Nặc Bồn theo đường Sài Mạt đến xâm phạm miền Bắc trấn Hà Tiên, Mạc thiên Tích đem binh đánh dẹp, Nặc Bồn thua rút về nước, từ đấy không dám dòm ngó đến trấn Hà Tiên nữa. Mạc Thiên Tích, mặt Bắc thì lo chống cự với người Chân Lạp, còn mặt Nam thì chiếm cứ khai thác về miền duyên hải được thêm bốn huyện nữa.

— Long Xuyên, là Cà Mau ngày nay.

— Kiên Giang, là Rạch giá

— Trấn Giang, thuộc miền Cần thơ

— Trấn Di, thuộc miền Bạc Liêu, Bãi Xàu.

Xem thế, tỉnh Rạch Giá được

thành lập sau tỉnh Hà Tiên mà bấy giờ thì Hà Tiên lại trở thành một quận của Rạch Giá, do ý định của Ngô đình Diệm.

Danh từ *Rạch Giá* phát xuất do con *rạch* chảy ra biển hai bên bờ có rất nhiều *cây giá*. Thuở ban sơ nhân dân chọn địa điểm này lập chợ nhờ thủy lộ vào đồng bằng làm ruộng và ra khơi đánh cá. Người ta gọi nôm na theo tên địa hình, địa vật và thành danh luôn. Khi người Pháp chiếm miền Nam họ cũng dùng làm tên tỉnh đến bây giờ. Ngoài ra một số đông người Chân Lạp thời ấy lại đặt một tên khác là *Kramuôn So* nghĩa là *Sáp Trắng* lấy theo loại sáp màu trắng của loài ong hút mật bông *cây giá* làm ổ. Chỉ có nhụy bông *cây giá* loài ong mới làm ra sáp trắng mà thôi. Danh từ *Kramuôn So* vẫn được người Việt gốc Miên gọi cho đến ngày nay.

Rạch Giá trước sự đổi thay

Quân Pháp chiếm hết miền

Nam đặt chế độ thuộc địa, chia làm 21 tỉnh — Hà Tiên là tỉnh địa đầu. Rạch Giá được tách rời khỏi Hà Tiên thành một tỉnh riêng biệt, có lẽ vì thuở ấy thực dân chưa đắp đường xe chạy từ Rạch Giá đến Hà Tiên, hoặc vì địa thế của tỉnh Hà Tiên quá rộng. Người ở Saigon muốn đi Hà Tiên phải qua Châu đốc, Tịnh Biên, sang Cao Miên đến quận Kompong Trach thuộc tỉnh Kampot rồi theo quốc lộ số 17 trở xuống Hà Tiên! Người ở Rạch Giá đi Hà Tiên bằng ghe biển.

Dưới thời đệ nhứt Cộng hòa ngày 3-1-1957, Hà Tiên trở thành một quận của tỉnh Rạch Giá, đổi tên là Kiên Giang, gồm đảo Phú Quốc và hơn 30 hòn đảo và quần đảo rải rác theo vịnh Thái Lan. Phần nằm trên đất liền phía Đông Bắc giáp tỉnh Châu Đốc, An Giang, Phong Dinh, phía Đông Nam giáp tỉnh An Xuyên, Chương Thiện, phía Tây và Tây Nam giáp vịnh Thái Lan và tỉnh An Xuyên, phía Tây và phía Tây Bắc giáp xứ Cao Miên và vịnh

Thái Lan. Diện tích phần này ước lượng 558.740 mẫu tây, phần các hòn đảo ước lượng 80.000 mẫu tây, riêng đảo Phú Quốc lối 60.000 mẫu tây. Tỉnh có 7 quận: Kiên Thành, Kiên Tân, Kiên Bình, Kiên An, Kiên Lương, Hà Tiên, Phú Quốc, 7 tổng: Kiên Hảo, Kiên Tường, Thanh Tân, Ngọc Hưng, Thanh An, Thanh Biên, Hà Thanh Bình, và 40 xã. Trước kia chánh quyền có chọn một vị Chánh Tổng cho mỗi Tổng, nhưng hiện thời các xã làm việc trực tiếp với quận. Chánh tổng xin nghỉ hoặc về hưu không có thay thế nữa. Hòn Tre và Hòn Sơn Ráy được sáp nhập vào xã: Hòn Tre thuộc về xã Vĩnh thanh Vân, quận Kiên Thành, Hòn Sơn Ráy thuộc xã Lại Sơn quận Kiên An. Những hòn đảo ngoài khơi quận Hà Tiên, vì không có người ở và không có lợi tức nào thu hoạch nên bỏ hoang. Thế nhưng chánh phủ Cao Miên gây hấn với ta cũng vì mấy đảo ấy. Họ cho là đất đai của họ mà ta cướp lấy! Có lần họ kéo quân đổ bộ lên một vài đảo, dựng cờ...

rời rút về vì không thể ở được ! Tuy nhiên trên phương diện chính trị, họ liệt kê vào danh sách những yêu sách về vấn đề biên giới giữa họ và ta !

Đất đai trong tỉnh phần nhiều do sông Cửu Long mang phù sa bồi đắp hàng ngàn năm trước nên đồng ruộng rất tốt, vườn tược sum xuê. Dọc theo bờ biển và trong vịnh Thái Lan có nhiều núi đồi và hòn đảo nhỏ bằng đá hoa cương loại đá gọi tiếng Pháp là Granit. Trong quận Hà Tiên có nhiều ngọn đồi đá hoa cương theo chiều hướng Tây Bắc xuống Đông Nam. Ở các thung lũng vùng Cao nguyên Sài Mạt có cát vàng, đất sét màu đỏ có chất sắt. Trên dãy núi từ Đông Bắc đến Tây Nam có chất phún thạch, loại đá vôi của hòa diệm sơn thời xưa chuyển động tạo thành núi Đá dựng, Thạch động, Bà Hòa, Thị Vang, Núi Triều, chùa Hang. Ở quận Kiên Lương, những ngọn đồi phún thạch ấy được khai thác làm xi măng gọi là xi măng Hà Tiên. Trong quận Kiên An và Hiếu Lễ

vùng U Minh có than bùn là chất than do những thân cây bị chôn dưới đất hàng trăm năm. Trên Phú Quốc (cách quận Hà Tiên 70 cây số, cách tỉnh lỵ Rạch Giá 130 cây số) có sa thạch (grès), đá vôi và nhiều mỏ huyền thạch (jade) rất quý.

Dân số trong tỉnh kể cả già trẻ theo số kiểm tra trong tháng 2 năm 1964, là 359.056 người gồm có 276.307 người Việt Nam, 68.062 người Việt gốc Miên, 22.050 người Việt gốc Hoa và 5 người ngoại quốc tạm trú. Tỉnh lỵ Rạch Giá được thành lập hơn 150 năm nay, do người Hoa kiều tạo nên. Tổng số người Việt gốc Miên trong tỉnh cũng quan trọng như ở các tỉnh miền Tây, nhất là số người ở giáp giới Cao Miên trong quận Hà Tiên. Người Việt gốc Miên có hai tổ chức riêng biệt trong đời sống của họ như về mặt Tôn giáo có Hội đồng kỷ luật Sư Sãi và mặt xã hội có Ban Quản trị Cư Sĩ đề trông nom lẫn nhau. Đây là những tổ chức đã có từ thời

Pháp thuộc, lúc họ còn được liên lạc với Cao Miên mà Chánh phủ Việt Nam Cộng hòa hiện nay vẫn phải tiếp xúc với họ qua các tổ chức ấy trong những chiến dịch vận động, tuyên truyền. Nhưng riêng ở tỉnh Kiên Giang, Ban Quản trị Cư Sĩ Việt gốc Miên thành lập ngay trước đã ngưng hoạt động rất lâu dưới thời Đệ nhất cộng hòa, chỉ có Hội đồng kỷ luật Sư Sãi làm cơ quan liên lạc giữa chánh quyền địa phương và các giới người Việt gốc Miên. Mãi đến năm 1967 các vị nhân sĩ, thân hào Việt gốc Miên mới thành lập Ban quản trị mới.

Những điểm nổi bật nhất của Rạch Giá

Ngoài sự sinh hoạt không khác các tỉnh toàn quốc, Rạch Giá còn có một vài điểm đáng ghi trên vài phương diện mà ta có thể cho là nổi bật nhất.

Về ngành tài nguyên, cũng khai thác ruộng, vườn, sông biển thu hoạch tất cả lợi tức

thiên nhiên như lúa gạo, ngũ cốc, cây ăn trái, cây kỹ nghệ, cá, hải sản v.v.. Tại chợ Rạch Giá có hai nhà bán cá, một nhà bán cá sông, một nhà bán cá biển chứng tỏ đồng bào thu lợi cả hai mặt. Cá sông, cá đồng thì đủ bán trong tỉnh, làm khô, làm mắm, còn cá biển thì xuất cảng sang Tân gia Ba, Mã Lai. Theo đà tiến, hiện thời ngư phủ dùng ghe gắp máy, dụng cụ tân thời để đánh cá ngoài khơi được nhiều hơn và nhanh chóng hơn.

Trước đây, người Pháp có lập đồn điền cao su ở Phú Quốc vào năm 1940, ở vùng núi Khu Tượng, núi Ông Lãng, rải rác trên các đảo như vùng cửa Cạn, Suối Mây, Cửa Lấp, Suối đá, xóm Kè, Dương Đông. Núi Tượng và tại các triền đồi vùng Hà Tiên, nhưng vì tình hình khói lửa mà phải bỏ dở đến ngày nay.

Cũng tại đảo Phú Quốc về phía Nam người Pháp có trồng dừa trên 190 mẫu tây và ở Bãi

Vòng trên 40 mẫu, nhưng đồng chịu chung số phận với Cao Su. Hiện thời tại cù lao Tắc Cậu thuộc quận Kiên Thành ngành trồng dừa được phát triển mạnh mẽ trên một diện tích 90 mẫu. Dừa nẩy nở rất tốt, huê lợi dồi dào.

Nguồn lợi về tiêu cũng khá quan trọng. Ở Hà Tiên có 10 mẫu, ở đảo Phú Quốc có 140 mẫu, hàng năm thu hoạch lối 300 tấn tiêu hột.

Kể đến là khóm. Khóm trồng nhiều nhất ở cù lao Tắc Cậu, quận Kiên Thành và ở vùng U Minh Thượng, quận Hiếu Lễ. Tổng số sản xuất hàng năm trên 5 000 tấn, có khi tại địa phương đồng bào tiêu thụ không kịp phải bán rất rẻ (5đ một giỏ cần xé!) hoặc thắng nước màu để dành... kho cá! Nếu tại Rạch Giá có một nhà máy vỏ hộp khóm như ở Mã Lai thì nguồn lợi trong tỉnh sẽ tăng nhiều thêm.

Nổi bật lên hết là huyện thạch và đồi mồi, tài nguyên không tỉnh nào có. Huyện là một chất than tính khiết, chắc, rắn, màu đen mượt và nhẹ, ở giữa núi Chúa và núi Hàm rỗng phía Bắc đảo

Phú Quốc. Huyện dùng làm vòng đeo tay, bông tai, cà rá, mặt giày chuyên, chuỗi hột, tràng hạt, tượng Phật nhỏ để đeo, ống điếu, cán viết, dao rọc giấy.

Đồi mồi là một giống rùa, mai khum có 13 miếng vảy dày có nhiều đốm trắng vàng hay đỏ hoặc xám đen, sống từng đàn dọc theo các hòn đảo gần bãi biển ngoài khơi quận Hà Tiên. Vây đồi mồi dùng làm các đồ trang sức như: quạt, hộp thuốc, hộp phấn, vòng tay, cà rá, lược móng đờn, muỗng nĩa. Người ta cũng làm đồi mồi nguyên con để treo chơi bằng cách khoét lấy hết ruột gan, dồn gòn vào.

Trên phương diện xã hội, Rạch Giá đã tiếp nhận hai nhóm người đến định cư, một là đồng bào miền Bắc vào ở Cái Sắn, hai là Việt Kiều ở Cao Miên về ở U Minh. Đồng bào Cái Sắn được hưởng mọi điều sung sướng từ ngày thành lập khu định điền (1955) đến ngày nay. Trái lại Việt Kiều hồi hương vào đầu năm 1957 phải chịu vất vả vì làm ăn thất bại tại xã Tân Bằng đến nỗi phải bỏ đi Thổ Sơn (Kiên Giang), Năng Gù (An Giang), Trăm Chim (Kiến Phong) Đất Hứa (Hà Tiên), Gia Kiệm (Long Khánh).

NHẬT KÝ CHIẾN SĨ



I.—Từ chuyện con cá mồi...

● NGỌC-TUYEN
KBC 4277

N NGÀY xưa, mỗi lần biển được mùa, mẹ tôi thường đi mua từng mớ cá mồi để dùng bữa. Không phải là món ăn chính của gia đình, nhưng vì nhà tôi hơi nghèo, nên những thứ cá thu, cá ngừ, cá đối ít đến viếng thăm hơn nó. Tuy đơn sơ, mộc mạc,

mẹ tôi vẫn làm cho tôi thêm con cá mồi lắm.

Đưa từ chợ về, bà đem từng chú đặt lên thớt, cắt bỏ đầu xương xương của nó rồi đánh vảy sạch sẽ, đoạn mổ bụng loại bỏ cái bao tử đen đen và cắt chiếc đuôi chữ V đi. Rửa cá sạch

sẽ, để ráo. Bà kho khô nó và không quên rắc đều một lớp bột nghệ vàng sau khi đã nêm mắm vừa đủ mặn. Ngồi cách bếp một bức phen tre, tôi đánh mùi thơm của nó để nghe chiếc bao tử rạo rục.

Từ miếng cơm một dĩa một miếng cá mỗi vàng chái, tôi dùng bữa một cách thoải mái. Chính bữa ăn có món cá quen thuộc đó, tôi đã làm hao hụt thêm ngân quỹ gia đình một chén cơm. Nhìn tôi ăn ngon lành, chắc mẹ tôi sung sướng lắm.

Rồi mỗi lúc bà đi vắng, chị tôi thay vì kho, đem chú cá mỗi đặt lên mớ than hồng. Nước cá rỉ giọt xèo xèo và lớp vảy ngoài bắt đầu đổi sang màu than ngүй. Bây giờ tôi không giấu được vẻ thèm thuồng nữa. Nước hột tuông ra âm ỉ, dai dẳng. Tôi nhẹ nhẹ, kiên trì nuốt vào nhưng rồi không bao giờ dứt được. Cho đến khi chú cá chín đều, chị bóc vỏ ngoài, chú cá mỗi lại trắng trẻo và bốc mùi thơm phức. Ôi háo hức tôi cùng màu trắng của

thịt cá mỗi. (Bây giờ, nhiều lúc tôi đã đổi chiều ước muốn qua những hình thức khác, chẳng hạn như nhìn cái nồn nà, trắng bóng của vật thể sống động, duyên dáng chúng ta khao khát nhiều hơn phải không các bạn). Nhưng thuở ấy, với mớ tuổi lên tám, tôi chỉ ưa thích một cách giản dị, thực tiễn như thế thôi. Kèm với ít muối tiêu, chị đã cho tôi một món khoái khẩu nhất trong khoảng ngày thơ ấu.

Theo thời gian lớn lên, tôi đi vào những cuộc sinh hoạt của xã hội và băng quên đi cái thú nhấm cá mỗi của mẹ và chị bạn phát.

Vào năm theo học chương trình đệ Nhị dăm của một hội Văn hóa Bồ tức, qua cái «gout» ăn chơi của Tần Đà trong sách vở, cái dư vị cá mỗi ngày ấy sống lại trọn vẹn trong tâm thức tôi. Tôi khao khát, thèm muốn như nguồn văn chương hào hoa của chàng thi sĩ họ Nguyễn nhưng nào toại nguyện được vì tôi đâu còn gần mẹ, chị tôi như trước kia để thưởng thức nó.

Giờ đây, vào Quân trường, một bà mẹ thứ hai lại nuôi tôi bằng món cá hiền lành ấy.

Tuy không được kho nghệ hoặc gói ghém bằng hạt muối tiêu nhưng thay vào đó, mấy chú mỗi được chiên với bột giòn và có gia vị ít mới tôi. Có điều là ở đây, chú lớn, chú bé, mọi chú đều còn đầy đủ cả đầu lẫn đuôi. Món chiếc đuôi bỏ xuống bàn, tôi liền tưởng đến những câu đùa của các bạn hữu :

— «Ê, mày, sau chín tuần rồi mày có được chiếc đuôi mỗi trắng hay chỉ là một cánh gà chiên bơ!»

Đúng lắm các bạn ạ! Nếu mở thêm khẩu giác, chiếc đuôi này có hình thù cấp hiệu mà mai đây khi tốt nghiệp, các bạn được gắn vào vai áo Chữ V «đuôi cá mỗi» được rút gọn từ tiếng «Victoire» hay «Victory», mang nó thì vinh dự lắm đấy chứ phải không các bạn?

Ăn món cá ở quân trường Đồng Đế này, vị giác tôi có thấy

khác xưa nhưng những kỷ niệm cũ đã đánh thức tôi lòng nhớ thương mẹ và chị. Và vì thế mà tôi ăn cơm tại nhà bàn rất ngon trong bữa có nó.

Để kết thúc, tôi xin nhại lại lời xưa rằng : «Phi cá đổi bất thành Trung-sĩ» để chúc các bạn một bữa cơm ngon tại nhà bàn nhé!

... đến chuyện linh ngủ trong giảng đường

Một đứa bé ngủ vô tư trong chiếc nôi xinh xinh. Nhìn giấc ngủ ấy ta thêm thuồng vô kể.

Một cụ già ngủ diêm tĩnh trên đi-văng, tiếng ngáy đều đều, nhịp nhàng khiến ta mơ ước một lần thực hiện.

Chàng thanh niên kia, sau khi hoàn thành một tác phẩm văn chương, ngã lưng trên ghế bố, thông thả đi vào giấc ngủ êm để đã giấc, chàng ta sẽ tiếp tục nặn ra thêm một đứa con tinh thần.

Hãy xem người đẹp kia đang

thả hồn tha thuật vào cơn mộng sau một chiều bát phở thơ mộng với người yêu. Thoải mái lắm. Đôi môi mọng đỏ thỏa mãn áp yêu. Bộ ngực căng tròn thư thả đếm nhịp. Thoáng nhìn cái dáng điệu ấy đẹp và ngon biết mấy!

Trong một lớp học cấp Tiểu. ta hãy quan sát một nam sinh 11 tuổi ngủ gà ngủ gật trên bàn. Ông thầy vung tay múa chân để cổ diễn tả đúng điệu bộ một viên đồng tướng trước ba quân trong bài tập đọc. Mặc kệ lời ra lời vào, thẳng nhỏ chả nghe cái gì, cứ lặp đi lặp lại hoài cái gục gặc đầu của vị tướng soái kia đang cưỡi ngựa!

Nhưng không đáng trách. Nó cần giấc ngủ đề lớn, đề thẳng bằng hóa cơ thể sau những giờ dài dằng dặc học tập mà ông thầy kia quên đi cái phần tâm-sinh-lý trẻ đã kéo dài sự căng thẳng trí não đối tượng.

Hướng vào giảng đường Quân đội ta khám phá được gì? Phải chăng là trạng thái mê ngủ của một số binh sĩ trong những giờ

học tập lý thuyết. Bài thuyết trình của Huấn luyện viên hấp dẫn hay không trở kệ, các cậu đã tán thưởng và gật đầu đồng ý lia lịa. Thế cho nên trong hàng ngũ lính mới đặt bày ra năm cách ngủ: ngủ đứng, ngủ đi, ngủ ngồi, ngủ nằm và chót hết là ngủ nơi thính phòng. Rồi mỗi cách ngủ được anh em khai thác triệt để.

Giờ sinh hoạt Đại đội, ai sinh hoạt mặc ai, chàng ngủ im lìm như bức tượng bán thân trong cái nhấp nhem của bóng tối. Buổi sáng chào cờ, ngay trong hàng ngũ, khóa - sinh trưởng hô: "nghiêm", hàng hàng lớp lớp im phăng phắc thì một khẩu súng rơi xuống đất. Chú lính cúi xuống nhặt, mặt đỏ bừng hổ thẹn vì chót ngủ tại hàng.

Thuật ngủ trang đem áp dụng vào đây mới thật tài tình. Ngay nơi bàn đầu giảng đường, anh lính thôi miên huấn luyện viên đến nỗi cặp mắt thao láo nhìn mà hồn thì vút mây xanh! Cũng có những kẻ chép bài nhưng đây là một lối chép bài

bịp. Nếu tinh ý xem sổ tay của họ thì chỉ thấy những trang chữ trắng hoặc giả có thì toàn là lối chữ Mã-lai, Cam-bốt! Với lối chữ kỳ cục của một kẻ viết trong giấc ngủ, đây những nét nguệch ngoạc, kéo dài lãn tãn, bất tiện như thế ấy thì có Thánh mà đọc!

Một quân nhân khác mưu lược hơn, chống đôi bàn tay dưới cằm nâng hai gò má lên ra chiều chăm chú lắm nhưng thực tế đã ngủ từ khuya rồi mà vẫn không làm động tác khấn vái vì nhờ có đôi càng chống đỡ hữu hiệu.

Các cách ngủ kia đã bị đưa ra ánh sáng. Huấn-luyện viên có đủ biện pháp sửa trị. Từ những cú hít đất, nhảy xồm thông thường đến những thế bỗng đại liên, súng cỡi đứng chào 15 hay 20 phút vừa khô: hải vừa tuông mồ hôi hột. Lại còn một lối phạt đọc đáo nữa: khóa sinh ngủ tái phạm được cho nằm ngửa phơi nắng nửa giờ. Ấy thế mà có những chàng vẫn ngủ tỉnh bơ. Họ ngủ như trẻ con. Họ ngủ dễ dàng như bắt cần phương tiện.

Sau đó những phương thức chống cơn bệnh ngủ được khóa sinh tung ra dưới những nhãn hiệu ngoạn mục, Tân binh A dặn tân binh B:

— Hễ mỗi lần tau ngủ là mày lấy mũi giấy húc mạnh vào ống chân đi!

Một con bệnh khác nờ đồng bọn thúc cùi chỏ vào hông mình. Có lẽ cách ngủ của rung úy Hải là thần diệu và bay bướm hơn cả các bạn ạ. Những đêm đi chuyển liên miên, ông ta đã vừa đi vừa ngủ ngon lành. Để đỡ những chướng ngại vật như bụi cây hoặc mũi súng của người đi trước, Trung úy đã dùng cánh tay nâng cao ngang tầm mắt. Thế là đủ hạ chữ binh an. Vậy các bạn áp dụng thử coi:

TELMIN

TRỊ CÁC LOẠI LÃI

THƠM * NGON * NGỌT

Vài ông bạn tôi thì hồi lộ cặp mắt bằng hai ly cà phê đen của cô bé bán hàng trước buổi học. Với tôi, kỷ niệm bằng ít giọt nhệ thiên đường lên mí mắt là đủ.

Hình như ông thần ngủ đã đến sẵn ở các cửa giảng đường để đưa các khóa sinh vào giấc ngủ ngay trong các giờ học. Vì vậy dù có dùng trăm ngàn chiến thuật chống đánh, bệnh ngủ vẫn

lai rai xuất hiện và có mỗi leo thang như gạo, đường hiện hữu.

Trong khi viết mấy dòng nhật ký này thì chung quanh tôi, đằng trước phía sau, đầy những vẻ mặt bơ phờ, ngái ngủ. Chắc là họ thêm ngủ hơn cả người lính đồn xa thêm yêu.

Và đôi mi tôi cũng bắt đầu đồng loa, nặng dần...



II.— Dầu vệt

★ NGUYỄN-TẤN-LỘC
KBC 4744

ĐỨNG trên đỉnh đồi Hoài đưa ống dòm lên ngang mắt quan sát một lát đoạn đường sang cho Tường và giờ tầm bắn đã cầm nơi tay rồi bảo bạn :

— Được rồi, cánh quân của mày đến án ngữ tại điểm F này đây chờ tao lúc 20.30 giờ : nhớ là đừng cho lộ mục tiêu nhé, bây giờ là 18,20 giờ.

— Vâng, nhưng sao ? mày có định gọi về hậu cứ xin tiếp viện thêm không ? tao thấy mệt đó, làm sao Đại đội mình mà chống cự nổi cả một Tiểu đoàn chính qui của chúng được chứ ?

— Mày lại cứ vậy — chưa chi đã nghĩ đến chuyện thất bại rồi, mình cứ tin tưởng nơi tinh thần chiến đấu dũng cảm của binh sĩ đại đội đi chứ ; vả lại tuy chúng

quân số gấp 3 lần hơn nhưng chúng là bọn chính qui ngoài Bắc mới xâm nhập vào, đường đi nước bước chưa được thành thạo, tinh thần bị xao động và mệt mỏi cũng như vũ khí thô sơ mấy thấy chưa ?

— Nhưng thiết nghĩ mày cũng hơi liều đó.

— Đúng vậy, nhưng mình tin là bọn mình sẽ thắng.

Tường đứng lên lấy lại đồng hồ tay cho đồng nhất đoạn ra lệnh cho thuộc hạ :

— Anh em chuẩn bị, súng cầm tay tư thế sẵn sàng tác chiến theo tôi.



Sau một đêm giao chiến xác địch nằm ngổn ngang ngoài bờ ruộng, dưới chân đồi. Cả một tiểu đoàn 296B của địch vừa xâm nhập bị tan rã hoàn toàn.

Ngồi trên tảng đá dưới hàng chè xanh. Hoài rút thuốc lá trao cho Tường :

— Đó bây giờ mày nghĩ tại

sao tao lại dăm liều đó không ?

— Trời mà biết, hay tại mày muốn mặc áo gỗ như thằng Bàng ở trận Ba Gia chứ gì.

— Nhưng dẫu có vậy cũng chả sao, đã chấp nhận làm lính rồi thì hy sinh tất cả mà. Nhưng thôi để tao kể cho mày nghe. Chuyện tình của tao không như chuyện tình của mày với con Hả dẫu, bởi mày gàn quá nó bỏ mày để đi lấy Mỹ cũng đáng.

Làng này là làng Bình Kỳ : ngày trước tao còn đi học ở Quảng Ngãi tao thường đi chơi với Giá về đây — quê của nó — Giá có đứa cháu gái tên Thuyền — đẹp lắm — nàng thường hay lánh mặt tao mỗi khi tao xuống quê để đi săn chồn.

Tao tưởng nàng không bao

MIDOL

TRỊ CÁC CHỨNG
ĐAU NHỨC, CẢM CỨM

giờ yêu hay để ý tao — Ngờ đâu lúc tao cho gia đình nàng hay là tao sắp đi nhập ngũ, nàng nghe được, từ đó tao bắt gặp nàng hay buồn. Dường như sự lệ không còn thắng nổi ý định muốn gặp tao, nên chiều hôm đó nàng đâm bạo hẹn gặp tao sau đám chè xanh này đây.

— Lần này thì Thuyền không muốn lánh tôi nữa chứ ?

Nàng không nói vì lệ, cái lệ của người con gái nơi thôn dã làm tao yêu say yêu đắm. Thế rồi tao trình diện nhập ngũ nàng thường viết thư gửi tao và báo tin là quê bị mất an ninh nên

phải cùng gia đình di tản về Tĩnh lý để ở.

Sau bảy tháng tao còn ở quân trường thì nhận được điện tín báo tin là nàng đã chết vì bị Việt Cộng pháo kích. Hôm đó tao không về được để nhìn thi thể nàng lần cuối — ân hận quá !

— Thế bây giờ tao đã hiểu lý do gì mà quyết định đánh chiếm lại làng này — chắc là để tìm lại một chút dư âm đã qua ?

— Vâng đúng hơn là để tìm lại dấu vết kỷ niệm nơi này.



III.— Nghèo

Cái nghiệp nhà binh phải chịu nghèo ?
Trốn nghèo nhưng nó mãi đeo theo,
Đồng lương tháng tháng tiêu không đủ
Vật giá ngày ngày vẫn cứ leo
Tiền hết vợ chồng ngồi ủ rũ
Quả không, con cái khóc leo-nheo
Nợ nhà nợ nước vai triu-triu,
Sáng nở ngoài sông lại véo-veo !

HUỲNH QUANG VINH

(Hội An)



Một Chiều Thương Nhớ

(Trao về xứ Huế)

Giãi mây trắng lững lờ buông khắp xứ,
Một chiều buồn nhớ lại những năm xưa
Thương nhớ những đêm trăng vờn đỉnh Ngự,
Những nụ cười tuyệt diễm giữa đêm mưa.

Thương nhớ những ngày qua,

Suối tóc huyền diễm lệ.

Những con đò rẽ mái chèo Đông Ba.

Những ánh mắt màu xanh

Buổi tan trường Đồng Khánh

Bờ Hương Giang nghe gió quện kinh thành.

Đáy bến đò Vĩ dạ

Tiếng trống cầm canh

Tình yêu thương ấp ủ chân thành

Đây tất cả một mảnh tình xứ Huế.

Đáy bến đò,

Tình quê,

Câu thơ,

Ước hẹn,

Một chiều buồn nghe gió nặng trĩu nhớ thương.

NGUYỄN-MẠU-LÂM

NGUYỄN-KHUYẾN

- Văn tế Đại úy Francis CARNIER
- Văn tế Toàn quyền Paul DOUMER

● ĐÔNG-TÙNG

NGUUYỄN-Khuyến (1835-1910) quê làng Yên-Đồ, tục gọi là làng Vả, huyện Bình-lục, tỉnh Hà-Nam (Bắc Việt). Sinh năm 1835, trong một gia đình khoa bảng. Nguyên tên là Nguyễn-lất-Thắng. Thi một khoa không đỗ, mới tự đổi là Nguyễn-Khuyến; *khuyến* có nghĩa là tự khuyến nhủ cố gắng học thêm và không nên chủ quan ngạo nghễ.

Năm 1864, thi đỗ *Giải nguyên* trường Hànội. Năm 1871, thi đỗ *Hội-nguyên* và *Đình-nguyên*, tức là «*TAM NGUYỄN*». Trong lịch-sử khoa trường rất ít người thi đỗ được như thế, nên ông được người đời tôn xưng là «*TAM NGUYỄN YÊN-ĐỒ*» (Người ở làng Yên-Đồ đậu ba cái đầu).

Thi văn của ông rất nhiều, những tác phẩm của ông hiện nay đã nằm trong Văn-học-sử, cho học-sinh và sinh-viên học tập.

Thơ văn của ông tuy rất nhẹ nhàng, bay-bướm, nhưng phần nhiều có đượm tính chất trào lộng, tuy rất kín đáo và nghiêm trang. Bởi vậy, có một số viết về Văn-học-sử Việt-Nam đã quy định văn ông thuộc văn trào-phúng.

Khi phân tích về tính chất trào phúng của các nhà văn trào phúng Việt-Nam, người ta viết:

«Tiếng cười của Cụ Tam nguyên Yên-Đồ là tiếng cười của một vị Giáo-sư khi thấy học trò có những cử chỉ buồn cười, rồi thấy giáo cười mỉm».

NGUYỄN KHUYẾN

Sau đây chúng tôi xin trích dẫn một số thơ văn của ông để chứng minh cho nhận xét ấy:

Bài văn tế Ngạc Nhi (Francis Garnier)

Sau khi đại Úy Pháp là Francis Garnier bị quân Cờ-den giết chết, tại Ô Cầu Giấy năm 1873, rồi vì việc ký hòa ước Việt-Pháp năm 1873, các quan ta tại Hà-Nội mới tổ chức cuộc lễ Truy điệu tên sĩ quan giặc rất linh đình. Quan Tổng đốc Hà-Nội là Trần đình Túc, một người nổi tiếng sợ Tây, cử Cụ Nguyễn Khuyến làm một bài văn tế. Là vị khoa bảng và nổi tiếng hay chữ nhất bấy giờ Cụ Tam-nguyên không thể không nghe lời. Vì đây là lệnh của triều đình.

Nhưng ta hãy nghe bài văn-tế của Cụ làm và đọc trước công chúng Việt Pháp ở Hà Nội, năm 1873:

Hỡi ôi:

Cái mắt ông xanh

Cái da ông đỏ
Cái tóc ông quăn
Cái mũi ông lõ
Đít ông cưỡi lừa
Miệng ông huýt chó.
Lưng ông đeo súng lục liền
Chân ông đi giày có mỏ,
Ông ở bên Tây
Ông sang bảo-hộ,
Ông đẹp Cờ đen
Ông yên con đỏ,
Nào ngờ: Nó bắt được Ông
Nó chặt mất sỏ
Cái đầu ông kia
Cái mình ông đó
Khốn khổ thân ông
Đù mẹ cha nó!

TÔI:

Vâng lệnh quan trên
Cúng ông một cỗ
Này chuốt một buồng
Nay rượ một hũ

ANACINE

TRỊ PHONG NGŨA
MỀ ĐAY, HO, SUYỀN

Này, xoi một mâm
Này, trứng một rổ
Ông có linh thiêng
Mời ông xoi hộ
Ăn uống no say
Năm yên một chỗ
Ới ông Ngạc-Nhi ơi!
Vội càng thêm khổ!

Bài văn quả là xuất sắc ý nghĩ
trao phúng phi thương, thiệt là
mía mai chua chát.

Bảo rằng tế nhưng nào khác
gọi Ngạc Nhi ra mà chửi. Nhất
là bảo «ăn no uống say» đề rồi,
năm yên một chỗ» thì thiệt là
uân độc biết bao nhiêu.

Văn tế quan Toàn quyền
Bôn-Be

Khi Toàn quyền Bôn Be (Paul
Bert) chết ở Hà Nội năm 1886,
thì cụ Tam nguyên đang tại thời,
Các quan Nam triều nhờ Cụ làm
bài văn tế ông quan thầy đầu
sở Pháp.

Bài văn tế này, người ta

tưởng đầu cũng sẽ có những
tiếng ô hô ? và những câu có
văn có điệu đối nhau chan chát.

Nhưng đến khi đọc lên, ta
chỉ là một bài thơ tập Kiều :

«Trời Tây đằng đằng bóng
vàng

«Thanh gươm yên ngựa lên
đường thẳng dong

«Ngoài ngàn dặm chốn ba
đồng

Bất bình nổi trận đùng
đùng sấm vang

«Bau giờ sự đã vẹn toàn

«Kể làm sao xiết muôn vàn
ái ân

«Khí thiêng khi đã về thần

«Hồn còn theo đám mây
Tần xa xa

«Cúi đầu quỳ trước sân hoa

REGAST. T

TRỊ CÁC CHỨNG ĐAU

BAO TỬ. Bào chế theo

công thức Hòa.Lan

«Thác là thế phách còn là
tinh anh... viết :

Bài thơ Tập Kiều này có ý
nói Bôn-Be từ bên Tây qua đây,
sắp đặt công việc binh định xong
thì chết, mà lại chết ở Đông-
ương theo người Đông phương
chết như thế là chết đường,
không về được xứ sở để thờ hơi
thờ cuối cùng.

Hai câu :

«Khí thiêng khi đã về thần

«Hồn thiêng theo đám mây
Tần xa xa.

Là tác giả dụng ý mỉa mai về cái
chuyện chết đường ấy.

Vào khoảng đầu triều Thành
Thái, Hoàng-Cao-Khai Kinh
lược Bắc kỳ có ý mời Cụ ra làm
quan lại. Nhưng cụ cố sức từ
chối cuối cùng chỉ nhận làm thầy
dạy học trong dinh của Khai.

Trước một cảnh tượng vong
quốc, nhân tâm thế đạo ngày một
suy đồi, một hôm Cụ cảm khái

«Thập niên hồi thủ độc sầu
du

«Thế sự nhân tình đại bất
như

«Đồng loại tương khan trúc
phước trúc

«Lợi danh vô yếm ngư thôn
ngư

«Thí quan kim nhật thù vi
ngạnh

«Sở dĩ tiền nhân dục phế
thư

«Kỷ ngữ thành môn tương
thức giả

«Phong trần mẫn lộ vị quy
du... ?

Bá

Nhân-Phủ dịch :

PENI-V 200.000 đv
400.000 đv
500.000 đv

Thuốc viên trụ sinh loại
mới PENICILLINE.V uống
dễ dàng mà công hiệu như
chích PENICILLINE - G

«Đen bạc lòng người cảm
thấy đau
«Riêng ta hậm hực những
âu sầu
«Giống nòi đối đại : tre ràng
lạt
«Danh lợi tranh nhau cá
nuốt nhau
«Nào kẻ đã mang ham giờ
quê
«Khiến người quăng sách
muốn vò nhau
«Nhấn nhẹ thành nội ai
tương thức :
«Tro bụi đầy đường bám
mãi sao ?

Sống đời sống một kẻ sĩ
thanh bạch mãi không thể tránh
khỏi cảnh thiếu hụt của gia đình.
Một lần nhà người có ý trách Cụ
tại sao không ra làm quan như
mọi người khác.

Cho nên Cụ đã mượn lời của
một người vợ kép hát chèo làm
ra bài :

Ưu Phụ Từ

«Đóng lân gia hữu ưu nhân
trú

«Dã bán ưu nhân ngữ ưu
phụ
«Ngã diệc thời thường tổ
hảo quan
«Như hà nhân giai bất ngã
cụ
«Ưu phụ đại nộ mạ kỳ phụ
«Nhi niên kỹ lão hà đại
ngu ?
«Hạnh tai hôn mộ nhân bất
thức,
«Nhân hoặc thức chi đi
thiếp tu,
«The gian kinh nhân dẫn
hữu nhị
«Nhất năng sinh nhân, nhất
năng tử
«Nhĩ kỹ bất năng sinh tử
nhân,
«Như hà nhân nhân giai cụ
nhĩ
«Tha đã nhĩ gia bản bản
hân,
«Chiêu tịch bài ưu cần nhất
sau
«Bài ưu quần tương thả bất
cụ
«Hà hưởng nhĩ vi bài ưu
quan.

Tác giả dịch ra quốc văn như
sau :

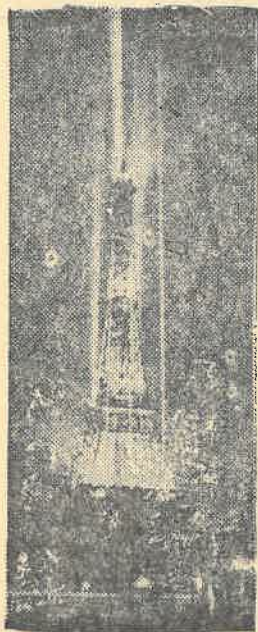
Xóm bên đồng có phường
chèo trọ.
Đương nửa đêm với vợ
chuyện trò :
Rằng : «Ta thường làm
quan to,
«Sao người coi chẳng ra trò
trống chi ?»
Vợ cả giận mắng đi mồng
lại :
«Tuổi đã già sau đại như
gì ?
«Đêm hôm người chẳng biết
chí,
«Người như biết đến, thiếp
thì hồ thay ?
«Đời có hai điều này nên
sơ :
«Sống chết người quyền ở
lại tuy.
«Thế mà chàng lại chẳng
hoy
«Còn ai sợ đến phường nầy
chẳng ?

«Vả chẳng vắng vắng những
túng kiết,
«Sớm hôm chèo, kiếm chắc
qua thì
«Vua chèo còn chẳng ra gì
«Hưởng hồ quan nhỏ khác
chí thằng hề»

Trong bài, ám-chỉ Hoàng-cai-
Khải, bằng câu đầu «Xóm bên
đồng có phường chèo trọ»:
Hoàng vốn người làng Đông-
thái Hà tích tiếng nói chợ chèo-
chèo trọ nói lái thành chợ-chèo-
Còn thì điều từ vua trở xuống,
không ai ra thế-thống gì vì thực
quyền sinh sát bấy giờ đã hoàn
toàn ở tay người Pháp.



• TRƯƠNG-THẾ-PHIÊU
Kỹ-sư E.S.M.E
Khảo sát viên máy hơi nước



PARIS

*dưới
mắt*

*một du khách
Việt-Nam*

(Tiếp theo P.T. số 229)

DIỆN BIÊN PHỦ

Từ 1954 đến nay, người Pháp thường nhắc-nhở đến danh-từ «Điện Biên Phủ». Ở Paris, tôi được nghe nhiều người Pháp trong khắp các giới bàn-tán về vụ này không ngớt. Nhân đó, tôi xin ghi lại những tài liệu lịch sử về trận đánh Điện Biên Phủ, theo những hồ sơ của Pháp.

SAU khi trở qua Đông-dương, tướng Navarre bắt đầu thi hành phần đầu kế hoạch Navarre là cải thiện các trận địa, gom các lực lượng lại.

Bất kỳ ở đâu, từ Ai-Lao đến Bắc Việt, tướng Navarre cũng đều chiến thắng. Vì vậy, tinh thần chiến đấu của quân đội Pháp vọt lên cao và chính phủ Laniel rất hài lòng như là về cuộc hành quân Mouette đã phá hoàn toàn sự dự tính của quân Việt Minh đánh vào đồng bằng Bắc Việt trong mùa thu năm 1953.

Nhưng trái lại tướng Navarre bất mãn chánh phủ Laniel hai việc :

— Chỉ gọi qua Đông-dương chín tiểu đoàn tiếp viện chứ

không phải 12 như đã hứa.

— Không cho chi thị rõ ràng về việc phòng thủ Ai-Lao.

Về điểm thứ nhì này không được minh bạch nên ngày 20-11-53 Tướng Navarre tự quyền hạ lệnh và gọi cho Bộ trưởng các Quốc gia liên kết hồi 16g15 một công điện mật như vầy :

« Sư đoàn Việt Minh 316 tiến lên phía Tây Bắc, sẽ đe dọa nặng nề Lai châu nghĩa là, trong một thời gian ngắn, sẽ phá tan bưng biền miền thượng du của ta. Tôi đã mở một cuộc hành quân ở Điện Biên Phủ với mục đích là che chở Luang Prabang và ngăn cản không cho sư đoàn ấy dùng Điện Biên Phủ làm căn cứ quân sự để đánh ta. Hai tiểu đoàn đã nhảy dù xuống đó hồi 10g30, một tiểu đoàn nữa hồi 15g...»

Điện Biên Phủ ở giữa rừng rậm cách Hà Nội trên 300 km, gần căn cứ Việt Minh hơn là căn cứ Pháp và không có đường giao thông với bên ngoài. Nó là một thung lũng có mép mềm mông rộng lớn bao bọc chung quanh nên, theo ý kiến các chuyên viên quân sự, nó khó bị đại bác Việt Minh đe dọa được. Nó lại có một sân bay tốt nhất ở miền Tây Bắc do người Nhật kiến tạo trong lúc chiếm Đông-dương, nên máy bay có thể oanh tạc và phá hủy phía hậu Việt Minh trong trường hợp họ tấn công Ai-Lao hoặc đồng bằng Bắc-Việt.

Nhận được công điện mật, chính phủ Laniel không quan tâm mấy đến cuộc hành quân ở Điện Biên Phủ vì tưởng rằng cuộc hành quân ấy cũng giống như các cuộc hành quân khác. Và lại, theo ông Laniel thì chính phủ đề tướng Navarre ở tại chỗ định đoạt mọi vấn đề quân sự.

Nào, đề đầu đến ngày 28-11-53, tướng Navarre lại được Đệ

nhị văn phòng cho hay rằng phần đông quân tác chiến Việt Minh rời đồng bằng Bắc-Việt, tiến về phía Tây Bắc và, như vậy, sẽ có tấn công mãnh liệt Ai-Lao.

Cuộc di chuyển quân đội Việt Minh làm cho Navarre bối rối không được, giữa nghề tướng, nên ngày 3-12-53, ông quyết định quân đội Pháp ở lại Điện Biên Phủ và dùng nơi này để :

— Giao chiến với Việt-Minh ở miền Tây Bắc,

— Cầm chân nhiều sư đoàn địch quân.

— Cắt đứt sự giao thông giữa Việt Minh và Trung Cộng.

— Che chở Ai-Lao và đồng bằng Bắc-Việt.

Điện Biên Phủ trở nên náo nhiệt phi thường. Mỗi ngày máy bay ở ạt chờ tới đó đại bác, xe thiết giáp, dây kèm gai v.v..., và người ta lo xây đồn, đắp lũy suốt ngày đêm. Những tiểu đoàn báo chiến và tinh nhuệ nhất của quân đội viễn chinh được gửi đến đó

để phòng thủ và giao chiến.

Cuối tháng 12 năm 1953, tướng Navarre được tin rằng Việt-Minh gửi thêm ba sư đoàn lên miền Tây Bắc, viện trợ Trung Cộng được tăng cường, và các đường giao thông đều được chỉnh đốn. Ấy là những dấu hiệu của một cuộc đại tấn công. Tướng Navarre đâm ra lo âu, lật đật gửi về Paris công văn đề ngày 1-1-54 xin tiếp viện gấp máy bay.

Mặc dầu đã có thủy sư đô đốc Carabinier đi công cán ở Đông-dương, ông Pleven, Tổng trưởng Bộ quốc phòng, cũng không yên lòng, quyết định đích thân qua Viễn đông để cứu xét tình hình quân sự tại chỗ. Nhưng, trước khi đáp máy bay, Ông Pleven lại được tin rằng một sư đoàn và một trung đoàn Việt-Minh đang tiến mau về hướng Luang Prabang Ông Pleven liền nán ở lại Paris, yêu cầu Ủy ban quốc phòng nhóm gấp đề cho chỉ thị rõ ràng rằng ông có đủ quyền hành quyết định ở Đông-dương.

Ủy ban nhóm vào ngày 6-2-54. Thống chế Juin nói tình hình quân sự ở Đông-dương không được khả quan mấy và nhấn mạnh rằng cần phải bảo toàn quân đội viễn chinh Ông Laniel hỏi : « Còn có thể nào rút ra khỏi Điện Biên Phủ được không ? » Thống chế đáp : « còn có thể được... »

Ông Pleven lưu trú ở Đông-dương trên một 15 ngày và có đến Điện Biên Phủ bằng máy bay. Ông có hỏi ý kiến Navarre về Điện Biên Phủ thì tướng này trả lời rằng Việt-Minh đã muốn tấn công nơi đó nhưng đã bỏ ý định, và Điện Biên Phủ còn được phòng thủ kiên cố hơn là Na-San nữa...

Sau khi trở về Pháp, Ông Pleven trao cho Ông Laniel tờ báo cáo của đại tướng Ely trong đó, chiếu theo ý kiến của tất cả các giám viên quân sự, Ely viết rằng Điện Biên Phủ là một yếu địa rất vững chắc ; nếu muốn tấn công nó, cần phải có nhiều phương tiện lớn lao nhưng chưa

chắc được thành công.

Trong phiên nhóm Ủy ban quốc phòng ngày 11-3-54. Ông Pleven tuyên bố rằng ông nhận thấy quân đội viễn chinh bị «suy mòn» và ông không chia mấy sự lạc quan của các nhà chỉ huy quân sự mà ông đã gặp ở Đông-dương.

Thật vậy, thuở đó, tất cả các tướng tá ở Đông-dương đều chắc thắng ở Điện Biên Phủ, Nhứt là đại tá de Castries. Cách vài ngày trước cuộc tấn công của quân đội Việt-Minh, tướng Navarre đề nghị gọi thêm tiểu đoàn lên Điện Biên Phủ, đại tá de Castries đáp rằng «Ấy là vô ích, sẽ khó khăn, nhưng chúng tôi sẽ giữ vững».

Vào tháng ba năm 1954, Việt-Minh xiết chặt vòng vây Điện Biên Phủ với một lực lượng gồm 27 tiểu đoàn (1) 20 đại bác 105, 18 đại bác 75, 100 lòng cao xạ 12, 7, 16 lòng cao xạ 37, và đương đợi một trung đoàn có lối chừng 64 lòng cao xạ 37. Ngoài số đạn được tích trữ, đạn được

Việt-Minh lại được tiếp tế mỗi ngày thêm năm chục tấn đạn được do ngã Sơn-la ở giữa Yên-báy và Tuần-giao.

Đúng như sự tiên đoán của tướng Navarre, đêm 13-4-54 Việt-Minh tấn công Béatrice, và đồn này bị chiếm mau lẹ. Đêm sau, Gabrielle thất thủ...

Hai bên giao chiến với nhau trong năm mươi bảy ngày. Đến 2 giờ sáng ngày 8 tháng 5. Hànội hết tiếp được vô-tuyến điện-tín của Isabelle, đồn chốt của Điện Biên Phủ.

Thủ tướng Laniel ước định có ít nhất hai chục ngàn chiến sĩ Việt-Minh tử trận và bị thương, còn Pháp thì tổn thất năm tiểu đoàn, hai tiểu đội pháo binh (2 groupes d'artillerie), một chi đội xe thiết giáp (escadron de chars).

Đến ngày đình chiến, lực lượng đôi bên là :

(1) Theo Ngoại trưởng Eden : 40.000 người,

Pháp

561.000 người
1.100 đại bác 105 và 150.
300 thiết giáp
Trên 650 chiếc máy bay

Dưới đây là vài nguyên nhân làm thất thủ Điện Biên Phủ :

1) — Đánh với Việt-Minh mà lại không rõ lực lượng họ.

2) — Hỏa lực đại bác Việt-Minh quá mạnh, nhứt là từ trên triền núi bắn xuống, làm kinh ngạc những người phòng thủ Béatrice, Gabrielle và Anne Marie. Sự kinh ngạc ấy làm giảm tinh thần chiến đấu nên ba đồn ấy bị mất ngay sau ba cuộc tấn công Việt Minh.

3) — Người ta đặt thiếu tướng de Castries không đúng chỗ chuyên môn của ông vì ông là một sĩ quan xuất thân trường kỵ binh. Nếu ông là một sĩ quan lục quân hoặc pháo thủ, chắc hẳn ông sắp đặt sự tổ chức và sự phòng thủ Điện Biên Phủ khác hơn ông đã làm thì sự giao

Việt-Minh

Không biết.
150 đại bác 105 và 150.
không có
không có

chiến có thể thay chiều đôi hướng một cách thuận lợi cho Pháp.

4) — Tướng Navarre bị dụ vào một địa thế hạp và lợi cho chiến thuật Việt-Minh.

5) — Tướng Navarre biết trước ngày tấn công của Việt-Minh, lại vắng mặt ở Hànội. Nếu ông có mặt ở đó, ông có thể lập tức áp dụng nhiều biện pháp quân sự rất hiệu lực để chặn đứng cuộc tấn công của Việt-Minh như gọi liền viện binh lên Điện Biên Phủ hoặc ra lệnh phản công lập tức và mãnh liệt sau đêm mất Béatrice.

Tóm tắt, nguyên nhân của sự thất thủ Điện Biên Phủ là do sự dùng người thiếu kinh nghiệm, hoặc không đúng chỗ chuyên môn mà ra.

(Còn 1 kỳ nữa)

Chiếc «tàu lướt» HOVERCRAFT

● CHU-MINH-THUY

Kể từ ngày 2 tháng 4 năm nay, một loại «tàu lướt» đặc biệt chở khách từ hải cảng Calais của Pháp qua Ramsgate của Anh với tốc độ trung bình 230 cây số một giờ. Với loại tàu chạy lẹ nhưэт, cuộc hành trình cũng mất 60 phút, nhưng với chiếc «*hovercraft*», thời gian vượt eo biển chỉ còn có 25 phút mà thôi. Đó là một loại «tàu bay» dùng chong chóng, nhưng xê dịch chỉ cách mặt nước vài tấc, và chở được 300 hành khách cùng 50 xe hơi.

Người phát minh ra loại «tàu bay» đó là một kỹ sư người Anh, tên Christopher S. Cockerell. Có lẽ trong vài năm nữa, các loại xe và tàu đều áp dụng nguyên tắc mạnh này để thay thế cho bánh xe và chum vịt.

Trong thế chiến thứ 2, Cockerell là một trong những người có

công hoàn thành chiếc máy Radar. Chiến tranh kết liễu, ông làm việc trong một hãng lớn với tánh cách kỹ sư điện tử. Năm 1950 ông xin nghỉ việc, ra làm chủ một xưởng nhỏ nhỏ, chuyên đóng và sửa chữa tàu du lịch. Ông nhận thấy là, các loại ghe tàu tốn quá nhiều năng lượng để xê dịch vì gặp phải sức cản của nước. Trên bộ, xe hơi nhờ có bánh xe nên tránh được trở ngại đó, nhưng bánh xe không sử dụng được trên nước. Nhiều kỹ sư đã nghĩ ra cách giải quyết trở ngại đó bằng cách gắn dưới lườn những bộ phận giống như của chiếc «ski» trượt tuyết. Đó là chiếc «*hydroglisseur*» (tàu lướt nước). Nhưng nó có một khuyết điểm: hễ gặp sóng, thì chiếc «*hydroglisseur*» phải bớt tốc lực lại. Cockerell tìm coi có loại nhớt nào có thể giúp chiếc tàu luôn luôn lướt trên mặt nước một cách

CHIẾC TÀU LƯỢT

đề dăng. Lần lần ông nghĩ tới việc sử dụng không khí. Ông bèn thí nghiệm: Trong khi chong chóng của chiếc *xà lúp* quay, ông cho bộ phận thổi hơi hoạt động, thổi không khí ra phía dưới lườn theo một lỗ vừa mở. Chiếc tàu tiến mau và như được đỡ bổng cách mặt nước vài ly, nhưng lại trông chừng khiến Cockerell đành bỏ dở và quyết định tiếp tục thí nghiệm trên bộ vì ông biết bơi rất kém.

Ông gắn chiếc máy sấy tóc của bà vợ vào một cái hộp thiếc và thí nghiệm. Sau nhiều sửa chữa Cockerell cảm thấy thỏa mãn, bèn mua một động cơ thu nhỏ cùng một máy thổi hơi tí xíu. Vài ngày sau, Cockerell hoàn thành và cho chạy thử. Chiếc xe lướt lơ lửng cách mặt cỡ độ vài phân. Bà vợ ngạc nhiên, kêu lên:

— Ý, nó bay! (But..., it hovers!)

Do đó, Cockerell đặt tên cho chiếc xe là *hovercraft* (có nghĩa

là chiếc «máy bay»)

Cockerell đem chiếc xe đi trình bày cho các hãng đóng máy bay, tàu và xe hơi, nhưng không đâu chịu nhận sản xuất để bán. Ngược lại, bộ quốc phòng Anh, sau khi xem xét chiếc xe, liền giữ nó lại vì lán chất lợi ích quân sự, nhưng không tìm cách khai thác mà cũng không hoàn trả.

Tháng 6 năm 1958, Cockerell nổi dóa, tới Bộ Quốc Phòng nhứt định đòi chiếc xe mẫu lại cho được. Tối hôm đó, ông đem nó về, và tiếp tục sửa chữa cho hoàn hảo.

Cuối năm đó, một cơ sở của chánh phủ có nhiệm vụ xem xét các phát minh mới lạ là *National Research and*

TELMIN

TRỊ CÁC LOẠI LÃI

THƠM * NGON * NGỌT

Development Corporation bắt đầu lưu ý tới chiếc «*hovercraft*». Hiệp hội đã dành một ngân khoản 3 triệu bảng Anh để Cockerell cùng các cộng sự viên tiếp tục làm các xe mẫu càng ngày càng lớn và thí nghiệm.

Đầu năm 1959, hãng Saunders-Roc, chuyên chế tạo loại *hydroglisseur* được chỉ định làm chiếc xe mẫu thiết sự đầu tiên.

Sau khi hoàn thành, chiếc «*hovercraft*» đó có bề dài 6 thước và bề ngang 5, mang tên SR-N1, chạy thử. Ngày 25 tháng 7 năm 1959, tức kỷ niệm 50 năm ngày Blériot lái máy bay vượt biển Manche, Cockerell quyết định cho chiếc *hovercraft* của mình làm một việc tương tự. Chiếc *hovercraft* chỉ có thể chở hai người: là viên phi công và viên tài công, nhưng Cockerell quyết định đi theo cho biết. Bị tắt máy giữa đường, nhưng họ cũng tới nơi và trở về bình yên.

Cùng với thời gian Cockerell

thí nghiệm. Ở Paris, một kỹ sư hàng không Pháp tên Jean Bertin làm một việc tương đương. Nhưng thay vì chú trọng tới thực nghiệm như Cockerell, thì Bertin sử dụng toán học hoàn thành chiếc «*naviplane*» (có nghĩa là «tàu bay» lý tưởng).

Bertin làm việc trong hãng SNECMA, một cơ sở công chuyên sản xuất động cơ phản lực, nên rành các vấn đề thuộc máy bay. Do đó, khi Cockerell vượt eo biển Manche thì Bertin cũng vẽ xong họa đồ chiếc «tàu bay» của mình. Nguyên tắc thổi hơi của Bertin khác với của Cockerell ở một điểm: trong khi Cockerell cho hơi chạy theo vòng tròn thì Bertin cho hơi xi ra từ nhiều lỗ nơi lườn.

Sau đó Bertin nghĩ ra nhiều loại tương tự hiện đang được áp dụng hoặc thí nghiệm: chiếc «*terreplane*» tức cam không có thể xê dịch trên bất cứ bề mặt nào; chiếc «*aérottrain*» tức xe lửa chạy trên đường rầy bằng bề tông có hình chữ I lật

ngược, với tốc độ 400 cây số một giờ.

Nhưng vì thiếu tài chánh, nước Pháp bị Anh qua mặt. Từ năm 1963, Anh quốc đã có chiếc «*hovercraft*» chở khách. Năm 1967, họ mở đường vượt eo biển Pas de Calais, với chiếc SR-N6 chở 48 hành khách. Đoàn chiếc SR-N4 chở đến 300 hành khách bắt đầu lướt sóng kể từ tháng tư năm nay.

Nước Pháp hiện đã rần chạy theo bằng cách sản xuất chiếc N.300 có thể chở khoảng 100 người, và chiếc N.500 có thể chở hơn 300. Nhiều nước khác, như

Nhật, Mỹ. Do Thái... đã mua bằng sáng chế của Pháp. Anh đã chế tạo những loại tương tự.

Tuy hiện nay, nguyên tắc của «*hovercraft*» hoặc «*naviplane*» được coi như một cách mạng có ảnh hưởng nhiều tới tương lai, nhưng cha đẻ ra nó, là Christopher Cockerell vẫn không được hưởng gì nhiều ngoài vài số tiền do bằng sáng chế đem lại và tới tư cách cố vấn kỹ thuật của vài công ty. Âu cũng là số phận của phần đông vĩ nhân trên trái đất chúng ta...



THƯ LÂM ẤN THƯ QUÁN

231 - 233, Phạm-Ngũ-Lão — SAIGON

Điện-thoại : 25861

NHÀ IN — XUẤT BẢN — CUNG CẤP VẬT DỤNG VĂN PHÒNG
CÓ XƯỞNG MÁY CUNG CẤP PHỦ HIỆU, CỜ HIỆU ĐOÀN.
NHÂN CỖ AO (ÉTIQUETTES) MÀU ĐẸP, BỀN, KHÔNG PHAI
Gởi tiền thanh toán xin chuyển vào Trương-mục Bưu-điện

Saigon TQM 2 700 THƯ LÂM ẤN THƯ QUÁN



Sinh-hoạt văn-nghệ Bình-Định

TRÊN tạp chí Phổ Thông số 226, ra ngày 15. tháng 7 năm 69, trong tiết mục Sinh Khí Văn Nghệ Miền Nam, ô. Lương Trọng Minh ghi nhận « Văn-học — Nghệ-Thuật » ở « Qui Nhơn » đọc qua chúng ta lấy làm tiếc là quá khái quát đơn sơ, vả lại sự ghi nhận của tác giả mang phải tội một chiều, phiến diện, nếu không muốn nặng lời chỉ trích là đầy màu sắc thù

tác !

Ấy-hắn Lương-Trọng-Minh đã thấu rõ tường-tận bộ mặt văn-nghệ Bình-Định, để hỏi rằng có phải thật dồi-dào, đầy sắc-thái không ? — Đa-diện hay phiến diện đây ?

Lại một trường-hợp khác cũng thuộc về Lương-Trọng-Minh.

Trong tác phẩm Thi-Ca Miền

SINH KHÍ VĂN NGHỆ

Trung Việt-Nam (1) tác giả Lương-Trọng-Minh đã có nhiều cao-kỳ khi đặt nhan sách.

Qua nhan sách, chúng ta tưởng rằng sẽ được Lương-Trọng-Minh giới-thiệu những thi-ca mang đầy sắc-thái độc đáo tiêu-biểu cho miền Trung Việt-Nam (khác-biệt với miền Nam, miền Bắc) coi như một tuyển-tập thi-ca chủ-đề. Thế nhưng khi đọc xong sách, chúng ta thất vọng trong cảm niệm ấy.

Giá như Lương-Trọng-Minh để nhan-sách là « Những người làm thơ miền Trung Việt-Nam », coi có vẻ thích-hợp hơn nhiều, gây được phần nào giá-trị tin-tưởng cho giữa độc giả với nội-dung và nhan đề sách.

Nếu tác-giả ưa hách-si thì nhan-sách lại có thể dễ như vậy : « giới-thiệu thi-sĩ miền Trung-Việt-Nam » — Nếu trái lại, ưa khiêm-nhường nhũn-nhận thì để « Tuyển-tập, nhận-định thi-ca của... », hoặc « Hương-sắc... (hay) Những hàng châu-ngọc(...) tôi quan biết » — (vốn dĩ sự thật

trong tác phẩm TCMTVN hiện-diện gồm những người làm thơ ở Đà Nẵng, Qui-Nhơn là hai địa-vực tác-giả sinh-trưởng và sinh-sống)

Sở-dĩ chúng-tôi moi-móc, nhắc đến, « Thi-Ca Miền Trung Việt-Nam » của Lương-Trọng-Minh không gì hơn là đọc trong ấy chúng tôi bắt gặp khá nhiều khuôn-mặt Made in Bình-Định. Mà Bình-Định và chúng-tôi tuy hai hóa một, tuy một mà hai vậy đó. Chỉ có vậy thôi. Và mong độc-giả nên hiểu như vậy.



Được nhiều người ngợi-khen chúng ta phải kể đến Nước Non Bình-Bịnh của Quách-Tấn.

Riêng chúng tôi, thành-thật mà nói, sách không có gì khám-phá mới-mẽ tân-kỳ, sáng tạo khôi-tú — trên văn-đề sử-liệu. Nhưng tác-giả rất thành-công trên văn-đề thăng hoa nước non Bình-Định.

(1) Xuất-bản tại Quinhon năm 1968, do Cẩm-Sa Sơn-Châu.

Bằng ngòi bút linh-dộng hoạt-bát, tuyệt diệu và tâm-hồn thi-sĩ khoảng đạt, giàu t.ởng tượng, Quách-Tấn đã làm cho chúng tôi (những độc giả đã đọc NNBD chắc cũng vậy?) đọc sách biên khảo sử-địa NNBD thích-thú y như coi xem tiểu thuyết, truyện vậy, không uể-oải nhàm chán, không đau đầu nhức óc, thật mơ màng êm-ái dịu ngọt.

Núi non Bình-Định uy nghi hùng vĩ còn đó, tồn-tại trăm-triệu - ngàn năm về sau, ai muốn tra-khảo địa-chất thảo-hồ mà thí-nghiệm. Quách-Tấn không sa-lầy thông-lệ trong công tác ấy khi viết núi-non Bình-Định trong tác-phẩm vĩ-dại NNBD. Quách-Tấn đau con mắt của nhà địa-vy của nhà phong-thủy-thổ-địa mà nhìn mà mô-tả. Rồi mỗi một năm từ Nha-Trang về quê nhà Bình-Định, trên cùng một quả núi Bình-Định, Quách-Tấn lại có cái nhìn khác nhau, thay-đổi theo hoàn-cảnh lịch-sử thiên nhiên, và thế-cuộc, cùng cõi lòng nhân-sinh (đúng ra đích-thị là Quách-Tấn), thật là hay-ho đáo-đẽ, dễ gì sau này có một ai

làm được như vậy: — Chúng tôi quả-quyết tiên-đoán như vậy, thành-thật tỏ bày nỗi lòng cảm phục sát-đất.

Trong hoàn cảnh khó khăn hiện-tại của chúng-tôi — bận-rộn với quân-vụ, cũng như những hoạt-động Phật-Sự Tuyên-Úy — nên chưa có dịp nhờ vài cộng-rác-rեն trong khắp tác-phẩm NNBD của Quách-Tấn, để trình-lang với bà con độc-giả, mặc-dẫu hiện-tại chúng-tôi đã thấy nó mọc rải-rác lỗ-nhỏ khắp đó-dây, cũng như chúng-tôi chưa tiện nói ra tác-giả thiếu thành-thật sử-liệu (chứ không phải sử-liệu sai, xin nhấn mạnh như vậy) — Dẫu biết rằng Quách-Tấn nặng lòng với NNBD nhiều lắm — cho nên chúng-tôi thẳng-thắn phê-phán Quách-tấn chưa thành-công và có vẻ thấp ngà khi ông thực hiện NNBD.



Đến đây chắc có lẽ độc-giả đặt câu hỏi với chúng-tôi: Tại sao trong bài này chúng-tôi chỉ riêng đã-động đến Lương-trọng-Minh và Quách-Tấn?

Chúng-tôi xin thưa, thẳng-thắn minh-thị. Rằng «tại

vì một bên Xây-dựng và một bên Kiến-thiết nhưng thấy đều thất-bại, không thành-công, trong ý-nghĩa đích-thực của nó».

Chúng-tôi đang dự-định cho ra nội-san Bình-Định, sẽ dùng 74 Cường-Đề Qui-Nhơn làm địa-chỉ liên-lạc, tối-đa 2 tháng ra một số, mỗi một số mang lấy một chủ đề riêng-biệt, nhằm trình-bày triển-khai thực-chất sinh hoạt văn-hóa tâm-linh và vật-chất của con người Bình-Định, của nước non Bình-Định, từ miền xa xôi heo-lánh heo-hút, người ở lỗ, khí ho eò gáy, chó ăn đá gà ăn muối, đến chỗ thị-thành hoa mỹ, huyền-náo sầm-uất.

Có làm như vậy mới mong phổ-diễn trọn-vẹn tinh-hoa khả-ái của nước-non Bình-Định đến mức-độ cùng-tột, tận-cùng.

Có làm như vậy chúng-tôi mới hài lòng, và cho những ai nặng lòng với nước-non Bình-Định — nhất là chỉ riêng cho Quách-Tấn trước-đã!

Trước khi dứt bài này, chúng-tôi bèn ôn-nhớ lại một kỷ-niệm văn-ngệ giữa chúng-tôi và thị-

sĩ Quách-Tấn, xảy ra khoảng đầu năm 1966, khi chúng-tôi được Quách-Tấn cho xem bản-thảo NNBD tại nhà riêng của tác-giả ở Nha-Trang — và đã được Quách-Tấn tâm-sự đôi-diều (ri-tai) khá cay-cú độc-địa.

Với kỷ-niệm ấy, bây giờ chúng-tôi khó nhắc, nói lại lắm, chỉ biết ôm-p ghi sâu vào tâm-khảm, để một mình mình biết, một mình mình hay, vậy thôi.

Kỷ niệm ấy, dẫu có nói ra rằng hay thì thực là hay, song nghe ra ngậm đắng nuốt cay thế nào ấy, cho những ai xa-lạ khác-biệt, không phải mang lấy cái nhãn-biệu Made in Bình-Định.

Xin cảm-ơn Quách-Tấn nơi đây.



Và chúng-tôi xin có hàng chữ sau đây, nói phát ra rằng:

*Châu Mỹ của người Mỹ
Thị Bình-Định của người
Bình-Định.*

THÂN-TRI-THIỆN

8-1969

Giới thiệu một dịch phẩm mới «Việt-Nam vong quốc sử»

Nguyên tác của cụ Sào Nam PHAN-BỘI-CHÂU

Dịch giả : NGUYỄN-QUANG TÔ

Người ta thường cho rằng : Những sách chữ Hán như Đông-Chu Liệt quốc, Tam-quốc chí diễn nghĩa, Thủy Hử, Liêu-Trai Chí di v.v... đọc bản chữ Hán người ta thấy hay ho, thâm thúy hơn nhiều so với bản dịch Việt văn.

Nhận xét như trên không phải là không đúng, nhưng cũng không phải có nghĩa là cho rằng, vì tiếng Việt nghèo nàn không đủ để phụ diễn những cái hàm-súc, hay ho tro-g nguyên tác Hán văn. Mà chỉ có ý cho rằng, những dịch giả các loại sách nói trên trước đây, kỹ thật phiên dịch còn non, hơn nữa, viết Việt văn cũng chưa sành lắm. Nói cụ thể, Dịch-Giả là những cụ ĐỒ NHO rất «hay chữ» mà không hay «nôm».

Đúng như thế, Cụ Sào-Nam Phan-bội-Châu, là một người rất hay chữ, nhưng cũng không phải

là một người hay nôm, ngoài những thề vãn vãn như Thơ, Phú, Ca, Từ, công thức, ước lệ thoát thai ở chữ Hán. Còn tân văn (văn xuôi) thì cụ Việt cũng không hay lắm.

Thiệt vậy tập hồi ký bằng chữ Hán của cụ, nhan đề là «TỰ PHÁN (mình tự phán xét lấy mình) và cũng chính tự cụ dịch ra Việt-Văn, mà Cụ Huỳnh-Thúc-Kháng khi đề tựa cho tập sách này đã phải nhận rằng «... nếu so sánh giá trị văn chương thì bản tiếng Việt chỉ bằng 4/10 của bản chữ Hán»

Cụ Phan-bội-Châu không những là một nhà ái quốc chí sĩ, mà cụ còn là một nhà văn nữa. Nhưng từ năm 1925 trở về trước, những tác phẩm của Cụ hầu hết đều bằng Hán văn, vì dịch giả bí mật lúc đó cũng hầu

SINH KHÍ VĂN NGHỆ

hết là những nhà tể Nho, mà các tác phẩm lại đều là vật Quốc cấm, cho nên vấn đề dịch thuật không được đặt ra. Ngoại trừ một số tối cần thiết để cung ứng cho những phong trào Đông-Du (1904) Đông-Kinh nghĩa thực (1907) Việt-Nam Quang phục (1912-1918) thì các cụ Văn thân lúc bấy giờ mới ủy giao Cụ Từ-Long Lê Đại, cũng là một chiến sĩ cách-mạng thời bấy giờ — dịch ra Việt Văn, Ví dụ *Hải ngoại huyết thư*, *Lưu cầu huyết lệ*, *Ái chủng ca*, *Ái quốc ca* v.v...

Riêng về cuốn «Việt-Nam vong quốc sử» nguyên tác bằng chữ Hán, vì sự cấm cách thời Pháp thuộc, nên ở đây gần như bị mai một, thất truyền. May nhờ khi ở Hải ngoại Cụ có trao cho Âm-Băng-Lương khải-Siêu tiên sinh là một người cách-mạng Trung-Hoa xem bản thảo rồi ông Âm băng đem in vào tuyển tập của ông nhan đề là «*Âm băng thất toàn tập*».

Vừa rồi *Phổ-Thông* tạp chí nhận được tác phẩm đó mà Dịch-

giả là ông Nguyễn-Quang-Tô, Cụ Á-Nam Trần-Tuấn-Khai. nhà văn lão thành và ông Bửu-Cầm, Giáo sư trường Đại học Văn khoa Saigon đề tựa.

Sau khi đọc kỹ, dịch phẩm này có mấy ưu điểm cần được ghi nhận :

1) Nhà xuất bản Tao-Tân hay dịch giả — ông Nguyễn-Quang-Tô — đã tốn khá nhiều công phu để sưu tầm được chính nguyên tác bằng chữ Hán, để in hành luận, thiệt là một ưu điểm.

2) Dịch giả ông Nguyễn-Quang-Tô — Cử nhân văn chương giáo khoa — đã hoàn toàn thành công trong việc văn viết gọn gàng, trôi chảy, phiên dịch sát đúng nguyên tác.

3) Ngoài công tác phiên dịch, dịch giả còn làm thêm phần chú thích khá công phu và đầy đủ.

Chúng tôi ân cần giới thiệu với độc giả *Phổ Thông* dịch phẩm «Việt-Nam vong quốc sử» này.

P.T.



★ ★ ★ ★ ★ ★ ★ ★ ★ ★ ★ ★ ★ ★ ★ ★ ★ HỒ-XUÂN-HƯƠNG ★ ★ ★ ★ ★ ★ ★ ★ ★ ★ ★ ★ ★ ★ ★ ★ ★

Một nữ Thi-sĩ tài-hoa nhất của
Lịch - sử nhân - loại, sau Sapho

★ NGUYỄN-VỸ

XI — «Hiền nhân», «Quín tử», trong thơ Hồ Xuân Hương

(Tiếp theo PT số 229)

LUẬN về chữ «em» trong bài thơ «Quả Mít», tôi đã xác định rằng nếu hiểu chữ «em» là lời của Hồ-xuân-Hương tự sánh mình với quả mít, thì không những hiểu sai hết nghĩa đen của bài thơ mà sai cả đến dụng ý của Hồ-xuân-Hương trong bài thơ ấy.

Xác định của tôi càng rõ-rệt hơn trong bài vịnh «Bánh trôi»

cũng khởi đầu bằng chữ «em» :
**Thân em thì trắng. phận
em tròn (1)**

(1) Bài này chép đúng nguyên-tác theo bản thảo chữ nôm của Hồ-xuân-Hương, do Trường Viễn-Đông Bác-Cổ Pháp ở Hà Nội đã sưu tầm, và nhà Việt-ngữ học Maurice Durand in lại trong quyển «L'oeuvre de la poétesse Vietnamienne Hồ-xuân-Hương — textes Nôm No 2» trang 155, bài thứ XXXVII.

HỒ XUÂN HƯƠNG

Bảy nổi ba chìm mấy
nước non
Rắn nát mặc dầu tay kẻ
nặn
Mà em vẫn giữ tấm lòng
son

(Vịnh Bánh trôi)

Do chữ «em» vào đề, hầu hết các người giảng và phê-bình thơ Hồ-xuân-Hương đều cho rằng Hồ-xuân-Hương tự ví mình như bánh trôi nước, cũng như họ đã cho rằng tác-giả tự sánh mình với quả mít vậy.

Chính ông Maurice Durand cũng hiểu như thế, khi ông giảng, (sách đã kể trên, trang 156, — notes) :

«Le Bánh trôi figure ici HXH, ou la femme en général, obligée de supporter des liaisons avec les hommes. Au vers 1, elle se compare au bánh trôi...»

Theo thiên-ý của tôi, hiểu thơ Hồ-xuân-Hương như thế thì thật là sai-lầm. Không những sai lầm tai-hại trong việc giảng-giải thơ Xuân-Hương, mà còn sai lầm trong việc đánh giá quá

thấp tự-cách cá-nhân của tác-giả nữa. Trong bài luận về Quả Mít tôi đã xác định khá rõ, rằng cô Hồ-xuân-Hương, nữ thi-sĩ kiêu-hãnh của Thăng-Long ở thời Bắc-Bình Vương và Quang-Trung Hoàng-đế, không bao giờ tự hạ mình xưng «em» với ai cả, kể cả với ông Phủ Vinh-Tường, và ông Chiêu-Hồ, huống chi là tự hạ mình xưng «em» với bang-quan, và tự hạ mình so sánh với quả mít, hay bánh trôi !

Xét về thực-lẽ ngay trong hai bài thơ trên, sự tự so-sánh với hai vật khác hẳn nhau như thế tỏ ra mâu thuẫn phi-lý. Đã em «xù-xì» như quả mít sao lại «thân em thì trắng» như bánh trôi ? Da em xù-xì tức là không thể trơn trắng được. Hồ-xuân-Hương không thể tự ví mình lúc thì xù xì xù-xì như quả mít, lúc lại trơn trắng như chiếc bánh trôi.

Nếu chúng ta tự ý gán cho nữ-sĩ một việc tự so-sánh mâu thuẫn, ấy là chúng ta hiểu nữ-sĩ một cách quá nóng-cạn và

lạch-lạch, câu thả vẩy.

Ông Maurice Durand giảng-giải : «Bánh trôi ở đây tiêu-biểu cho Hồ-xuân-Hương, hay là người đàn-bà nói chung...» là không đúng. Vì câu thơ : *Thân em thì trắng, phận em tròn*

Hoặc : «*Thân em vừa trắng lại vừa tròn*» như một bản sao khác đã chép, không thể nào tiêu biểu được cho một người đàn-bà. Người đàn-bà sao lại «tròn»? Tính-từ «trắng» không áp-dụng cho Hồ-xuân-Hương mặt rỗ da chì, vẫn có thể áp-dụng được cho người đàn-bà khác có nước da trắng-trẻo, nhưng còn tính-từ «tròn» thì chẳng có ý-nghĩa gì cả, nếu bảo thân người đàn-bà là «tròn» !

Vì thế, giảng-giải câu thơ trên là Hồ-xuân-Hương tự ví mình, hoặc ví thân người đàn-bà nói chung, là lạch và tròn, như chiếc bánh trôi thì hoàn toàn vô-ý nghĩa. Cũng như sai lầm khi ví Hồ-xuân-Hương, hoặc người đàn-bà nói chung, như quả mít vậy.

☆

Sau những đính-chính cần thiết như trên, chúng ta bắt đầu tìm hiểu bài thơ «Bánh Trôi», đúng như ý thơ của Hồ-xuân-Hương.

Cũng như quả mít, Hồ-xuân-Hương ví chiếc bánh trôi như cái âm-vật của người đàn-bà.

Theo nguyên-tác bằng chữ Nôm của Hồ-xuân-Hương, (xem lời chú-thích ở trang đầu bài này), thì câu vào đề là :

Thân em thì trắng, phận em tròn.

Nữ-sĩ Hồ đã phân-tách rất rõ-rệt ra màu-sắc (trắng) và hình-thức (tròn). Cái «thân» của em, nghĩa là cái bề ngoài của em, thì trắng. Cái «phận» nghĩa là cái bộ phận của em, thì hình tròn.

Có hai bản cũ đã chép :

Thân em vừa trắng lại vừa tròn.

không đúng với nguyên-tác, và cái nghĩa tuy không khác mấy, nhưng không được rõ lắm.

Với câu nguyên-tác, «thân em thì trắng, phận em tròn»

Hồ-Xuân-Hương ranh mãnh ám chỉ luôn cái âm-vật của phụ-ữ, vừa mô tả được thân-phần của chiếc bánh trôi.

Bảy nổi ba chìm với nước non

Bảy nổi ba chìm, là theo thông lệ nấu bánh trôi khi bảy phần mười cái bánh nổi lên trên mặt nước sôi, còn ba phần chìm, thì bánh đã chín, và nhắc phần mười cái bánh vẫn còn nổi. Đó là nghĩa đen nói về «thân phận» của chiếc bánh trôi nước. Bây giờ ám chỉ âm-vật của phụ-nữ, với nghĩa bóng, Hồ-Xuân-Hương rất khéo-léo phác-họa nửa kín nửa hở những chỗ nổi chỗ chìm, «nổi» lên như đỉnh «non», «chìm» xuống vớt âm như «nước», trong bộ «phận tròn» của người đàn-bà.

Tôi nói Hồ-Xuân-Hương rất «khéo léo» vì cô dùng một câu thơ tài-tình, rất thanh nhã : «*Bảy nổi ba chìm với nước non*», vừa nói về chiếc bánh trôi, vừa mô tả nội dung của

bộ-phận phụ-nữ mà thói thường cho là tục-tĩu. Ở đây, dưới ngòi bút dí-dỏm độc-đáo và vô cùng tế nhị của cô, chúng ta chẳng thấy thoáng qua một cái gì tục-tĩu cả. Nhưng cô vẫn đề cho trí tưởng-tượng của chúng ta thấy rõ dưới nét thơ thanh-tao ấy vương-vấn một thực-thể giao-động hơn, sống-sượng hơn, và kín-đáo hơn.

Rắn nát mặc dầu tay kẻ nặn
Có một bản chép : *Lớn nhỏ mặc dầu tay kẻ nặn*

Một bản khác chép : *Mềm rắn nhờ tay quân tử bóp.*

Cả hai bản đều không đúng với nguyên tác nôm của Hồ-Xuân-Hương.

Nghĩa đen, là mặc dầu chiếc bánh rắn chắc, hay là mềm-nát tùy nơi bàn tay mạnh hay yếu, khéo hay vụng của người nặn bánh.

Mà em vẫn giữ tấm lòng son.

đến khi đem đun sôi, nấu chín, cục đường, màu đỏ như son, làm như ở trong lòng bánh, vẫn nguyên vẹn, không hề nát, không thay màu.

Nghĩa bóng, ám-chỉ bộ-phận của phụ-nữ, cô Hồ-Xuân-Hương nhân-vật-hóa cái ấy để cho nó nói rằng : thân-phận của em có thể bị nặn-nọt, nhồi lên nhồi xuống như người ta nhồi bột bánh vậy, nhưng cái cục đường son của em ở trong lòng bánh vẫn nguyên vẹn, không bao giờ phai màu, không bao giờ rách. Xin đề ý chữ «tay» đây theo nghĩa bóng không phải là bàn «tay» theo nghĩa đen.

Ở đây, «Tay», nghĩa bóng, là một vật khác của người đàn-ông, làm giao-động bộ phận đàn-bà, (như ngón tay, người thợ nặn-nọt bánh trôi). Mặc dầu vật ấy cứng-rắn, hay mềm-nát vào khuấy-động trong lòng bộ phận, mà cái cục son nồi cao như hòn núi trong bộ phận ấy vẫn còn giữ nguyên vẹn.

Cô Hồ-Xuân-Hương hoàn toàn dùng nghĩa bóng cả với chữ «lòng son : không phải là tấm lòng tinh-bạch như người ta thường hiểu, mà chữ «lòng» nói trại lại theo kiểu dí-dỏm của Hồ-Xuân-Hương, như trong câu : «gái uốn lưng ong ngựa ngựa lòng» của bài thơ *Đánh Du*.

Tóm lại, Hồ-xuân-Hương lấy bánh trôi nước để ám-chỉ bộ phận của người đàn bà, — tất cả 4 câu thơ đều mô-tả rõ, — chứ không phải để tự so-sánh với thân-phận của cô hoặc của phụ-nữ nói chung.

Nhất là câu :

Rắn nát mặc dầu tay kẻ nặn,

không thể nào gán cho thân phận kiêu hãnh của Nữ-sĩ, hoặc của người đàn-bà nói chung theo quan-điểm của Hồ-xuân-Hương. Trừ phi người đàn-bà đó là một con diêm.

(Còn nữa)

Như đợt sóng ngầm

(Viết cho tâm sự của một người bạn)

THU-MAI

THÁI-độ cô con gái bà chủ nhà trọ của Viễn làm tôi phân-vân áy náy. Dù mới gặp cô lâu đầu, chưa nói chuyện nhiều, chẳng hiểu tâm tính ra sao, nhưng trông ánh mắt của cô ngó tôi, tôi lại thấy trong ấy chứa đựng chung một tình-trạng bi-đát như chị Tân chị Trọng của tôi. Tình-trạng lơ khốc lơ cười của những cô gái già.

Hôm qua, tôi hỏi Viễn :

— Cái cô lớn lớn ốm tong, mắt to ở dưới nhà là ai thế hở anh ? Cô ấy cứ nhìn em với một đôi mắt kỳ-kỳ, khó chịu.

— Cô Hồng con bà chủ nhà đấy. Chẳng hiểu làm sao, hơn 30 rồi mà vẫn không chịu lấy chồng ? Chắc cao giá quá nên không cậu nào dám nhí-nhoé Em nên tránh cô thì hơn, đừng đụng vấp sinh

rắc rối, khó tính nhất ở chung-cư này đó.

Tôi gật đầu mỉm cười, nhưng khi Viễn đi làm rồi, tôi lại lần la xuống làm quen. Sống chung với hai bà chị lơ thời từ bao nhiêu năm tháng, đã giúp tôi hiểu được một phần nào tâm lý của các cô gái không may trên đường tình ái. Đúng như tôi nghĩ, mặc dù tôi vui-vẻ vồn-vả nhưng Hồng vẫn giữ một thái-độ lạnh-nhạt, soi mói khó chịu. Cuối cùng cô dục-dè hỏi tôi là gì của Viễn. Không muốn cô buồn, cái buồn tự-nhiên của một người đã quá tuổi trưởng-thành, mà chưa biết mùi tình ái, khi thấy một cô gái trẻ hơn, có người tình. Thay vì nói tôi là người yêu của Viễn, tôi cười bảo :

— Anh Viễn với tôi là anh em bạn dì.

Đôi mắt Hồng chợt bừng sáng như đóm lửa sắp tàn bỗng-dưng có một luồng gió mạnh thổi tới. Cô trở nên thân-mật với tôi một cách đột-ngột, cô mời tôi ăn bánh ngọt, cười nói líu-lo, cô hỏi về gia đình Viễn, gia đình tôi. Và cô thao-thao bắt tuyết nói về Viễn một cách say-sưa như chưa bao giờ được nói, nào là Viễn sống quá bữa-bải, đi chơi cả đêm, hai ba ngày lại dật về một người bạn gái, nào làm việc không giờ giấc, có khi ngủ cả ngày, đêm lại thức suốt sáng... Cô nói nhiều lắm, toàn những chuyện về Viễn. Tôi có đáng điệu như chăm-chú nghe. Nhưng thật sự tôi lại nghĩ đến những việc đầu đầu. Những kỷ niệm, những ngày tháng buồn-phiền đau-khổ đơn-độc trong một gia đình không phải của mình, giống như cánh chim lạc đàn

Cô Hồng vừa hỏi tôi một câu gì đó, không nghe rõ, nhưng tôi cũng gật đầu bừa. Nét mặt cô thoáng rạng-rở hơn sau cái gật của tôi. Có lẽ cô đã hỏi :

— «Hình như ông Viễn không

có gia đình ở quê phải không cô ?»

Tự nhiên tôi nghĩ là Hồng đã thăm yêu Viễn từ lâu. Có thể lắm. Viễn có những điều-kiện dễ trở người tình trong mộng của cô : khá đẹp trai, galant, duyên-dáng, hơn cô vài tuổi lại là người đàn ông duy-nhất độc-thân trong chung cư này.

Những nỗi buồn bỗng-nhiên kéo đến vây kín lấy tôi, chẳng hiểu sao khi nghĩ rằng Hồng đã yêu Viễn tôi lại buồn, buồn như sáng quá trông thấy một người đàn-bà nằm khỏa thân trên giường Viễn, trong khi gọi cửa, đứng chờ chàng mở đã tình cờ nhòm vô cánh cửa sổ lộng kiêu.

Bắt đầu từ hôm nay, đời tôi rồi sẽ ra sao ? Viễn có yêu tôi

MIDOL

TRỊ CÁC CHỪNG
ĐAU NHỨC, CẢM CỨM

bằng tình yêu sáng đẹp. hay chàng cũng chỉ yêu tôi như yêu người đàn-bà khỏa-thân sáng qua ?... Trời ơi ! có lẽ nào ?...

Tôi lại nhớ đến chị Tân, chị Trọng, không biết bây giờ hai chị đang nghĩ gì khi hiểu tôi đã bỏ nhà đi hoang. Chắc-chắn không bao giờ hai người nghĩ tôi trốn nhà ra đi là vì hai người. Có lẽ họ sẽ bảo là tôi theo trai. Mặc, ai nói gì cũng được, dù gì tôi cũng đã làm một việc chẳng tốt đẹp gì. Đối với dân tỉnh nhỏ, đó là một chuyện ghê-gớm. Từ nay, đối với họ, tôi là một đứa con gái hư-hỏng bị loại ra khỏi tập-thể gái nhà lành. Và rồi họ sẽ bảo rằng tôi giống mẹ. Hồi xưa mẹ tôi cũng đã từng trốn nhà theo cha tôi, dù lúc ấy ông đã có vợ, năm bảy đứa con, mà đứa lớn nhất, xấp-xỉ tuổi bà. Bà vì tiền hay vì tình yêu ? Tôi không biết, chẳng ai nói cho tôi nghe chuyện đó cả.

Chỉ có bà bếp già nói cho tôi nghe rằng mẹ tôi đã khổ-sở, tủi-nhục cùng-độ vì sự hành hạ của vợ con ba tôi. Cha tôi tuy yêu

thương bà, nhưng cũng đành bất lực. Khi sinh tôi mới được hai tháng, bà đã nhắm mắt lìa trần sau một cơn bạo bệnh mà nguyên-nhân là vì làm việc quá sức đối với một người đàn-bà mới sinh nở. Một năm, sau cha tôi cũng vĩnh viễn bỏ đi về thế giới khác.

Tôi lớn lên trong tình thương của một người đàn-bà mà tôi phải gọi bằng mẹ nhưng chưa hề mang nặng đẻ đau vì tôi bà vợ lớn của cha tôi. Dĩ-nhiên là trong gia đình chẳng mấy ai thương tôi, nhưng tôi không đòi hỏi chuyện đó, họ không vút vào viện mồ-côi là quý rồi, dám đâu mơ-ước chuyện cao xa ! Tôi chỉ là một giọt sương, một chiếc lá bị gió cuốn, không thấy rõ được nguồn gốc của mình. Cha tôi, tôi còn được biết qua hình

ANACINE

TRỊ PHONG NGŨA
MỀ ĐAY, HO, SUYỄN

ảnh. Nhưng mẹ, người thân-yêu nhất, thì tất cả những gì của bà, họ đã bỏ xuống mồ, hoặc đốt, hoặc vứt sọt rác, không còn chừa lại một vết tích nhỏ, dù là tấm ảnh.



Có lẽ nếu chị Tân, chị Trọng cũng đã lấy chồng như bao chị khác, chắc tôi không đến nỗi khổ sở phải dấu thân vào con đường phiêu lưu tình-ái. Tâm tính hai chị luôn-luôn bất thường mất quân-bình, khó chịu, danh-dá một cách kỳ quái phi-lý. Hai chị hành-hạ, dằn-vật tôi như một tên tù khổ-sai. Đã không

phải chị em cùng mẹ, tôi mắc thêm một cái tội nữa là trẻ và đẹp hơn hai người, cái đẹp của cô gái dậy thì, lại có nhiều con trai đeo-đuôi. Trong khi hai chị như những lữ khách đi đơn-độc trong mưa lạnh, chưa tìm ra một quán trọ có bếp lửa ấm.

Nhiều khi quá đau-xót, tôi cũng có ý-dịch thoát-ly nhưng không dám thực-hành. Tôi đặt hy-vọng ở một giải-pháp cuối-cùng. Lấy chồng-tôi sẽ bằng lòng, làm vợ bất cứ một người nào đến hỏi cưới tôi, không cần chọn lựa, tình-yêu, miễn sao tôi thoát khỏi gia-đình này là đủ rồi. Sau đó ra sao cũng mặc. Và tôi sống ăn-nhần với niềm hy-vọng đó...

Nhưng hy-vọng ấy theo thời gian tan biến như làn khói. Có nhiều đêm lại dạm hỏi tôi, nhưng bà mẹ lớn của tôi không gả. Bà bảo: «Cháu nó còn nhỏ.» nhưng thật ra cũng chỉ vì chị Trọng, chị Tân. Tôi đã nghe ba mẹ con nói với nhau:

— «Mẹ sẽ không gả con Sao

lấy chồng khi hai con chưa lập gia-đình. Em đâu có được phép lấy chồng trước chị.»

Trời ơi. Chờ cho hai chị lấy chồng rồi mới đến phiên tôi? Đến chừng nào các bà mới lấy chồng? Thôi rồi! Mong thoát-ly của tôi đã vỡ tan-tành. Tôi sẽ mãi mãi giam mình, tuổi-rẻ mộng-hoa trong gia-đình, và một ngày kia, tôi cũng sẽ trở thành một cô gái lữ-thời như chị Trọng, chị Tân! Bây giờ để gì có những người đàn ông tìm đến cầu hôn hai chị. Ngay còn trẻ, hai chị đã treo giá quá cao, muốn lấy chồng sang, khinh-rẻ những người con trai kém cỏi, trong khi hai chị thì mãi mà vẫn chưa đồ được cái bằng T.H.Đ N.C. Rồi cho hai chị là người sang không ngó xuống, kẻ dưới chẳng dám nhìn lên. Rốt cuộc, đến giờ này, hơn 30 tuổi đầu, vẫn sống cô-don. Dù bị hai người ghét bỏ hành-hạ, tôi cũng không mấy oán-bận, mà vẫn thương hai chị, thương cho kiếp con gái, cho tuổi xuân chóng tàn của đàn-bà. Hai chị chỉ là những nạn-nhân

của một định-kiến sai-lầm, lỗi thời.

Không... không bao giờ tôi để tuổi trẻ của mình bị giam cầm trong một hoàn-cảnh quá bi-đát, phi-lý như vậy. Tôi sẽ... tôi cũng chưa biết là tôi sẽ làm gì.

Sau bao đêm thức trắng, tôi nhất-quyết sẽ trốn đi. Đi đâu cũng được, miễn thoát khỏi nhà giam tuổi hồng của tôi là được rồi. Và tôi âm thầm sắp đặt.

Tôi viết thư cho Viễn, Viễn là một nhà văn nổi tiếng, một người tôi đặt nhiều tin tưởng. Một thần tượng của tôi, tôi đã yêu Viễn từ năm lên 14, khi bắt đầu đọc sách của chàng. Tôi cùng những con bạn ái-mộ Viễn, viết thư xin được làm em gái

REGAST. T

TRỊ CÁC CHỨNG ĐAU
BAO TỬ. Bảo chế theo
công thức Hòa-Lan

chàng, sau mấy năm thư từ, Chúng tôi yêu nhau, nhưng tôi chỉ được gặp Viễn có một lần, khi ghé tàu-báo thăm chàng cùng mấy con bạn.

Tôi không ngăn-ngại kể hết cho Viễn nghe hoàn-cảnh của tôi và ý-định thoát-ly, Viễn bảo không nên, nhưng tôi không muốn nghe lời khuyên đó. Viễn không ở trong cuộc, lại là đàn ông, làm sao chàng hiểu được những khổ-sở, cay-đắng cùng sự tàn-ác của hai bà chị. Đối với đàn-ông, đàn-bà luôn luôn dấu bót tính xấu của họ, nhưng với người cùng-phái, họ trắng-trợn lộ-diện.

Và lại sự ám-ảnh một ngày nào đó tôi rồi cũng sẽ trở thành một cô gái lỡ-thời như chị Tân, chị Trọng, làm tôi hoang-mang sợ-hãi. Tôi không muốn được tiếng chính-chuyên đề chết già trong cô-đơn. Tôi mong ước được sống tung-bừng, sống hết mình với tất cả nhiệt-huyết của tuổi-trẻ. Đừng bắt tôi phải hy-sinh, chôn vùi tuổi mộng một cách phi-lý. Tôi sẽ lăn xả vào

cuộc sống, hồi-hả đón bắt, thu nhận từng nụ cười, ánh mắt, làn môi, niềm tin. Mặc ngày mai ra sao.

Bắt đầu từ hôm nay, tôi là một chiếc lá trôi giữa dòng sông, chưa biết sẽ về đâu, Nhưng có điều, chắc-chắn nó sẽ gặp nhiều sóng-nổi, nhiều khùng-trời xa-lạ mộng-mơ. Và dĩ-nhiên cũng có nhiều phong-ba bão-tổ trên bước phiêu-du.

Nhưng cần gì, thả vậy mà sung sướng hạnh-phúc hơn là làm một chiếc lá sống yên-lạnh, tù hãm trong khu vườn cần-cối. Tôi sẽ luôn luôn mỉm cười chấp nhận mọi thử-thách. Đó là nụ cười can-dảm của tuổi-trẻ..

(Trích một truyện dài sắp xuất bản)

PENI-V 200.000 đv
400.000 đv
500.000 đv

Thuốc viên trụ sinh loại mới PENICILLINE-V uống dễ dàng mà công hiệu như chích PENICILLINE - G



Chợ Lớn Rạch

1 — Xá tội

(Viết ngày Rằm Tháng Bảy)

Diêm vương xá tội vong-nhân,
Diệu-Huyền xá tội bản thân Diệu-Huyền.
Một tội : là tội nghèo tiền,
Đồng túng, đồng thiếu, xích-xiêng chân tay.
Hai tội : là tội đùa dai,
Không sợ há miệng mắc quai, bỏ đời.
Ba tội : không biết tùy thời,
Như ai uốn lưỡi, bán lời buồn danh.
Bốn tội : tội không khôn ranh,
Phất cờ theo gió đua tranh công-hầu.
Năm tội : tội không hoạt-đầu,
Không lòn, không cúi, không nhào, không chen.
Đứng ngoài mà ngó múa-men,
Mấy thằng phù-thủy, mấy tên lộn sông.

Sáu tội : tội đáng trời trừng:
Làm Thơ Lên Ruột lòng-thông ruột gan !



Nhân mùa Đại-lễ Vu-Lan,
Tù-tội ân-xá trần-gian, Diêm-phù,
Tự mình, mình xét hồ sơ :
Chẳng qua cái tội làm Thơ rung đùi !
Thanh-bần, mà cứ chịu chơi,
Chẳng như những kẻ ham vờ dĩn-chung,
(Ngay nay vông lộng nghênh-ngông,
Ngày sau Lịch-sử đóng gông muôn đời).
Xét mình tâm-trí thanh-thơi,
Không lo giành-giữ thứ ngôi bá-hùng,
Phán rằng : Huyện xét chí-công,
Kể Huyện 6 tội mà không tội gì !
Cho Huyện lên ruột nữa đi !

2 — Đà-Đảo «Xu chiêng»

Theo tin Thông-tấn-xả U-Pi-Ay, (UPI)
Một số đông phụ-nữ Mỹ hiện nay,
Đà-đảo «xu-chiêng», không đeo đồ nịt vú,
Tại Nử-Uớc, 500 phụ-nữ xuống đường, la, hú :
— Hoan-hô để ngực trần !
— Đà-đảo chiếc xu-chiêng cù-lần !
1.500 đàn-bà con gái Mỹ.
Từ 13, 14 đã hóa yêu hóa quỷ,

Đến 15, 16, hippy dậy-thì,
17, 18 gái chì,
Đến các bà sồn-sồn 26, 27,
Vừa đi vừa la hăng-hái :
— Hoan-hô ngực trần trùng-trục !
— Đà-đảo xu-chiêng què một cục !
Một nhà báo phỏng-vấn đường-đột
Một nữ sinh-viên 21 :
— Cô có đeo xu-chiêng không ?
Cô sinh-viên liền cởi nút áo,
Đề lộ ra «hai gò bông-đào»
Và nhovn nụ cười : «tôi cũng như ông» !
Một phụ-nữ Mỹ ở Sài-gòn hỏi Diệu-Huyền :
«Nghĩ sao về cái xu-chiêng ?»
Huyền đáp : Phụ-nữ Ban-mê-Thuật, Pleiku, Kontum,
Tân-tiến hơn phụ-nữ Mỹ,
Đã 20 thế-kỷ !

3 — Sinh-viên Nha-khoa

Chàng yêu một chị làm công,
Mang bầu mấy tháng đã trông ỉnh-ỉnh,
Đêm hôm chàng dứt mối tình,
Chàng ôm lấy chị vứt ỉnh xuống sông,
Nước trôi xác chị làm công,
Lên xe gắn máy chàng đóng một mình.
Trường đầu chôn kín đậy sinh,
Ngờ đâu vỡ-lở thúi ỉnh tùm-lum.

Chàng là sinh-viên Nha-khoa,
 Con nhà gia-giáo, mẹ cha hiền-lành,
 Nhưng mà xã-hội hời tanh
 Sinh-viên hành-động lưu-manh giết người.
 Chuyện nghe ai cũng rưng rờ,
 Bàng-quan phê-phán lắm lời khắc-khe,
 Lấy gì bênh-vực, chở-che ?
 Ăn chơi trụy-lạc, đam-mê quen rồi.
 Tinh-thần mỗi mệt buồng trời,
 Thanh-niên cuồng-loạn, bụi đời nhớp-nhơ.
 Còn đâu lý-tưởng tôn-thờ ?
 Tương-lai, Tổ-quốc, ở-mờ ngoài môi.
 Ngồi buồn than-thở thể thôi,
 Câu Thơ-Lên-Ruột i-ôi thêm buồn !
 Một trò hành-động ma-bùn,
 Phải đâu cả lớp, cả trường Nha-khoa.
 Nhưng ngồi suy-ngẫm sâu xa,
 Xót-thương thời-đại loạn đa vi-trùng.
 Thuốc nào chữa hết, nhọt, ung ?

4 — Đầu trường Hạ-viện

Dân-chúng ngồi cười họ tổ nhau,
 Dân-biểu tổ nhau loạn xà-ngẫu,
 Chú này để vợ làm cho Mèo,
 Bị chú kia ghen, tổ lộn nhào !

Tổ lộn vì chưng chuyện kiếm ăn :
 Nó thầu kinh-tế, bột xi-măng,
 Nó mưu buôn lậu đường hàng-hải,
 Nó giả mua tàu để chuyển ngân.

Tổ nhau hối-lộ, tổ tham-ô,
 Vận-động ghi tên lập trận đồ,
 Hất cẳng ông già đưa kiến-nghị,
 Đưa thì dả-đảo, đưa hoan-hô.

Chúng tổ lẫn nhau lắm chuyện tời,
 Tổ nhau bè-phái, tổ chia xôi,
 Trăm-ngàn mỗi tháng ăn rồi tổ,
 Dân-chúng ngồi cười, lộn ruột thôi !

5 — Trả lời cô Thủy-Vân

Một nữ sinh-viên Saigon, gọi điện-thoại yêu-cầu Huyền viết mỗi ngày một bài THƠ LÊN RUỘT để đăng trên nhật báo.

Vân đòi Huyền mỗi ngày nhập cuộc,
 Một bài thơ lên ruột lên gan,
 «Mỗi ngày vật giá leo thang,
 Sao Thơ-Lên-Ruột hàng-hàng không leo ?»
 Nhưng Vân ơi, Huyền nghèo xơ-xác,
 Là nghèo tiền, nghèo bạc, nghèo xu,

Còn Thơ thì chứa cả lu,
 Bốn mùa trắng gió vi-vu còn hoài,
 Gió hỗn-loạn ngày ngày huyền-náo,
 Thổi cuồng lên điên-đảo mây bèo,
 Thấy đời trái gió lộn-lèo
 Huyền cười lộn ruột, lộn phèo, lộn gan.
 Thường danh-lợi leo thang vật giá,
 Chợ công-hầu bôn-bả thịt.xôi,
 Văn.chương ế ẩm vì ôi,
 Bột, đường, khan-hiếm vì ngôi chợ chiều !
 Dù vật-giá leo nhiều, leo ít,
 Bột, bánh, đường, trẻ nít còn ham,
 Thì còn những kẻ gian-tham,
 Trộn đường, pha bột, để toan bịp đời
 Kẻ buôn nước, kiếm lời triệu, tỷ,
 Kẻ đầu-cơ xương.tủy Nhân-dân,
 Thị-trường chánh-trị kinh-doanh,
 Biết bao tay chị tay anh, hoạt-dầu.
 Huyền muốn mưa, Thơ trào ói mật,
 Lên ruột già, lộn cật, lộn gan,
 Nhìn phường lời-tói leo thang,
 Càng leo hí-hồn, càng tan-nát giò !
 Thơ Huyền còn cả một kho.

Điền Huyền

TIẾNG NÓI GÁI TRAI THẾ HỆ



❁ Vùng trời biên giới

của CHÍ-HẢI, Tây-Ninh.

THẾ mà đã ba năm rồi Giao
 nhi, ba năm rồi Giao về Gò-
 Công để lại miền Tây Ninh khô
 cằn sỏi đá này một người bạn.
 Giao cố nhớ xem. Hải đấy.

Giờ này có lẽ Giao đang vui
 đùa với chúng bạn hoặc dự một
 cuộc nghỉ hè đầy hứng thú ;
 không biết Giao có nhớ đến Hải
 đang ngồi một mình để nhớ lại
 những kỷ niệm của chúng mình.

Giao ạ! Trời Tây Ninh hôm nay không mưa cũng không nắng, khí trời không quá nóng như cái nóng mùa Hạ, cũng không lạnh cái lạnh rét run. Mà chỉ có một cái lành-lành của đầu mùa thu. Giao có nhớ không? có những ngày trời cũng lành lành thế này. Khi mặt trời còn đang say ngủ. Mình đã đạp xe đạp. Gióng đôi nhau từ những con đường đất đỏ. Ngồi ngòai dẫn đến trường. Có lần mình đạp xe dưới những hạt mưa bụi nhỏ. Giao đã nói: «Mình được đi bên nhau mãi thế này thì càng mưa, càng lạnh, lại càng thú bỏ hén». Giao ơi!

Từ ngày Giao rời miền Tây Ninh này, đến nay Tây Ninh vẫn không có gì thay đổi, vẫn những tà áo đạo hiền hòa, vẫn những bóng trắng học trò, vẫn những đoàn công-vua của Hoa Kỳ làm tung bụi đỏ ngầu. Tây Ninh vẫn là một thành-phố của chiến tranh, của đạo-giáo, của những bàn tay luôn lần tràng-hạt, và cũng của những bàn chân sảng sảng chạy giặc. Đây vùng trời Hải đang

sống là vậy đấy. Giao ạ. Thế mà có nhiều người muốn ở lại nơi đây, để sinh sống,

Giao ạ!

Có một độ Hải được thầy mẹ Hải c' o về Sài Gòn, học trường Lê bảo Tịnh đấy, mới về nhà người cô học trò được năm tháng Hải đã thấy nhớ chỉ lạ những bóng dừa cao, những mái tranh nghèo, mái trường siêu-vẹo. Lúc đó Hải mới biết rằng: Nơi mình đã lớn lên, có những kỷ niệm vui buồn thì, mình thương nhớ, không muốn rời xa nó, dù rằng nơi đó là nơi nguy hiểm, hoặc là Vùng Trời Biên Giới buồn tanh.



TELMIN
TRỊ CÁC LOẠI LÃI
THƠM * NGON * NGỌT



Nói với Tu sĩ đàn anh.

của Tăng-sinh THÍCH-HUỆ-TRÍ, Saigon.

THƯA các anh.

Tôi là một trong những đứa em, đang nối tiếp con đường sự nghiệp của các anh, tiếp thay vì kẻ đi sau, và đang khép mình trong khuôn khổ học đường, nên không đủ sức đề hành động, chỉ biết lo âu, thao thức cho tiền đồ.

Qua nhiều lần suy nghĩ, hôm nay mới mạnh dạn nói lên tiếng nói chân thành, và bất đắc dĩ này. Cũng như đánh lên tiếng chuông trong đám người đang mê ngủ, và đề báo động ngôi nhà Phật pháp lâm nguy, vốn nó đã bị phong bao bảo tấp từ lâu, gần đây lại có những đám ma quân xen vào hàng ngũ « ường trở Như Lai » để phá hoại, hầu làm giảm giá trị tinh thần của một chơn lý muôn đời bất di dịch.

Thưa các anh, vì đang sống trong khuôn khổ kỷ luật, nên tôi không có dịp nhìn bao quát.

Thời gian gần đây, được đọc, được nghe tin tức, bình luận của báo chí hằng ngày, hằng tuần v.v... Không niềm đau nào bằng khi 3 vị tu-sĩ mà họ cho là 3 vị sư « hồ mang »; một vị Sa-Di với cái tên « quí dâm dục » mà mai thay một vài vị Đại Đức, Thượng-Tọa lại sống với nữ tín đồ, hành nghề tha hồ hốt bạc v.v.

Những hành động trên làm sao xứng với cái danh « Thiên như chỉ đạo sư »? Hạng người ấy có khác gì kẻ trần tục, họ đang bị tài sắc danh vọng làm mê mẩn!

Rồi bao nhiêu dư luận phê phán, bôn phận làm em, tôi hết sức đau lòng, buồn cho sự suy tàn của Phật pháp!

Sự phơi bày trên báo chí, đôi lúc không đúng sự thật, có thể chỉ đề sửa sai, nhưng cũng đau đớn, vì không có lửa thì làm gì có khói? Một vài cử chỉ như đi gần mấy bận áo vải đất

tiền, không đáng để thiên hạ thắc mắc, thế mà cũng trở thành đề tài cho báo chí dư luận. Đó là phương tiện nhưng oan uổng thay các anh không xem đó là phương tiện, lại lấy làm hãnh diện, ngồi lên xe thì xả hết tốc lực trên đường phố, có vị lại chở đàn bà con gái. Sao các anh không nghĩ mình là «Sứ giả như Lai»? Hành như-Lai Sứ, tác Như-Lai sứ, các anh là bậc kẻ thừa thừa hướng dẫn độ sanh, gần hơn nữa, mình là kẻ đầu tròn áo vuông, đáng làm gương cho mọi người, sao các anh không nhìn lại mình?

Trong hiện tại không phải chúng ta đang sống vào xã-hội đèn thấp ngược của Cụ Nguyễn-trường-Tộ. Nhưng phải ý thức, đề tránh tai tiếng cho đạo, cho đoàn thể chúng ta và cho chính cá nhân.

Một tấm gương bị lu mờ vì bụi, nếu các anh không lau, thì các anh cũng đừng nên bôi vào một lớp bùn nữa, để người khác lau. Đàng này các anh đã không

chịu lau chùi, lại bôi thêm, thì hỏi ai là người chịu trách nhiệm, có phải chăng đáng ông cha (bậc cao tăng đ.ư.độ) chúng ta chịu không? Hay tất cả chúng ta phải gánh lấy?

Kể viết bài này không phải cố tình vu đũa cả nắm, chỉ ao ước muốn các anh hãy ý thức bồn phận, phần trách nhiệm lau chùi tấm gương kia cho sáng sủa thêm lên, để mọi người soi.

Trong hiện tại là thời «Pháp nhược ma cường». Do đó lắm kẻ lợi dụng chiếc áo Như-Lai để bôi nhọ, xen vào hàng ngũ chư tăng để làm băng hoại sức mạnh của một tinh thần có thể thắng phục được ma quân, từ ngoài cảnh đến nội tâm. Họ hành động một cách xấu xa bỉ ổi, làm cho chúng ta mất hết niềm tin tưởng của tín đồ — Xin các anh hãy can đảm gạt ra ngoài bao ác ý tà tâm, mạnh dạn loại khỏi hàng ngũ, những con vi trùng ăn bám, làm tiêu mòn di sản của đức Từ-phụ.

Đức Phật có dạy «Sư tử là

loài có sức mạnh vô địch, không sức mạnh nào hơn, thế mà chỉ có loài vi trùng ăn bám vào thân nó, mới làm hại được cuộc đời của nó». Chúng ta cũng vậy, ngôi nhà Phật pháp là một sức mạnh vĩnh cửu, không thể bạo-lực hay cường quyền mà phá hoại được, chỉ có hạng người tự xưng là «Trưởng tử Như Lai» với cái giả danh Thượng Tọa, Đại Đức mang tâm niệm «bán tăng bán tục» mới phá hoại nó mà thôi. Nếu chúng ta không kịp thời ngăn chặn làn sóng ấy, thì ngôi nhà Phật-pháp sẽ bị lũy diệt không bao xa.

Kính nghiệm cho chúng ta thấy, từ năm 1963 đến nay, biết bao nhiêu kẻ lợi dụng danh nghĩa này, chức vị nọ để phá hoại, làm phân hóa giáo hội, hàng ngũ chư Tăng bị khinh rẻ. Nhất là giới thanh-niên tăng chúng ta phải gặp nhiều khó khăn trở ngại.

Nhiều anh chạy theo nếp sống xã hội đua đòi vật chất với thế gian, cũng có anh chạy theo mảnh

băng mà bỏ quên việc chánh. Các anh đừng tưởng rằng có mảnh băng cao, mới có thể chế phục được lòng người, trở lại khinh rẻ đàn em. Nếu nghĩ như thế là sai. Vì tất cả đều là phương tiện, không biết dùng thì vô tình chuốc lấy khổ đau, làm mối cho thiên hạ dèm pha.

Xưa Phật còn tại thế, ngài đầu đua tranh để đoạt mảnh băng, thế mà ngài đã cảm hóa và chế phục được tất cả. Nói thế, không phải tôi chối lẻo bằng cấp, tuy không chối lẻo, nhưng cũng không lấy đó làm quan trọng. Quan trọng là «hạnh giải tương ưng».

Cứu cánh của chúng tôi không phải có mảnh băng cao, mà cứu cánh của chúng ta là an lạc giải thoát. Muốn trở nên con người hoàn toàn, trong ba món tam vô lậu học (giới, định, tuệ) không thể thiếu. Được như thế mới xứng danh «thiền nhơn chỉ đạo sư».

Thưa các anh, vì lợi ích chung, tôi mới nói lời này, chứ

TIẾNG NÓI CỦA THẾ HỆ

không phải vạch áo clo kẻ thíc xem lưng. Các anh hãy tự khép mình, và gạt ra ngoài những phần tử bất chánh, hầu tạo lại uy danh cho đạo, niềm tin tưởng vào giới trẻ hiện tại của các anh và lại cho dân em đang nổi gót.

Có như thế mới bảo tồn được



Không ỷ lại

của PHẠM-VĨNH-LỜI, Đà-nẵng.

...**Đ**ỌC bài ý-niệm trong mục tiếng nói gái trai thế hệ của anh Hoa Nguyên. Tôi thấy tất cả những cái tệ hại xảy ra cho tinh-thần lẫn vật-chất của thanh thiếu niên ta hiện nay đều do thừa cho thuyết-lý hiện-sinh. Từ những nhà văn, nhà in ra sách báo đều do chủ-thuyết này phở biến ra đề trực lợi-nhưng theo tôi nghĩ thuyết hiện sinh không đến nỗi tác hại đến như vậy, hay nói đúng hơn cái gì cũng tương đối nếu sống đúng theo vấn đề người ta vạch ra. Nguyên sống theo thuyết hiện-sinh chỉ biết sống cho hiện tại, sống chấp nhận cho

cái danh dự, dựng xây ngôi nhà chánh pháp mỗi ngày mỗi lớn mạnh thêm lên và sáng dậy đạo vàng son muôn đời trong mai hậu. Ngay hiện tại chúng ta mới tránh khỏi câu «ăn dương nong Phật» vậy.



hôm nay và không cần ngày mai, nhưng có bao giờ chỉ cho ta mang cái xấu xa vào xã-hội, quên nhiệm vụ, bổn-phận của mình đối với quốc gia xã-hội? Tuy nhiên, theo anh Hoa Nguyên, thanh-niên tuổi trẻ chúng ta vì ảnh hưởng hoàn cảnh không mấy tốt đẹp mà đã đi vào con đường tàn hại tâm hồn vẫn đang.

Trong hoàn cảnh chiến tranh ngày hôm nay còn tâm trí đâu lo cho ngày mai. Hãy sống tất cả cho hôm nay theo đúng cái nghĩa của nó như tôi đã nói ở trên. Đạn bom hàng ngày vẫn nổ, máu vẫn đổ, thịt vẫn rơi, không sống

TIẾNG NÓI CỦA THẾ HỆ

cho ngày mai sẽ ra sao! Đến chết tay trắng vẫn hoàn trắng tay—hãy dẹp bỏ tất cả những mặc cảm, những sự tủi nhục dẫu vật tâm hồn, sống chấp-nhận hầu hết mọi khía cạnh phức tạp của xã-hội.

Tôi nói như thế không phải tôi là một con người gàn bướng, nhưng trong hoàn cảnh hiện tại đầy dẫy những mưu mô, những lừa lọc, nếu ngồi đó mà tìm cách lọc lừa thì chỉ khổ nặng vào thân... Chẳng thà một phút huy hoàng rồi chợt tối, còn hơn là le lói suốt trăm năm».

Chúng ta đang đói, đói một cách còn-cào, chúng ta ăn chén cơm ngày hôm nay. Hãy thưởng thức cho trọn vẹn cái hương vị của chén cơm hôm nay, đừng bao giờ lo ngày mai sẽ có một

bữa cơm ngon hơn, thịnh soạn hơn ngày hôm nay mà đánh mất cái hứng thú, cái hương vị của chén cơm hôm nay...

Tất cả những bài báo, những sách vở có tính-cách dâm dật, lung-lạc ý-chí thanh-niên thuộc loại văn chương nhảm-nhĩ, rẻ tiền, đáng loại bỏ một trong những con sâu đầu tiên đã làm rầu nổi canh, nhưng chỉ đã quyết thì vững hơn vách núi, cứng hơn sắt thép. Tại sao tự chúng ta không loại bỏ dần những tư-tưởng những hành-động làm phương hại quốc-gia, xã-hội kia đi? Cầu cứu với ai? không ai giúp mình bằng tự mình giúp lấy — không dựa vào một kẻ nào hết — không ỷ lại ai. Tự chúng ta vạch lấy một con đường.



20 tiếng nấc.

của Hàn-sĩ LINH-GIANG, Cần-thơ.

Kính gửi nhà-văn, nhà thơ lão thành Nguyễn Vỹ.

TIẾNG NÓI CỦA THẾ HỆ

Đây là tâm-trạng thấy, sống tận mắt của chúng cháu,
của bao nỗi lòng đau-đớn é-chề vì thời cuộc, vì chiến tranh.

Là một độc giả của Phở-thộng, đang cầm súng ngoài
mặt trận.

Xin bác cho những giòng chữ này «ngủ» trên báo Phở
Thông để những người trang-lửa như chúng cháu yêu
quê hương này thêm một chút nữa !

Kính thư

TRƯƠNG QUANG SUN



Tiếng chim khóc trên cành vì không còn chỗ đậu
Tiếng quạ cười trên kinh Đồng-Thập nhìn tuây chất nổi
lều-bều.

Tiếng nấc nghẹn-ngào của người thiếu-phụ chờ chồng sau
bao ngày hao mòn trông đợi

Tiếng nói bập-bẹ của đứa trẻ lên ba mồ côi bố.

Tiếng đại-bác làm giật mình ruộng lúa ruộng bông.

Tiếng phi-cơ thả hỏa châu trong đêm đang tìm mồi lữ-đi
như con thú-dữ.

Tiếng ho lụ-khụ của cụ già nửa đêm thức giấc dậy nhớ con.

Tiếng vang kêu cứu của người dân bị đạn.

Tiếng sột-soạt của quân Cộng-Sản nấp sau lùm cây.

Tiếng hát những con diêm nằm trên nệm mát vọng lại từ
«Room for rent».

Tiếng giày nhà binh của quân đội bạn trên vỉa hè quê mẹ
Việt-Nam.

TIẾNG NÓI CỦA THẾ HỆ

Tiếng ngáy của các cô Snack bar ngủ lẫn trong lưu-quán
sau cơn mệt-mỏi.

Tiếng nhạc kích động của ngoại quốc hòa với tiếng hát
mê cuồng của trai gái Hippy Bụi đời.

Tiếng gọi lên đường của người lính «khai giồng» với bộ
ngực no tròn.

Tiếng nói «Cách Mạng» của những nhà «Ái quốc» ở biệt
thự, lâu đài.

Tiếng gọi Hòa Bình lạc giọng của Đức Giáo Hoàng và của
những nhà chúa tể Địa-cầu.

Tiếng khóc nghẹn-ngào của người vợ trong nhà xác

Tiếng rên-rỉ của người lính Cộng 16 tuổi nằm hấp hối trên
bờ mương.

Tiếng cuộc xuống đào-đất chôn vùi thế-hệ thanh niên Nam,
Bắc, hơn hai mươi năm chinh chiến.

Hỡi Thượng-Đế có nghe không ?

Hàn Sĩ LINH-GIANG
Cần Thơ

Chia buồn

Rất đau buồn thương tiếc được tin bạn :

Giuse HOÀNG CAO-TĂNG, (Air France)

đã mệnh-chung ngày 24-8-1969 tại tư-thất, Saigon.

Cảm-dộng phân-ưu cùng tang-quyển.

NGUYỄN-VỸ

SINH HOẠT TRẺ

Bắt đầu từ số này, chúng tôi mở mục «Sinh Hoạt Trẻ» để ghi nhận những chứng-tích của Văn-ngệ trẻ, những hiện-tượng trẻ của thời-đại để làm tài-liệu cho Văn-học-sử sau này.

Chúng tôi sẽ tôn-trọng tinh cách khách-quan lịch-sử (objectivité historique) của Tạp-chi Phổ-Thông, ghi lại trung-trực và đầy đủ những hiện-tượng Văn-ngệ của các lớp trẻ.

Các bạn làm văn-ngệ hôm nay có thể hợp-tác trong mục này với tinh-thần vô-lư xây-dựng thuần-tuý văn-ngệ.

PHỔ-THÔNG

Hiện Tượng «Quán» Văn-ngệ



«Thăng Bờm»

✱ THU-MAI

SAU biến-cổ Mậu-Thân, trong giới trẻ Sài-gòn xuất-hiện nhiều hiện-tượng lạ. Một trong những hiện-tượng ấy là phong-trào mở Quán cà-phê văn-ngệ. Đầu tiên chỉ có một vài «quán», nhưng dần-dà, «quán» mọc lên như nấm, mang những cái tên rất ư

«ra vẻ» như : «Quán Gió», «Quán Thơ», «Quán Linh», «Quán Bảo», «Thăng Bờm», «Cháo Lú», v.v.. và v.v...

Để bạn-đọc hiểu rõ thêm về những sinh hoạt của một số bạn trẻ, chúng tôi xin ghi lại đây không-khí văn-ngệ của một vài

SINH HOẠT TRẺ

«quán» tiêu-biểu nhất ở Đô-Thành.

Đầu tiên chúng tôi xin viết về «Thăng Bờm». Nói đến «Thăng Bờm» trước tiên không có nghĩa là xếp hạng, mà chỉ vì địa-điểm «quán» gần tòa-soạn, tiện việc đến thăm, chỉ có vậy. Và bây giờ xin mời quý bạn theo dõi một đêm sinh-hoạt của «quán thăng-Bờm».

Buổi chiều, sau khi thảo-luận với thi-sĩ N.V., tôi về nhà ăn mấy chén cơm, đọc qua loa vài tờ báo, thì đồng-hồ đã hơn 7 giờ 30. Với trang áo, tôi đi solo đến «quán thăng-Bờm» cách tòa-soạn P.T. không quá 200 m. «Thăng-Bờm» đứng ở cuối đường Đề-Thám, đối-diện nhà phát-hành Đồng-Nai. Là một ngôi nhà lầu hai tầng, mới xây. Trước cửa treo lủng lẳng một ngọn đèn điện chụp chiếc nón lá. Nơi cửa vào, cao hơn đầu người, đóng chắn ngang một thanh gỗ, viết chữ đen : «Thăng-Bờm». Bước vào trong, người ta thấy một vài cái bàn làm bằng những khúc cây, lẫn lộn với mấy chiếc

bàn salon, vuông nhỏ-nhỏ. Ghế cũng thế, có những cái bằng gỗ, bọc da màu. Có cả canapé. Trong cùng là quầy hàng, bên trái là bục gỗ, để chiếc Micro, với giá nhạc.

Hai bên tường dán nhiều bích-chương về các chương-trình chủ-đề đã và sẽ trình-diễn mỗi đêm thứ sáu. Đại khái những chủ-đề như : Tình ca mùa Hè, Đêm Thơ Hòa-bình, Tình yêu chỉ vậy, Hèm Tình Ca, Hèm Dân Ca, Đêm Thơ Thanh-lâm-Tuyền, v.v... Mỗi chương-trình như thế do các Thi nhạc ca-sĩ trẻ như Từ-kế-Tường, Thanh-lâm-Tuyền, Trần-dạ-Từ, Vũ-thành-An, Hà-nguyên-Thạch, Hoàng-ngọc-Châu, Huyền-Anh, Khánh-

PENI-V 200.000 đv
400.000 đv
500.000 đv

Thuốc viên trụ sinh loại mới PENICILLINE-V uống dễ dàng mà công hiệu như chích PENICILLINE - G

Ly, Phạm-thần-Thoại, Đặng-tấn-Tới v.v., và các bạn hữu của họ trình-bày.

Một vài bích-chương giới-thiệu các sách báo mới vừa xuất-bản, phần nhiều là của những người trẻ, có ghi giá bán. Ngoài cùng phía tường bên phải, nơi cửa ra vào, treo một cái khung, có chữ: «Exposition», «Mỗi tuần một bức», cạnh đấy là một bức tranh sơn dầu với tựa «Khăn sô cho Huế» của Hạ-quốc-Thuy, mà theo lời một anh sinh-viên trong ban quản-trị quán, thì bức tranh này anh Thy sẽ gửi dự thi giải thưởng Hội-họa của Tổng-Thống.

Trên trần nhà, treo nhiều đèn bóng chụp bằng mo cau vẽ hoa, dài dài, tỏa ánh sáng mờ mờ, ảo ảo, một cái quạt trần đang xoay tít. Hai bên treo hai bức màn nhỏ, bằng tre đan, lửng lơ, lơ lửng. Máy hát đang thổi nhạc Trịnh-công-Sơn.

Khi tôi bước vào, quán chỉ có 9 người khách, toàn con trai, tất cả đều vào khoảng hơn 20 tuổi,

mỗi bàn hai người đang ngồi uống nước ngọt, café, hút thuốc lá tán chuyện nho-nhỏ. Ở một cái bàn dài, ba người, một lính, hai civils đang chăm-chú đánh cờ tướng. Đằng quầy, hai cô gái tóc xỏa, khá xinh, một cô mặc robe trắng, một cô mặc robe tím, đang chụm đầu xem một cái gì đó, cười khúc-khích.

Tôi chọn chiếc bàn gần bực gỗ, có chiếc canapé. Nhiều đôi mắt ngằn nhio tôi bỏ ngõ rồi lại tiếp tục tán chuyện, đánh cờ. Ngồi hơi lâu mà không thấy ai hỏi gì, tôi đứng dậy đi lại quầy, hình như hai cô không hay có khách vào thì phải? Tôi hỏi chị mặc robe tím.

— Chị có cái gì uống không chị?

— Dạ có chứ. Chị uống chi?

MIDOL

TRỊ CÁC CHỨNG
ĐAU NHỨC, CẢM CŨM

— Chị cho tôi chai Bireley.

— Ở đây không có Bireley, chỉ có coca-cola, chị uống tạm nhé?

— Vâng, chị cho tôi một chai. Đêm nay có văn nghệ chị không chị?

— Dạ có chứ. Bữa nay là «Đêm họp mặt thứ Tư» vui lắm. Vui hơn thứ sáu nhiều.

Chị đến ngồi nói chuyện với tôi một lúc, chị cho biết chị đang học Văn-khoa, theo chứng-chỉ Nhân-chủng và Xã-hội-học Hỏi về việc quản-trị quán, chị bảo: «do nhiều anh sinh-viên các phân-khoa làm» Chị cũng cho biết, mỗi khi các anh em văn-ngệ muốn trình-diễn một đêm chủ-đề Thơ, Nhạc thứ Sáu, thì họ chỉ cần cho ban quản-trị biết, để sắp xếp. Họ khỏi phải trả một phí khoản nào, ban quản-trị cũng thế, sẽ không trả cho họ một thứ gì cả. Nhưng những đêm chủ-đề Thơ, nhạc mỗi thứ Sáu như thế, không thu hút được đông-đảo khán-giả mấy. Đêm thứ Tư anh em đến tham-dự đông hơn. Phần

nhiều khách-hàng thường-trực của quán là những anh em sinh-viên, học-sinh, quân nhân trẻ.

Đó là lời chị mặc robe tím đã nói cho tôi nghe như vậy.

Thấy tôi có vẻ tò-mò, hỏi lung-tung chuyện, lại vào quán một mình, chị hỏi tôi:

— Chị đi một mình?

— Vâng.

— Ồ, chắc chị là ký-giả?

— Không. Sao chị nghĩ thế?

— Nếu chị làm ký-giả thì hơi trễ đấy.

Và chị đứng đây trở lại quầy hàng.

REGAST. T

TRỊ CÁC CHỨNG ĐAU
BAO TỬ. Bào chế theo
công thức Hòa-Lan

Ngồi được hơn 15 phút thì trời bỗng dưng đổ mưa như trút nước. Tôi ngồi khoanh tay trước ngực nhìn ly Coca-cola mà rung mình. Lạnh thế này mà uống nước ngọt với đá thì phải biết. Nhưng lờ gọi rồi, chả lẽ không uống. nên tôi cũng ráng nhấm-nháp vài hớp cho phải phép. Trời mưa lạnh, ngồi trong quán nhìn những giọt café phin chảy chậm, những làn khói thuốc, những khuôn mặt bất động, những cái đầu chụm lại nói chuyện nhỏ nhỏ, tiếng hát Khánh-Ly văng-vẳng, thấy không-khí trong phòng có vẻ ấm-cúng, là lạ.

8 giờ 30, trời bớt mưa, thêm một vài người đến, mang theo áo mưa sũng nước. Dần dần, số khách hàng tăng lên khoảng hơn 20. Tất cả đều có vẻ ngạc-nhiên sự hiện-diện của tôi, vì trong quán tôi là người nữ-khách hàng duy-nhất, lại ngồi một mình nữa chứ. Có lẽ các ông ấy nghĩ rằng tôi đang ngồi chờ «kép». Bộ phải có đào kép mới bước chân vào đây được sao?

Tôi luôn miệng vãi ông địa xui khiến một cô nào phi-lạc vào đây cho tôi đỡ ngượng. Mà ông địa linh thật, tôi vừa vãi là có ngay một anh vào, cánh tay bằng bột, theo sau là một chị mặc quần «patte» trắng, chem se hoa, hai người ngồi bàn trong góc, tâm-sự. 15 phút sau thêm một cặp nữa vào. Cô này mặc mini-jupe khá cao, tóc hót ngắn, maquillée rất «Lolita».

Vừa vào cô đã cất giọng ôn-ên chào mấy anh ngồi cạnh bàn tôi :

— Chào các anh ạ.

— À Liên..

— Ai bảo với các anh rằng em tên Liên ?

Giọng cô thật «ngây-thơ và nũng-nịu»!

Tôi đưa mắt nhìn tổng quát khắp phòng, bàn nào cũng có khách, toàn con trai, chỉ có 3 cô gái, mà 2 cô đi với bồ, — và tôi. Hình như con gái không mấy hưởng-ứng những sinh-hoạt như thế này?

Vẫn chưa thấy gì lạ, các ông vẫn uống café, hút thuốc đánh cờ tướng, tán chuyện, hoặc ngồi im lặng cúi đầu ra vẻ suy-tư, hay chăm chú nghe nhạc. Trong gian phòng nhỏ, để nước ngọt, hai anh mang kiếng cận trong bàn quản-trị đang ngồi nhai bánh mì. Ngoài cửa đi vào, một thằng bé khoảng 8, 9 tuổi, mặc áo rách vai, đang ngồi lờ mắt ngó, dưới chân có một hộp đồ nghề đánh giầy. Bả ông đánh cờ từ chiều, vô ý đánh rơi mất một «o», cờ, họ bỏ cuộc, đứng dậy trả tiền ra về.

9 giờ 30, một anh trong ban quản-trị ra giới-thiệu chương-trình văn-ngệ : «Các anh chị có thể hát, ngâm thơ, nói chuyện văn-học, ai có năng-khiếu gì, cứ lên trình-bày để chung vui».

Nhưng không có ai ngâm thơ, nói chuyện văn-học, mà chỉ có các anh G.ang. Sơn, Thy, Niên, Cô Trinh. (cô mặc mini-jupe) lên vừa đánh Guitare, vừa hát nhạc Trịnh-công-Sơn, Vũ-thành-An, Phạm-Duy, xen lẫn nhạc Tiêu-chiến.

Riêng anh Thy, thì hát nhạc do chính anh sáng-tác. Anh bảo với tôi trong lúc tôi sắp ra về rằng, nhạc của anh là nhạc hiện-chiến, nhưng mang âm-hưởng Dân-Ca. Đáng lý anh đã trình-diễn một đêm nhạc chủ-đề thứ Sáu, nhưng vì những bản nhạc trầm-hùng của anh cần ca-si có giọng thật cao mới hát được, mà anh thì tìm chưa ra.

Cô Trinh, sau khi hát liên-tiếp 3 bản nhạc Việt, còn hát thêm một bản nhạc Mỹ theo lời yêu-cầu của một người bạn của cô. Cô vừa hát, vừa liếc mắt, nhìn anh Giang rất ư là âu-yếm.

Khi anh Giang đang hát, cô xuống ngồi ở bàn gần tôi, thì có một ông lính ngồi bàn sát đấy có lẽ ái-mộ. xáp tới làm quen. Anh Giang hát xong, đến ngồi dưới chân quầy hàng, hút thuốc liên-

ANACINE

TRỊ PHONG NGŨA
MỀ ĐAY, HO, SUYỀN



miên. Một lúc, có lẽ chịu đựng không nổi, anh cầm ly nước, đi lại phía cô Trinh. Chắc sợ anh đổ ghè tương, cô Trinh vội ngồi sát lại anh, choàng tay qua bụng, dụi đầu vào ngực, cười khúc khích.

Bây giờ đến phiên ông lính rút thuốc tưng hơi dài, liên-tiếp điệu

này đến điệu khác.

Thằng bé đánh giày bỏ qua, bỏ lại khắp phòng, gạ đánh giày nhưng ai cũng lắc đầu. Anh Giang móc túi cho nó đồng tiền chỉ 20 đồng. Mỗi lần một anh hát xong, nó cũng vỗ tay la :

— Bis ! Bis !

SINH HOẠT TRÈ

Trong 5 người, ai cũng hát nhiều bản, chỉ riêng anh Niên, mặc dù cả phòng hô : Bis ! Bis ! anh cũng chỉ hát một lần.

10 giờ ngưng hát, một anh trong ban quản-trị quán lên giới-thiệu « Câu lạc bộ làng Văn » của Hội Văn-hóa bình-dân, tập-san « Ý thức » của một số sinh-viên, «loa-oan lưu-động theo chân người viết, «Giá bán 50 đồng, có gởi bán tại đây». Và sau cùng là tập san «Phát-triển» của PSC cơ-quan Phát Triển Thanh-Niên Học-Đường «Báo này biểu không, ai đọc lại quày mà lấy». Suốt buổi tối tôi chỉ thấy một ông lính lại quày mua một cuốn «ý-thức».

10 giờ 30, tôi đứng dậy trả tiền đi về. Giá nước không đắt lắm, một coca-cola 30 đồng, một ly café phin 30 đồng. Tất cả chỉ có 60 đồng mà tôi đã ngồi hơn 2 giờ đồng-hồ Trong khi tôi hỏi chị châu-ngân về tên của mấy anh đã hát vừa rồi mà tôi không nhớ hết, thì có một anh hỏi tôi :

— Chị quen với Yến ? (Yến là chị châu-ngân đề thương vừa thay cho hai cô mặc robe tím, trắng lúc 8 giờ...)

— Không.

— Chị đi một mình ?

— Vâng.

— Chị ở xóm này ?

— Vâng.

— Thế mà hồi này tôi tưởng...

— Anh tưởng gì ?

— Dạ không... tôi định...

— Anh định chỉ ?

Tôi mỉm cười chào anh, chạy vội về nhà, quán sắp đóng cửa. Trời hình như đang muốn mưa thêm.

Đêm thứ Tư 3-9-69

THU-MAI





Về thăm xứ Trúo

Ai về thăm xứ Trúo
Qua sông Tiền nước đục
Đất lành đẹp như mơ
Hàng dừa xanh rũ tóc

Anh có yêu gái Việt
Về đây, anh về đây
Vai áo bà ba trắng
Kêu kị một gánh đầy

Nắng cháy lòng lữ khách
Mời một trái dừa non
Mùi quê hương dịu ngọt
Cỏ hàng quán trắng tròn

Hàng cây nghiêng bóng đổ
Con đường dài buồn tênh
Sông phơi mình mệt mỏi
Đò, sóng vỗ bập bềnh

Ai về thăm xứ Trúo
Đôi năm nữa thanh bình
Trúc giang chừ thêm đẹp
Dừa xanh, trùng dừa xanh...

ĐOÀN-THỊ-MAI
(Trúc-giang)

Mình ở



★ DIỆU.HUYỀN

COM xong. bà Tú bưng nải chuối-chà ra để tráng miệng. Liếc nải chuối, ông Tú cười :

— Lần nào em cũng mua chuối dính-lẹ.

Bà Tú mặc-cổ đỏ mặt :

— É ! Nói chuối *sinh-dôi*, chứ ai lại nói chuối *dính-lẹ* nè ! Tại cái bà bán chuối lựa cho em nải chuối vậy đó.

Ông Tú bẻ một trái riêng cho ông. còn hai trái *sinh-dôi* ông bẻ trao bà Tú :

— Phần em đấy.

— Hồng thêm đâu !

Bà Tú giành trái chuối kia. để hai trái *sinh-dôi* cho ông Tú. Bà vừa lột chuối, vừa bảo :

— Má bảo em là đàn-bà con gái không nên ăn chuối *sinh-dôi*.

— Tại sao ?

— Em biết đâu. Má bảo vậy. em hay vậy.

— Thế từ nhỏ đến lớn. em chưa ăn chuối *dính-lẹ* lần nào hết à ?

— Chưa. Hình như má có bảo đàn-bà con gái nên kiêng ăn chuối *sinh-dôi*, vì sợ sẽ đẻ con *sinh-dôi*.

— Anh nghĩ khác. Có lẽ các bà già thấy hai trái chuối dính-lẹ cho là hai trái chuối sexy đang « làm ái tình » bụi đời. Má cấm em ăn chuối dính-lẹ để em khỏi bị truyền-nhiễm sexy.

Bà Tú cười đỏ đôi má hồng :

— Minh cứ nói bá xàm !

Ông Tú phớt tỉnh, nói tiếp :

— Đàn bà con gái Việt-Nam hay có mặc-cảm với quả chuối. Chuối dính-lẹ hai trái. không ăn đã đành. Chuối một trái như chuối-già bẻ đôi ra ăn, chứ không dám ăn nguyên trái !

Bà Tú cười hăng-hắc. Ông Tú vẫn cái giọng tí h-bơ :

— Thế mà thơ Hồ- Xuân Hương thì thích đọc nguyên cả bài, chứ không chịu bẻ làm đôi !

Bà Tú đập yêu bàn tay vào cánh tay ông Tú :

— Minh thiệt...!

Bà Tú pha cà-phê. Khuấy muỗng đường trong ly cà phê đen xong, bà trao ông Tú :

— Minh à, nhân tiện em muốn biết tại sao có những đứa con *sinh đôi* hả mình ? Minh nói chuyện đúng-dẫn cho em nghe đi.

Ông Tú hớp một hớp café, rồi tùm-tùm cười, nói bà Tú :

— Nếu anh nói chuyện không đúng-dẫn em có nghe không ?

Bà Tú nhoeo nụ cười duyên dáng :

— Nghe.

— Nếu em nghe thì anh nói chuyện rất không đúng-dẫn rằng nếu trả lời đúng-dẫn câu em vừa hỏi thì phải trả lời rất đúng-dẫn rằng : Phải phân biệt những trẻ *sinh-dôi* giả và những trẻ *sinh-dôi* thiệt. *Sinh đôi* thiệt. (*les vrais jumeaux*) là do một cái trứng duy-nhất tách ra làm đôi thành hai bào thai. Còn *sinh-dôi* giả (*les faux jumeaux*) là do hai cái trứng kết hai bào thai

cùng một lúc. Nói rõ hơn nữa. sau kỳ bắt đầu có đường kinh, thường thường là 14 ngày. một cái trứng từ nơi buồng trứng của người đàn-bà rụng xuống để chờ thụ thai. Nếu vì một nguyên nhân nào đó — nhưng trường hợp này rất hiếm. — cái trứng (*ovule*) nứt ra làm đôi sau khi đã gặp tinh-trùng của đàn-ông và đã thụ-thai, thì hai bào-thai đó, sau chín tháng mười ngày trong bụng mẹ, sẽ ọc-ọc ra chào đời thành hai đứa trẻ *sinh-dôi*, cùng một giống. Nghĩa là cả hai đều là con trai hết hoặc đều là con gái hết, và ra đời chỉ cách nhau chừng 10 hay 15 phút. Phần nhiều hai trẻ *sinh-dôi* này giống nhau như đúc, nhưng cũng thiếu hai chất bổ cần-thiết cho cơ thể : sắt và Calcium. Đó gọi là *sinh-dôi* thiệt. Còn nhiều khi, — trường hợp này thường xảy ra luôn. — hai cái trứng cùng rụng xuống một lúc và cùng thụ thai, đó gọi là *sinh-dôi* giả. *Sinh-dôi* giả có khi cùng giống, có khi khác giống. (một trai một gái) chứ không nhất thiết phải là cùng

một giống như sinh-đôi thiệt. Sinh đôi giả lại có khi hai đứa trẻ giống nhau, có khi không giống nhau, hoặc giống nhau ít thôi.

— Em chưa được thấy hai người sinh-đôi lần nào.

— Hồi anh ở An-Thái (Bình-Định), vào năm 1926, anh có thấy hai đứa con trai sinh đôi của một ông già thuyền chài, tên là thằng Cồn và thằng Cạn, chúng nó giống nhau như đúc. Lúc bấy giờ chúng 11 tuổi, suốt thời gian gần một năm anh ở đấy, ngày nào anh cũng gặp hai đứa nó trên bờ sông, mà anh không bao giờ phân biệt được đứa nào là thằng Cồn, đứa nào là thằng Cạn. Gặp thằng Cồn, anh hỏi : «Mày phải thằng Cạn không ?» Nó chỉ cười. Gặp thằng Cạn, anh hỏi : «Mày là thằng Cồn, hay thằng Cạn ?» Nó cũng cười. Hai đứa nó cười cũng giống hệt nhau, dáng đi, bộ đứng, cách ăn, cách nằm, cách ngủ, tiếng nói, cái nhìn, cho đến cả những cái sở thích, cái ý muốn, cái khiếu thông minh, đều y hệt

nhau, không có một chút gì phân biệt hai đứa cả. Theo Bác-sĩ Zazzo, một nhà bác-học Pháp, nghiên cứu về các người sinh-đôi, thì cho đến những đường chỉ tay và những dấu lằn tay (empreintes digitales) của hai người sinh-đôi thiệt, đều giống nhau như một. Giáo-sư Henri Vignes ở bệnh viện Paris còn cho biết có hai chị em sinh-đôi, 18 tuổi, cùng đau trên vú bên trái, cùng một lúc, nơi cùng một tế-bào, cùng một cái nhọt giống hệt nhau. Hai cô này ở chung một phòng.

— Nếu hai người sinh-đôi lớn lên ở xa nhau, họ có cùng một nếp sống như nhau không ?

— Tùy theo hoàn-cảnh vật-chất riêng của mỗi người. Nhưng họ vẫn có sự thu-hút lẫn nhau, kết-cảm với nhau về tinh thần. Trường hợp ông Cécil Couper, người Gia-nã-Đại, 50 tuổi đau nặng năm hấp-hối trong bệnh-viện Winnipeg, tháng 8 năm 1946. Trong một phút mê-mạn, ông đòi thấy mặt người em sinh-đôi của ông, Edward, ở Luân-đôn mà ông không gặp từ năm 1917.

Người ta đánh giấy thép gọi Edward, Edward đi máy bay về. Vừa trông thấy mặt em (giống ông như đúc), ông Cecil tỉnh lại dần dần, rồi ba ngày sau ông khỏe hẳn, và lành bệnh luôn. Các bác-sĩ đều cho đó là một màu-nhiệm phi-thường.

— Về khả-năng tinh-thần, những người sinh-đôi có giống nhau không ?

— Cũng tùy hoàn-cảnh trí thức giống nhau, thì hai người không khác nhau mấy. Như hai nhà Bác-học nổi tiếng thế giới, Auguste và Jean Picard là hai anh em sinh-đôi thiệt. Ngay từ thiếu thời, hai anh em đều có khiếu về Khoa-học, Auguste chuyên về vật-lý học, Jean về Hóa-học. Cả hai đều thi đậu tiến sĩ cùng một khóa, cùng làm giáo-sư, cùng thám-hiềm thượng tầng không khí.

Có chuyện này mới lạ. Giáo-sư Zazzo, nhà bác-học mà anh đã nói lúc nãy, một hôm nhận được bức thư sau đây của một ông già Breton 60, tuổi : Chúng tôi là anh em sinh-đôi. Lúc nào

chúng tôi cũng đi thuyền chài với nhau. Một hôm tôi nhức mũi, ở nhà nghỉ, để em tôi đi một mình. Nửa đêm tôi giật mình tỉnh dậy, kêu : «Em tôi chết trôi 1» Sáng sớm hôm sau, quả nhiên, người ta cho biết em tôi đã chết trôi giữa biển lúc nửa đêm»

Nói về anh em sinh đôi giống nhau, còn có giai thoại lý-thú này. Sau khi Pháp được giải phóng có cuộc tổng tuyển cử Quốc-Hội Pháp năm 1946. Hai anh em sinh đôi Paul và Alfred Coste Floret (39 tuổi. Paul lớn hơn Alfred 15 phút) cùng ra ứng cử ở hai tỉnh Hé-rault và Haute-Garonne. Hai người giống nhau như một, đến đôi nhiều lần ông Paul ra diễn thuyết ở Haute Garonne thay cho ông Alfred mà toàn thể cử-tri đều không biết, cứ tưởng là ông Alfred. Ấy thế mà ông Paul có một điểm khác ông Alfred, một điểm khác duy nhất, là một nốt ruồi nhỏ bằng hạt mè trên má bên phải ông Paul.

Nhà văn hài-hước Mỹ rất nổi danh là Mark Twain có một

người em sinh-đôi giống hệt ông, nhưng không ai gặp bao giờ.

Một nhà báo hỏi, ông trả lời :

— Ừa, tội-nghiệp Bill !

Nhà báo ngạc nhiên :

— Ông Bill đã chết rồi à ?

Mark Twain đáp :

— Điều đó, tui tui không bao giờ biết rõ. Một bí-mật hoàn-toàn về vụ này. Hẳn với tui là anh em sinh-đôi, và hồi 15 tuổi, hai đứa tôi cùng đi tắm sông. Một đứa tui chết trôi, nhưng cả gia-đình tui đều không biết rõ là đứa nào chết. Nhiều người nói chắc rằng đứa chết đó là Bill. Nhiều người lại quả quyết rằng đứa chết đó là tui.»

— Có nhà văn nào đã viết sách về những người sinh-đôi không, hả Minh ?

— Có chứ. Trước J.C. 200 năm, thời Thượng cổ, đã có nhà văn Hy-lạp Plaute viết vở kịch rất thích thú về những anh em sinh-đôi.

Mới đây, có Paul Gibson viết quyển «Merveilleux», trong đó có một chuyện xác-thực mà ai cũng biết, về ba anh-em sinh-ba D n, Bill và Griffith Jones, ba người Anh-quốc. Ngay sau khi mới sanh, chị vú săn-sóc cho ba đứa trẻ ấy cứ lộn hoai. Có nhiều khi tắm cho Dan 2 lần mà không cho Bill, tưởng là Dan là Bill, Bill là Dan. Một lần, chị cho Griffith ch. y đi chơi, chị chạy đi kiếm Dan, gặp Griffith, chị lại bắt Griffith ăn, tưởng là Dan-Griffith khóc thét lên, chị lại vào mét người mẹ là Dan không chịu ăn. Ở một năm, mà chị vú ấy ch. ra phân biệt được đứa nào là Dan, đứa nào là Griffith, đứa nào là Bill. Bà mẹ cũng lăm-lộn hoai, bèn cột vào cổ mỗi đứa mỗi cái ruban màu khác nhau : xanh, đỏ, vàng. Nhưng đến bữa ăn, chúng nó lộn đôi ruban với nhau, cả nhà đều điên đầu vì không biết đứa nào đã ăn, đứa nào chưa ăn. Chúng thích chạy đi chơi hơn, chừng nào thật đói mới đòi ăn. Sau ba đứa đi học, bà giáo cũng cứ gọi lộn tên, suốt cả niên khóa.

— Minh Ơi, số người sinh-đôi sinh-ba chắc là ít chứ không nhiều đâu, Minh nhi.

— Theo bản thống-kê của Hàn-Lâm-Viện Y khoa Pháp, năm 1950 thì cả trên thế-giới có 40 triệu người sinh-đôi. Chưa kể sinh-ba, sinh-bốn, sinh-năm .. Nước Bỉ đẻ sinh-đôi nhiều nhất cả thế-giới. Sn -đôi giả (hai trứng) nhiều hơn gấp bốn sinh-đôi thiệt (một trứng tách làm đôi) Sinh-đôi giả phần nhiều là di-truyền. Như Triều Vua Pháp, dòng họ Capet. Philippe Anguste, Louis VIII, Charles d'Anjou, Charles de Valois, Jean Le Bon, Charles VII, Louis XII, đều có con sinh-đôi.

Nói chung, gia-đình nào đã có một lần sinh-đôi thì thế nào dòng dõi đó cũng sẽ có người sinh-đôi, vì di-truyền. Ở Việt-Nam, cũng như ở Trung-Hoa, Nhật-Bồn, đàn-bà không thích đẻ sinh-đôi. Nếu có thì họ giấu-diếm, nên khó làm bản thống-kê. Họ cho rằng đẻ sinh-đôi là một triệu chứng không tốt.

— Ừa, đúng đấy, Minh Ơi. Tại vì vậy mà Má không cho em ăn chuối sinh-đôi, sợ em sẽ có con sinh-đôi. Cả đậu phụng 3 hột, Má cũng b. ầu dừng ăn, sợ sẽ đẻ con sinh ba.

— Rồi em cũng tin lời mà ? Cứ mỗi lần mua chuối d. ỉnh-lẹo, em cứ bắt anh ăn để anh hứng cái hậu quả !

Ông Tú uống l. ạm cà-phê cuối cùng, rồi bảo :

— Nhưng Má quên nói cho em biết rằng đàn-ông con trai ăn chuối d. ỉnh-lẹo sẽ có hai vợ. Còn ăn đậu phụng 3 hột sẽ có vợ ba.

Bà Tú véo ông Tú một cái vào cánh tay :

— Từ nay em không thèm mua chuối cho mình ăn đâu !

Bà nhay vô cù-léc ông Tú, làm ông Tú nhột quá phải ôm lời bà lên giường. Hai người giỡn cả buổi trưa, không ngủ.

Điêu Huyền

Một ngày trở lại

Bước đi một bước một rầu,
Một thân áo trắng cơ-cầu nắng mưa.
Về đây cảnh cũ đường xưa,
Trường-Tiền chấp nối vẫn chưa quên buồn.
Người đi tóc thề vẫn buông,
Áo lay trong nắng vẫn buồn liêu-trai.
Nhịp-nhàng bước một bước hai,
Trong vui rộn-rã u-hoài riêng mang.
Mùa-may nụ hoa nắng vàng
Điểm bóng trên áo dịu dàng ai đi
Lạ rồi ! Thời có conchì,
Nửa năm xa vắng hôm ni ngỡ ngán.
Dòng sông nước xanh mơ-màng
Hừng-hờ tôi mãi như nắng không quen
Đắm hương vô bóng con thuyền
Cho tan-nát những ưu-phiền ngày xưa
Đề buồn thôi chờ đông-đưa,
Dang tay hái nụ hương thừa hự không
Áo bay, thuyền lướt phiêu-bồng,
Một ngày trở lại nghe lòng vẫn vương
Xa rồi biển nhớ rừng thương,
Nhớ sâu bến Ngự, nhớ buồn Nam-giao.
Nhớ thành-lũy động tiêu-hao,
Nhớ rừng-rừng nổi ghen-ngạo Hương-giang
Chừ về buồn lên mệnh-mang,
Qua sông một chuyến đò ngang lặng-lờ,
Có ai đầu mà đón chờ !
Chỉ hàng cây đứng ven bờ trông theo.

NHẬT-HUYỀN-THANH
(Huế)

Bức Tâm-thư số 8

(tiếp theo trang 10)

Nữ Cao-đẳng Phật-học đương và Nữ Cao-học Phật-học viện, sẽ đào tạo các Ni-trưởng giám-đốc, v.v...

Chúng tôi trình-bày đề-nghị trên đây cùng các quý vị Hòa Thượng. Thượng Tọa Việt-Nam, không phân biệt giáo-phái nào. Vì lẽ rằng, mỗi giáo-phái, Bắc Tôn, Nam Tôn, Nguyên-Thủy, Tịnh-Độ-tông, Lục-hòa, Cổ-Sơn-Môn, nhất sĩ, v.v... đều có thể tổ-chức riêng những hệ-thống Phật-giáo Cứu Khổ sâu rộng như thế, miễn là chu-hướng về mục phiêu xã-hội của Phật-giáo Việt-Nam nói chung, theo giáo-điều Từ-Bi Bác-Ái của Đức Phật.

Chúng tôi thiết tưởng đối với Phật-giáo, không có chính trị nào mẫu-nhiệm bằng chính-trị Cứu-Khổ Cứu Nạn chúng sinh, không có cách-mạng nào cao quý bằng cách mạng Từ Bi Bác-Ái của Đấng Chí-Tôn.

Làm được như thế, tức là Phật-giáo Việt-Nam cứu nguy Đạo-Pháp, Dân-Tộc và Nhân-loại đau-khổ, được nhiều lắm vậy.

Chúng tôi thiết-tha kêu gọi khẩn-cấp toàn thể Tăng-chúng, từ các bậc Hòa Thượng, Thượng Tọa chân tu, đức độ cao thâm, đến các vị Sa-Di trẻ tuổi, tương lai của Phật-giáo, nên đem hết Bồ-đề-tâm kiên-cố để xây-dựng và tu-bồ lại nền Đạo đang bị lung-lay và rác-rến bần-thiếu.

Quý vị nên làm gấp, vì bọn quý-sứ, ma-vương, dưới lớp nguy Tăng, ác-tăng, giả-tăng, đang xúm nhau phá-phách Nhà Phật, và mưu toan bán Phật !

Nam Mô Bồn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.

Phật lịch 2513

Quốc Lịch, Kỷ nguyên Rồng Vàng, năm 4848.



và nhóm Phật tử V.N. và Hải ngoại.



✻ Họa Thơ Nữ sĩ Tương-Phồ

Kính gửi ông Chủ bút Phồ-Thông, trong số 227 ngày 1-8-69 tôi thấy bài thơ «Buồn đất nước» và «Tin tưởng», nên tôi có họa nguyên văn gửi lên quý báo, để tỏ cảm-tình tha thiết của tên lính già.

ĐÁP HỌA

Lịch sử oai hùng hỏi biết không
 Trường kỳ tranh đấu lạ gì trông
 Biên thù chiến sĩ phơi xương máu
 Thành thị dân sang ném bạc đồng
 Mong môi hòa bình còn dịu vợi
 Đau thương dày xéo khắp non sông
 Nhiều nhượng cũng bởi non sông
 Đoàn kết cứu nhau một giống Rồng.

LÍNH GIÀ
 ĐĐ4/293/ĐĐQ
 KBC 4460.



● Nguyệt san Văn tin tưởng, cơ quan tranh đấu Hội Phế-Bệnh Việt Nam số 1 ra ngày 1-9-1969, tòa soạn 57 Nguyễn Thông. Chủ nhiệm Đình-trung-Thu, thư ký tòa soạn Sâm-Thương, Quản Lý Nguyễn-văn-Quân. Bài của Nguyễn-mạnh Côn, Hà-Huyền-di, Đoàn-quốc-Sĩ, Nhất-Tuấn, Tường-Linh, v.v.

● Khai Phóng

Nội san tỉnh-hội Phụ-Huỳnh Học-sinh Khánh Hòa. Số 1, tháng 5-1969. Có những bài ca Quách Tấn, Trần ngọc Lợi, Châu Hải ký, Bửu Đáo, Phạm đình Tân, Vĩnh Thọ, Dương Kiên, v.v.

Trụ sở : 40 Yersin, Nha Trang. Hội trường : Nguyễn Dương.

In trên giấy blanc-fin. Kỹ thuật ấn-loát đẹp.

● **Nông-Dân tạp chí.**

Khoa học, y học, Công Nông Ngư nghiệp. Mục Súc. Lâm-Khoáng-sân.

Chủ nhiệm : Hồng đức-Tên. Chủ bút : Kỹ sư Lâm-văn-văng

Tòa soạn : 177-179 Hàm-Nghi, Sài Gòn.

Đã phát hành ngày 1-9-69.

● **Chuyện cấm Đàn-Bà**

Truyện cười, của Đặng trần Huân.

Nhiều truyện lý thú, kể bằng một lối văn duyên dáng, dễ thương.

Nhà X.B. Sáng Tạo, 330/60 B Thành Thái, Chợ Lớn

● **Giọt đắng chảy qua hôn.**

«Thơ văn nghệ giọt thời-gian», «viết tay tự-do» của Ý-Yiễm, Lê thị Lê Loi, Cung Hoài Tường, Tôn Hoài Mông, V.A.C, v.v... Không có nhà xuất bản, — không đề giá bán — không có địa chỉ.

Dạy vẽ * Dạy vẽ * Dạy vẽ

Muốn vẽ được tranh, chỉ cần 3 tháng thời.

Bạn hãy theo học những lớp sau đây :

— LỚP VẼ CĂN BẢN và MÀU NƯỚC.

— LỚP VẼ TRANH LỰA.

— LỚP VẼ TRANH SƠN DẦU.

Họa sĩ MỘNG CHƯƠNG (xuất thân Trường Cao Đẳng Mỹ Thuật Đông Dương) sẽ tận tình hướng dẫn. Một chương trình thật khoa học, mới mẻ và thực tiễn. Ai học cũng hiểu ai cũng vẽ được ! Nhiều bài giảng, bài tập in sẵn và giấy vẽ biểu không dễ thực tập. Nhiều bạn theo học đã thành tài. Kết quả thật mỹ mãn. Một cơ hội tốt để các bạn thích vẽ, yêu hội họa học hỏi.

Bạn lấy chương trình và ghi tên tại :

LONG-VÂN — 307 Lý Thái Tổ, Saigon.

Bích muốn viện lẽ để an ủi Bình. Nhưng qua giọng điệu, lý luận của Bích, hình như Bích cũng còn muốn an ủi chính mình nữa. Thành thử Bình cứ cảm thấy trái lại, Bích định cứu đỡ anh, nhưng đã đẩy anh dạt lui trở vào NGỰC TỐI CỦA LÒNG MÌNH, rõ sâu...

Truyện dài LAN-ĐÌNH

ĐỜI MỚI xuất bản. đã phát hành khắp nơi.

Thông báo cần kíp **Hòa Bình... Nghĩ gì? Làm gì?**

Tòa soạn PHỔ THÔNG được nhà văn Nguyễn Mạnh-Côn nhờ loan tin gấp đến bạn đọc thân mến cùng quý vị chủ hiệu sách ở thủ đô và các tỉnh

1. — Cuốn HÒA BÌNH.. NGHĨ GÌ? LÀM GÌ? đã in xong và đang được vào bìa. Sách dày 550 trang khổ lớn (như cuốn Giác mơ của đá) chữ 12, trình bày hết sức đặc biệt, hai lần bìa cộng 7 mẫu nguyên off-set của Duy Thanh. Sẽ bắt đầu bán 15 tháng 9, giá 500 đồng. Trong thời hạn từ hôm nay đến hết ngày 14 tháng 9, bạn đọc có thể đặt mua trước tại nhà Tổng Phát hành Đồng Nai, số 370 đường Đề Thám, Sài Gòn, với giá đặc biệt 400 đồng. Ngoài giá tiền hạ được 100 đồng, bạn nào đặt mua trước sẽ được giao sách sớm hơn nhiều ngày, và mỗi cuốn đều có chữ ký của tác giả.

2. — Một số nhỏ được in trên giấy đặc biệt dày và mịn, được bán số thứ tư tiếp theo 4 cuốn dành riêng để tặng Tổng Thống Cộng hòa, và quý ông Chủ tịch Quốc hội, Chủ tịch tối cao Pháp-viện, Chủ tịch Hạ Nghị viện. Bìa đóng cạt-tổng dây, bọc gấm hay giả da, in chữ vàng, và, ngoài mấy dòng lưu bút của tác giả, còn có một túi giấy đựng một tờ bản thảo viết tay của tác giả (có chữ ký và con dấu của sở kiểm duyệt trên mỗi tờ), một bản vô chữ in (épreuve) do chính tác giả sửa chữa hoặc thêm bớt. Mỗi cuốn có hai giải lụa màu tuyệt đẹp để đánh dấu nơi đang đọc, và, tất nhiên, có bọc nylon ngoài bìa. Sách giữ đi xa theo thẻ thực bảo đảm có phiếu hồi âm, sẽ được đặt trong hộp bằng bìa cứng, cước phí về phần tác giả chịu. Mỗi cuốn đặc biệt, đánh số từ IV đến LIV, giá có 2.000 (hai nghìn) đồng.

3. — Vì sách in quá công phu, và chắc còn lâu mới in lại được, quý vị chủ hiệu sách ở xa nên đặt trước số sách có thể tiêu thụ được.

4. — Thư từ và ngân phiếu xin đề cho Ông Châu-ngọc-Quang (thiếp phiếu trương mục số 32,35 tại Chánh Trung Khu Chi phiếu, Saigon) hay Ông Võ-văn-Ảnh, cùng ở số 270 Đề-Thám, Saigon.

MỌI NƠI

TRONG MỌI GIA ĐÌNH



Nước ngọt **CON CỌP** mỗi chai
là nguồn vui mạnh kéo dài tuổi Xuân

Nhà hàng Đại-La-Thiên

Điện-thoại số. 26.893

31 — 33 đường Lãng-Ông CHOLON

- Đặc biệt các món ăn Tiều
- ★ Sạch sẽ vệ sinh và ngon miệng
- Bếp khéo, bồi giỏi và lễ p ép
- ★ Có máy điều hòa không khí

Ở lâu 3 lộ-thiên có không khí thiên-nhiên
trong một khung cảnh huy hoàng diễm ảo

Gần đến kinh kỳ, Bần thần đã dượt hay là đang hành
kinh mà đau bụng, uống Lối Công Hoan « Ông Tiên ». Các tiệm
thuốc có Bắc bán lẻ. Nhà thuốc Ông-Tiên » Phú-Lâm Cholon.
K.N.BYT. số 9-5-63

Phong ngựa Ghẻ chốc, lở loét, gãi lở đầu ăn lan tò
đó không phải thoa phết sơ sai ngoài da mà hết. Uống Giải
phong Sát-Độc-Hoàn « Ông Tiên » Trên 30 năm danh
tiếng. Có bán lẻ ở các tiệm thuốc Bắc.

Nhà thuốc Ông Tiên Phú.Lâm, Cholon
(K.N. BYT. số 3—9-5-63)

Giấy phép số 292 CDVTTTINH ngày 9-10-1961

Chủ-nhiệm : NGUYỄN-VỸ

THƯ LÂM ẤN THƯ QUẢN

231, Phạm-Ngũ Lão — SAIGON
Đ.T. : 25.861

GIÁ : 30 đồng

Công sở : gấp đôi



NEUROTIC

CÔNG HIỆP NHU THÂN

★ BỒI BỔ OC

★ TĂNG CƯỜNG TRI NHỚ

BẢO HIỆP SỬ DỤNG